

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



TRẦN THỊ MAI HƯƠNG

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

SOME SOLUTIONS TO ATTRACT INVESTMENT CAPITAL
INTO INDUSTRIAL ZONES IN THAI NGUYEN PROVINCE

Chuyên ngành: Kinh tế đầu tư

Mã ngành: 8310104

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. PHẠM VĂN HÙNG

HÀ NỘI, NĂM 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan đây là đề án được nghiên cứu độc lập của riêng tác giả. Tôi xin cam kết rằng, sau khi đọc và hiểu rõ về các hành vi vi phạm sự trung thực trong học thuật, tôi hoàn toàn xác nhận nghiên cứu này do tôi tự thực hiện và không vi phạm bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến sự trung thực trong học thuật.

Tác giả xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về đề án này.

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Tác giả đề tài

Trần Thị Mai Hương

LỜI CẢM ƠN

Sau quá trình nghiên cứu và sự nỗ lực của bản thân, đặc biệt sự hướng dẫn của tận tâm của **PGS.TS. Phạm Văn Hùng**, tôi đã hoàn thành đề tài đúng tiến độ.

Tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc tới PGS.TS. Phạm Văn Hùng vì đã tận tình hướng dẫn và đôn đốc tôi trong suốt quá trình thực hiện đề án này.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến tập thể các thầy cô giáo tại khoa Kinh tế đầu tư - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, đã truyền đạt cho tôi những kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành cũng như những kinh nghiệm hết sức thiết thực để tôi có được nền tảng kiến thức phục vụ thực hiện đề tài.

Tác giả xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Tác giả đề tài

Trần Thị Mai Hương

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

DANH MỤC HÌNH BẢNG

TÓM TẮT

PHẦN MỞ ĐẦU 1

1. Sự cần thiết của đề tài 1

2. Mục tiêu nghiên cứu 2

3. Phương pháp nghiên cứu 3

4. Phạm vi nghiên cứu..... 4

5. Kết cấu của đề án..... 4

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ CHO KHU CÔNG NGHIỆP Ở ĐỊA PHƯƠNG (CẤP TỈNH)..... 5**1.1. Khái quát về khu công nghiệp..... 5**

1.1.1. Khái niệm về khu công nghiệp 5

1.1.2. Đặc điểm của khu công nghiệp 5

1.2. Thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp ở địa phương..... 6

1.2.1. Các khái niệm..... 6

1.2.2. Nội dung thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp..... 7

1.2.3. Công cụ thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp 13

1.2.4. Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp.....14

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp 18

1.3.1. Nhân tố chủ quan 18

1.3.2. Nhân tố khách quan..... 19

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ CHO KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN 2018 - 2023 22**2.1. Đặc điểm tỉnh Thái Nguyên ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp..... 22**

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên 22

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội 23

2.1.3. Khái quát về các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	26
2.2. Thực trạng thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	38
2.2.1. Công tác quy hoạch, định hướng phát triển các khu công nghiệp.....	38
2.2.2. Công tác quản lý xây dựng	40
2.2.3. Công tác đầu tư xây dựng hạ tầng các Khu công nghiệp.....	43
2.2.4. Công tác quản lý thu hút đầu tư, cấp giấy phép đầu tư vào các KCN	
2.2.5. Công tác xúc tiến và quản lý đầu tư.....	46
2.3. Công cụ thu hút vốn đầu tư.....	48
2.3.1 Công cụ hành chính.....	48
2.3.2 Công cụ kinh tế	51
2.3.3 Công cụ xã hội	52
2.4. Các chỉ tiêu đánh giá thu hút vốn đầu tư và thực hiện vốn đầu tư vào các khu công nghiệp.....	54
2.5. Đánh giá chung thực trạng thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	58
2.3.1. Kết quả đạt được	58
2.3.2. Hạn chế	59
2.3.3 Nguyên nhân của hạn chế	61
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ CHO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN	64
3.1. Phân tích SWOT trong thu hút vốn đầu tư cho các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	64
3.2. Một số giải pháp thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	67
3.2.1. Giải pháp về xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng:	67
3.2.2. Giải pháp hoàn thiện cơ chế chính sách và cải cách thủ tục hành chính	68
3.2.3. Giải pháp xúc tiến đầu tư	70
3.2.4. Giải pháp khuyến khích, hỗ trợ đầu tư.....	72
3.3. Kiến nghị	74
3.3.1 Kiến nghị với các cơ quan Chính Phủ	74

3.3.2 Kiến nghị với UBND tỉnh Thái Nguyên.....	75
KẾT LUẬN	76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	78

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
1	KCN	Khu công nghiệp
2	CTCP	Công ty cổ phần
3	GRDP	Gross Regional Domestic Product: Tổng sản phẩm trên địa bàn
4	FDI	Foreign Direct Investment: Đầu tư trực tiếp nước ngoài
5	DDI	Domestic Direct Investment: Đầu tư trực tiếp trong nước
6	CNĐKĐT	Chứng nhận đăng ký đầu tư
7	PAPI	Provincial Governance and Public Administration Performance Index: chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh
8	TTHC	Thủ tục hành chính

DANH MỤC HÌNH BẢNG

Bảng 2. 1: Công tác quản lý xây dựng giai đoạn 2021 - 2023.....	40
Bảng 2. 2: Tình hình cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy CNĐKĐT năm 2021 - 2023	43
Bảng 2. 3: Các chỉ tiêu đánh giá công tác thu hút vốn đầu tư vào các Khu công nghiệp ...	54
Bảng 2.4: Tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp.....	57
Bảng 2.5: Giá trị vốn đầu tư.....	57
Bảng 2.6: Cơ cấu vốn đầu tư theo loại hình.....	58
Bảng 3. 1: Phân tích SWOT	64
Hình 2. 1: Quy hoạch các KCN trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	28

TÓM TẮT

Đề án tập trung nghiên cứu thực trạng thu hút vốn đầu tư và tình hình phát triển các khu công nghiệp (KCN) tại tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2021–2023. Qua quá trình khảo sát, phân tích dữ liệu và phỏng vấn các bên liên quan, đề án đã làm rõ những kết quả nổi bật mà Thái Nguyên đạt được trong công tác thu hút đầu tư và phát triển hạ tầng công nghiệp.

Trước tiên, tổng vốn đầu tư đăng ký vào các KCN trên địa bàn tỉnh liên tục tăng qua các năm, từ 52 nghìn tỷ đồng năm 2021 lên 67 nghìn tỷ đồng năm 2023, với tỷ lệ vốn thực hiện đạt trung bình 64%. Những con số này cho thấy sự cải thiện tích cực trong việc biến cam kết đầu tư thành hiện thực. Đặc biệt, các KCN như Yên Bình, Sông Công I và II đã thu hút được nhiều dự án lớn trong lĩnh vực công nghệ cao, góp phần đưa Thái Nguyên trở thành một trong những trung tâm công nghiệp quan trọng ở khu vực miền Bắc.

Đề án cũng ghi nhận sự cải thiện đáng kể trong công tác xúc tiến đầu tư. Tỉnh đã tổ chức nhiều hội nghị lớn, ký kết các biên bản ghi nhớ quan trọng với các nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời quảng bá hình ảnh Thái Nguyên tại các thị trường tiềm năng như Nhật Bản, Hàn Quốc. Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, từ miễn giảm thuế đến hỗ trợ hạ tầng, đã giúp tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thu hút không chỉ các dự án FDI mà còn cả các doanh nghiệp trong nước.

Bên cạnh đó, đề án đã đánh giá cao việc cải cách thủ tục hành chính và xây dựng cơ chế “một cửa liên thông,” giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ đầu tư. Các khu công nghiệp đã được nâng cấp về hạ tầng, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải và giao thông nội khu, góp phần tăng tỷ lệ lấp đầy đất công nghiệp lên trên 80% tại một số KCN trọng điểm.

Những kết quả này không chỉ khẳng định sự đúng đắn trong định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh mà còn mở ra cơ hội để Thái Nguyên trở thành điểm đến đầu tư hàng đầu tại khu vực trung du và miền núi phía Bắc.

Từ khóa: Thu hút vốn đầu tư, Khu công nghiệp Thái Nguyên, Phát triển công nghiệp

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Việc thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp (KCN) có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt là với tỉnh Thái Nguyên – một trung tâm kinh tế, chính trị, giáo dục, và công nghiệp của vùng trung du và miền núi phía Bắc. Các khu công nghiệp không chỉ là động lực phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm, mà còn góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, và cải thiện đời sống dân cư. Tuy nhiên, hiệu quả thu hút vốn đầu tư cho các KCN vẫn chưa thực sự tương xứng với tiềm năng và lợi thế của địa phương.

Thái Nguyên, với vị trí là trung tâm công nghiệp của vùng trung du và miền núi phía Bắc, đã không ngừng triển khai các chính sách phát triển và thu hút đầu tư, tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp, công nghệ cao và dịch vụ. Tỉnh đặc biệt chú trọng cải thiện môi trường đầu tư thông qua việc đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm thiểu thủ tục phiền hà và tăng cường tính minh bạch trong quản lý. Thái Nguyên đã thành lập Tổ công tác đặc biệt để hỗ trợ doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn và vướng mắc trong quá trình triển khai dự án. Những cuộc đối thoại định kỳ giữa lãnh đạo tỉnh và các nhà đầu tư được tổ chức thường xuyên nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động kinh doanh và đầu tư. Một trong những trọng tâm chính sách của tỉnh là phát triển hạ tầng các khu công nghiệp. Đến nay, Thái Nguyên đã quy hoạch tổng cộng 12 khu công nghiệp với diện tích 4.245 ha, cùng 41 cụm công nghiệp có diện tích 2.067 ha. Tỉnh đã đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống giao thông kết nối và xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ trong các khu công nghiệp, tạo ra quỹ đất sạch và các điều kiện tối ưu cho nhà đầu tư. Việc hoàn thiện hạ tầng đã giúp Thái Nguyên thu hút nhiều dự án lớn từ các tập đoàn trong và ngoài nước, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao và thân thiện môi trường.

Thái Nguyên hiện sở hữu 5 khu công nghiệp lớn: Sông Công I, Sông Công II, Nam Phổ Yên, Diềm Thụy, và Yên Bình. Các KCN này đều có vị trí địa lý chiến lược, nằm gần các tuyến giao thông huyết mạch và trung tâm kinh tế lớn, đặc biệt là vùng Thủ đô Hà Nội. Những năm qua, công tác thu hút vốn đầu tư cho các KCN đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Tính đến năm 2023, các KCN của tỉnh đã thu

hút được tổng cộng 302 dự án đầu tư, trong đó có 167 dự án FDI với tổng vốn đăng ký đạt hơn 10,8 tỷ USD, và 135 dự án DDI với tổng vốn đăng ký đạt 17,3 nghìn tỷ đồng. Các dự án này không chỉ góp phần tăng năng lực sản xuất công nghiệp mà còn tạo ra hàng trăm nghìn việc làm cho lao động địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành công đạt được, công tác thu hút vốn đầu tư vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần được khắc phục. Trong giai đoạn 2018–2023, tỷ lệ lấp đầy tại một số KCN chưa đạt kỳ vọng, như KCN Điềm Thụy chỉ đạt khoảng 75% diện tích, trong khi các khu mở rộng như Nam Phổ Yên vẫn còn nhiều diện tích chưa sử dụng hiệu quả. Hơn nữa, cơ cấu ngành nghề thu hút đầu tư chưa thực sự đa dạng, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực sản xuất truyền thống như điện tử, cơ khí, chế biến, trong khi các ngành công nghệ cao và thân thiện môi trường vẫn chiếm tỷ lệ thấp. Một số khó khăn khác cũng được ghi nhận, bao gồm hệ thống hạ tầng chưa đồng bộ, công tác giải phóng mặt bằng còn chậm trễ, và chính sách ưu đãi đầu tư chưa đủ hấp dẫn so với các địa phương lân cận.

Cụ thể, KCN Sông Công I mặc dù đã hoạt động ổn định nhưng tổng vốn đăng ký DDI chỉ đạt 7.588,27 tỷ đồng, thấp hơn kỳ vọng. Tại KCN Sông Công II, mặc dù thu hút được 13 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 1,1 tỷ USD, nhưng số dự án DDI chỉ đạt 9 với tổng vốn đăng ký trên 2.000 tỷ đồng, cho thấy sự mất cân đối trong cơ cấu nguồn vốn. Đối với KCN Nam Phổ Yên, diện tích mở rộng lên đến 143ha nhưng chưa thu hút được dự án lớn đáng kể nào, dẫn đến tình trạng sử dụng đất chưa hiệu quả.

Những tồn tại này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nghiên cứu và đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm tăng cường hiệu quả thu hút vốn đầu tư vào các KCN. Chính vì lý do trên, học viên lựa chọn đề tài “Một số giải pháp thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên” làm đề án tốt nghiệp thạc sĩ.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của đề án là dựa trên hệ thống cơ sở lý luận về thu hút vốn đầu tư, đề án tiến hành phân tích và đánh giá thực trạng thu hút vốn đầu tư cho KCN trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2021 -2023, chỉ rõ kết quả, hạn chế và nguyên nhân để đề xuất một số giải pháp để tăng cường thu hút vốn đầu tư cho KCN trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn tới, định hướng tới 2030

3. Phương pháp nghiên cứu

Trước tiên, phương pháp thu thập tài liệu được áp dụng nhằm tập hợp dữ liệu thứ cấp từ các nguồn đáng tin cậy. Các nguồn tài liệu bao gồm báo cáo từ Ban Quản lý Khu Công nghiệp Thái Nguyên về tình hình thu hút vốn đầu tư giai đoạn 2018–2023, niên giám thống kê của tỉnh, các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, và các tài liệu pháp lý liên quan đến chính sách thu hút đầu tư. Việc tổng hợp các thông tin này tạo nền tảng vững chắc cho quá trình phân tích và đánh giá thực trạng.

Song song với đó, phương pháp thống kê, tổng hợp và phân tích được sử dụng để xử lý dữ liệu thu thập được. Các chỉ số chính được phân tích bao gồm tổng vốn đầu tư đăng ký, vốn thực hiện, tỷ lệ lấp đầy đất công nghiệp, và cơ cấu ngành nghề của các dự án đầu tư tại các khu công nghiệp như Sông Công I, Sông Công II, Nam Phổ Yên, Yên Bình và Diềm Thụy. Việc phân tích này giúp làm rõ những kết quả đạt được, nhận diện các hạn chế và nguyên nhân gây ra các tồn tại, từ đó tạo cơ sở để đề xuất các giải pháp phù hợp.

Phương pháp so sánh cũng được sử dụng để đối chiếu tình hình thu hút vốn đầu tư giữa các khu công nghiệp trong tỉnh Thái Nguyên. Thông qua việc so sánh, đề án đã chỉ ra được những điểm mạnh và yếu của từng khu công nghiệp, đồng thời đánh giá mức độ cạnh tranh của Thái Nguyên so với các tỉnh lân cận trong khu vực miền Bắc. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc rút ra bài học kinh nghiệm và xác định các yếu tố cần cải thiện để nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư.

Bên cạnh đó, phương pháp chuyên gia được áp dụng thông qua các cuộc phỏng vấn với các chuyên gia, lãnh đạo tại Ban Quản lý Khu Công nghiệp Thái Nguyên và các nhà đầu tư. Các ý kiến thu thập được từ các cuộc phỏng vấn này giúp làm rõ những thách thức, khó khăn mà tỉnh đang phải đối mặt, đồng thời cung cấp những góc nhìn chuyên sâu về các cơ hội và tiềm năng thu hút đầu tư trong tương lai.

Cuối cùng, phương pháp dự báo được triển khai nhằm xác định xu hướng thu hút vốn đầu tư trong giai đoạn 2025–2030. Trên cơ sở phân tích các số liệu thực tế và đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phương pháp này đã xây dựng các kịch bản phát triển, giúp nhận diện các cơ hội và thách thức tiềm năng. Kết quả của quá trình dự báo không chỉ làm rõ triển vọng phát triển mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc đề xuất các giải pháp chiến lược, đảm bảo tính khả thi và hiệu

quả của các khuyến nghị trong đề án.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu vấn đề thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp.

- Về không gian: Nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, tập trung vào 05 khu công nghiệp (Sông Công I, Sông Công II, Nam Phổ Yên, Yên, Diềm Thụy).

- Về thời gian: Các số liệu và tình hình thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái nguyên từ năm 2021 đến năm 2023.

5. Kết cấu của đề án.

Chương 1: Cơ sở lý luận về thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp ở địa phương (cấp tỉnh)

Chương 2: Thực trạng thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2023

Chương 3: Một số giải pháp thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ CHO KHU CÔNG NGHIỆP Ở ĐỊA PHƯƠNG (CẤP TỈNH)

1.1. Khái quát về khu công nghiệp

1.1.1. Khái niệm về khu công nghiệp

Khu công nghiệp (KCN) là một mô hình kinh tế tập trung, được hình thành nhằm mục đích phát triển công nghiệp hóa và hiện đại hóa, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Theo **Từ Điển Bách Khoa Việt Nam**, “Khu công nghiệp là khu chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, do chính phủ thành lập hay cho phép thành lập.” Định nghĩa này nhấn mạnh rằng KCN là mô hình kinh tế đặc thù, không chỉ phục vụ sản xuất mà còn đáp ứng các nhu cầu về dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động sản xuất công nghiệp.

Theo **Nguyễn Văn Nam (2015)**, khu công nghiệp là "một khu vực được quy hoạch tập trung để tổ chức các hoạt động sản xuất công nghiệp, trong đó các doanh nghiệp được hưởng các điều kiện hạ tầng và chính sách ưu đãi để tối ưu hóa hiệu quả sản xuất." Tác giả cho rằng, khu công nghiệp không chỉ là không gian vật lý mà còn là một hệ sinh thái kinh tế khép kín, nơi tập trung nguồn lực sản xuất và công nghệ [22].

Bên cạnh đó, **Lê Thị Hồng (2018)** cũng định nghĩa rằng, “Khu công nghiệp là khu vực được quy hoạch và phát triển theo mô hình tập trung, nhằm mục tiêu tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên, phát triển cơ sở hạ tầng và nâng cao hiệu quả đầu tư.” Định nghĩa này làm rõ thêm vai trò của khu công nghiệp trong việc tối ưu hóa nguồn lực và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững [11].

Như vậy, khái niệm khu công nghiệp là một khu đất được phân chia và phát triển có hệ thống nhằm cung cấp địa điểm cho các ngành công nghiệp tương hợp với hạ tầng cơ sở, các tiện ích công cộng, các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ.

1.1.2. Đặc điểm của khu công nghiệp

Mỗi quốc gia thì đều quy hoạch khu công nghiệp với quy các khu công nghiệp với quy mô và kết cấu xây dựng cơ sở hạ tầng có thu hút vốn đầu tư khác nhau. Nhìn chung, các khu công nghiệp có những đặc điểm như sau:

Các khu sản xuất hàng công nghiệp và cung cấp dịch vụ cho sản xuất công

nghiệp có vị trí địa lý xác định, là nơi tập trung các dự án đầu tư dài hạn. Với kết cấu hạ tầng được đầu tư đồng bộ và vị trí thuận lợi và kết nối giao thông, khu công nghiệp luôn là trọng điểm thu hút đầu tư từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước để phát triển tối đa sản xuất công nghiệp của địa phương. Trong đó, tại địa phương có khu công nghiệp được hình thành sẽ gắn với nguồn nguyên liệu của địa phương để phát huy tối đa tiềm năng tại địa điểm mà xây dựng khu công nghiệp mà không gây ô nhiễm đến khu vực dân cư lân cận.

Khu công nghiệp thường được quy hoạch ở những vị trí địa lý không có dân cư sinh sống và thuận tiện cho giao thông đi lại để thu hút các đơn vị sản xuất hoặc dịch vụ gắn liền với sản xuất công nghiệp.

Các khu công nghiệp đều có hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, tạo điều kiện cho các hoạt động kinh doanh như điện, nước, nhà xưởng,... nhằm giảm thiểu chi phí lắp đặt, xây dựng hạ tầng, thuận tiện cho các doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đồng thời ảnh hưởng rất lớn đến việc thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp vào các khu công nghiệp. Nếu các khu công nghiệp nằm tại vị trí thuận lợi, có điều kiện cơ sở hạ tầng thuận lợi sẽ thu hút nhà đầu tư vào đầu tư nhiều hơn. Ngược lại, nếu điều kiện không tốt thì sẽ không thể kéo được vốn đầu tư.

1.2. Thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp ở địa phương

1.2.1. Các khái niệm

Theo Từ Quang Phương & Phạm Văn Hùng (2013): “Nguồn vốn đầu tư chính là phân tích lũy được thể hiện dưới dạng giá trị được chuyển hóa thành vốn đầu tư đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội”.

Theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 (2020): “Vốn đầu tư là tiền và tài sản khác theo quy định của pháp luật về dân sự và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh” [12].

Như vậy, vốn đầu tư là toàn bộ các chi phí bỏ ra để thực hiện mục đích đầu tư, là giá trị của các tài sản vô hình và hữu hình được chủ sở hữu vốn đưa vào quá trình tái sản xuất xã hội nhằm mục đích hoàn vốn và thu lợi nhuận qua thời gian đầu tư.

Thu hút vốn đầu tư là hoạt động nhằm khai thác, huy động các nguồn vốn đầu tư để đáp ứng như cầu vốn đầu tư cho phát triển kinh tế. Thu hút vốn đầu tư bao gồm tổng hợp các cơ chế, chính sách, thông qua các điều kiện về hành lang pháp lý, kết

cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội, các nguồn tài nguyên, môi trường... để thu hút các nhà đầu tư vốn, khoa học công nghệ,... để sản xuất, kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu nhất định.

Thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp là hoạt động khai thác và huy động các nguồn vốn đầu tư vào các khu công nghiệp nhằm phục vụ cho sản xuất hàng công nghiệp và dịch vụ cho sản xuất công nghiệp tại các khu công nghiệp.

1.2.2. Nội dung thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp

1.2.2.1 Công tác quy hoạch, định hướng phát triển các khu công nghiệp

Công tác quy hoạch và định hướng phát triển khu công nghiệp là nội dung quan trọng trong việc thu hút vốn đầu tư, đảm bảo sự phát triển bền vững và cân bằng giữa các khu vực. Quy hoạch khu công nghiệp không chỉ đơn thuần là phân bổ diện tích đất mà còn bao gồm việc xây dựng các cơ sở hạ tầng đồng bộ, kết nối với các tuyến giao thông và đô thị. Theo Nguyễn Văn Nam (2015), quy hoạch khu công nghiệp cần gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo sự phù hợp giữa tiềm năng tự nhiên và định hướng phát triển ngành nghề của khu vực[22].

Trong quy hoạch, việc lựa chọn vị trí đóng vai trò tiên quyết, bởi các khu công nghiệp thường được đặt tại các vùng có vị trí giao thông thuận lợi, gần các tuyến đường cao tốc, cảng biển hoặc sân bay để dễ dàng vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm. Nguyễn Thị Hồng (2018) nhấn mạnh rằng, việc bố trí khu công nghiệp tại các vị trí chiến lược không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mà còn giảm thiểu chi phí logistics, từ đó tăng sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư[17].

Quy hoạch khu công nghiệp cần chú trọng đến sự đa dạng hóa ngành nghề, phù hợp với tiềm năng và lợi thế của địa phương. Theo Lê Quang Hùng (2020), các khu công nghiệp nên tập trung vào các ngành công nghiệp sạch, công nghệ cao, và sản xuất hàng hóa có giá trị gia tăng cao để không chỉ thu hút vốn đầu tư mà còn đảm bảo bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Sự cân nhắc kỹ lưỡng về cơ cấu ngành nghề giúp tối ưu hóa nguồn lực tự nhiên và lao động, đồng thời thúc đẩy sự phát triển kinh tế toàn diện[10].

Ngoài ra, quy hoạch cần lồng ghép các yếu tố hạ tầng xã hội như nhà ở cho công nhân, các dịch vụ hỗ trợ như bệnh viện, trường học, và khu vui chơi giải trí để nâng cao chất lượng cuộc sống và làm việc trong khu công nghiệp. Điều này không chỉ cải

thiện năng suất lao động mà còn góp phần giữ chân nhân sự và gia tăng sự hài lòng của các doanh nghiệp đầu tư.

Một yếu tố không thể thiếu trong công tác quy hoạch là sự đồng bộ giữa các chính sách phát triển và môi trường pháp lý. Phạm Văn Hùng (2013) chỉ ra rằng, quy hoạch khu công nghiệp hiệu quả cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền trong việc ban hành chính sách và thực thi pháp luật. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình đầu tư, triển khai dự án, cũng như mở rộng sản xuất.

1.2.2.2 Công tác quản lý xây dựng các khu công nghiệp

Công tác quản lý xây dựng khu công nghiệp là một nội dung cốt lõi trong việc đảm bảo các khu công nghiệp được triển khai đồng bộ, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và phục vụ hiệu quả cho việc thu hút vốn đầu tư. Quản lý xây dựng không chỉ bao gồm việc kiểm soát chất lượng công trình mà còn bao trùm các hoạt động giám sát, điều phối, và bảo đảm tiến độ xây dựng phù hợp với kế hoạch phát triển chung. Theo Nguyễn Văn Nam (2015), việc quản lý xây dựng khu công nghiệp cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng và bảo vệ môi trường, từ đó tạo nền tảng bền vững cho sự phát triển kinh tế địa phương [22].

Một trong những yếu tố quan trọng trong công tác quản lý xây dựng là lập kế hoạch chi tiết và kiểm soát tiến độ thi công. Các khu công nghiệp thường bao gồm nhiều hạng mục xây dựng như hệ thống hạ tầng giao thông nội khu, cấp thoát nước, điện năng, xử lý nước thải, và các khu nhà xưởng. Do đó, việc xây dựng kế hoạch tổng thể, phân chia các giai đoạn hợp lý và giám sát tiến độ chặt chẽ là điều kiện tiên quyết để các công trình được hoàn thành đúng thời gian, đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư. Phạm Văn Hùng (2013) nhấn mạnh rằng, sự chậm trễ trong xây dựng không chỉ làm giảm sức hút đối với doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín và hiệu quả quản lý của chính quyền địa phương [23].

Ngoài ra, công tác quản lý xây dựng cần tập trung vào việc đảm bảo chất lượng công trình thông qua việc lựa chọn các nhà thầu có năng lực, sử dụng vật liệu xây dựng đạt chuẩn, và thực hiện giám sát kỹ thuật nghiêm ngặt trong quá trình thi công. Theo Lê Quang Hùng (2020), các khu công nghiệp hiện đại cần được xây dựng với cơ sở hạ tầng kỹ thuật cao, đảm bảo khả năng vận hành lâu dài và thích nghi với các

yêu cầu phát triển công nghệ trong tương lai. Việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong xây dựng và sử dụng công nghệ tiên tiến cũng là yếu tố quan trọng để tăng tính cạnh tranh của khu công nghiệp[10].

Quản lý xây dựng cũng bao gồm việc đảm bảo yếu tố bền vững và bảo vệ môi trường. Các công trình trong khu công nghiệp cần được thiết kế và xây dựng theo hướng thân thiện với môi trường, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải và chất thải công nghiệp. Nguyễn Thị Hồng (2018) chỉ ra rằng, sự chú trọng đến các giải pháp xây dựng xanh không chỉ giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường mà còn nâng cao giá trị thương hiệu của khu công nghiệp trong mắt các nhà đầu tư quốc tế.

Cuối cùng, quản lý xây dựng đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư và các nhà thầu. Việc thiết lập một hệ thống giám sát hiệu quả, minh bạch và có trách nhiệm là yếu tố quyết định để đảm bảo các dự án xây dựng được triển khai đúng quy định và đạt được mục tiêu đề ra. Theo Nguyễn Tấn Phong (2017), sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bên không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn lực mà còn giảm thiểu các rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện dự án[18].

1.2.2.3 Công tác đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp

Công tác đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp đóng vai trò cốt lõi trong việc tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững và thu hút vốn đầu tư. Hạ tầng khu công nghiệp bao gồm hệ thống giao thông, cấp thoát nước, cung cấp điện, xử lý chất thải và các dịch vụ hỗ trợ, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Theo Nguyễn Văn Nam (2015), việc xây dựng hạ tầng đồng bộ và hiện đại là yếu tố quan trọng để nâng cao sức hấp dẫn của các khu công nghiệp, đặc biệt đối với các nhà đầu tư nước ngoài[22].

Đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp cần được thực hiện theo kế hoạch tổng thể, gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Quá trình này thường bắt đầu bằng việc đánh giá kỹ lưỡng các yếu tố địa lý, kinh tế và kỹ thuật nhằm lựa chọn vị trí và thiết kế hạ tầng phù hợp. Nguyễn Thị Hồng (2018) nhấn mạnh rằng, hạ tầng khu công nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, không chỉ để phục vụ sản xuất mà còn đảm bảo khả năng mở rộng trong tương lai[17].

Hệ thống giao thông nội khu và liên khu vực là một trong những hạng mục đầu tư quan trọng nhất. Các tuyến đường trong khu công nghiệp cần được thiết kế rộng

rãi, kết nối với các trục giao thông chính như cao tốc, cảng biển, và sân bay. Lê Quang Hùng (2020) chỉ ra rằng, sự thuận tiện trong giao thông không chỉ giúp giảm chi phí logistics mà còn nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp[10].

Ngoài giao thông, hạ tầng kỹ thuật như hệ thống cấp điện và nước sạch cũng cần được chú trọng. Các khu công nghiệp hiện đại thường được trang bị trạm biến áp công suất lớn để cung cấp điện ổn định, cùng với hệ thống cấp nước sạch từ các nhà máy có công suất cao. Đồng thời, các khu công nghiệp cũng phải đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải và chất thải công nghiệp để đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường. Phạm Văn Hùng (2013) khẳng định rằng, yếu tố môi trường ngày càng trở thành một trong những tiêu chí quan trọng để các nhà đầu tư lựa chọn địa điểm đầu tư.

Bên cạnh đó, hạ tầng xã hội như khu nhà ở cho công nhân, các dịch vụ tiện ích và khu vực công cộng cũng cần được tích hợp trong quá trình đầu tư xây dựng. Những tiện ích này không chỉ cải thiện đời sống cho người lao động mà còn giúp các doanh nghiệp giữ chân nhân sự và nâng cao năng suất làm việc. Nguyễn Tấn Phong (2017) cho rằng, sự đầu tư vào hạ tầng xã hội không chỉ mang lại giá trị kinh tế mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của các khu công nghiệp[18].

Công tác đầu tư xây dựng hạ tầng đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, nhà đầu tư và các đơn vị thi công. Sự hỗ trợ từ phía nhà nước thông qua các chính sách ưu đãi đầu tư, tài trợ vốn hoặc hỗ trợ giải phóng mặt bằng là rất cần thiết để đẩy nhanh tiến độ xây dựng. Theo Nguyễn Hữu Thắng (2016), việc thiết lập một hệ thống quản lý đầu tư hạ tầng hiệu quả và minh bạch sẽ giúp tối ưu hóa nguồn lực, giảm thiểu các rủi ro phát sinh và đảm bảo chất lượng công trình[14].

1.2.2.4 Công tác cấp giấy phép đầu tư vào các khu công nghiệp

Công tác cấp giấy phép đầu tư vào các khu công nghiệp là một trong những hoạt động quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thu hút vốn và hiệu quả triển khai các dự án đầu tư. Việc cấp phép đầu tư không chỉ đơn thuần là việc phê duyệt dự án mà còn thể hiện sự minh bạch, công khai và hiệu quả của cơ quan quản lý nhà nước trong việc tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư. Theo Nguyễn Văn Nam (2015), quy trình cấp giấy phép đầu tư cần đảm bảo tính nhanh chóng, chính xác,

đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật để tạo niềm tin cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước[22].

Một trong những nội dung cốt lõi của công tác cấp giấy phép đầu tư là xây dựng một quy trình thủ tục rõ ràng, minh bạch và phù hợp với pháp luật hiện hành. Nguyễn Thị Hồng (2018) cho rằng, để nâng cao hiệu quả cấp phép, cần áp dụng cơ chế "một cửa liên thông" để giảm bớt sự chồng chéo giữa các cơ quan quản lý, đồng thời tăng cường khả năng phối hợp giữa các cấp chính quyền. Điều này không chỉ giúp rút ngắn thời gian cấp phép mà còn giảm thiểu các chi phí không chính thức mà nhà đầu tư có thể phải chịu[17].

Công tác cấp giấy phép đầu tư cũng cần chú trọng vào việc đánh giá năng lực của nhà đầu tư và tính khả thi của dự án. Lê Quang Hùng (2020) nhấn mạnh rằng, việc thẩm định kỹ lưỡng các yếu tố như nguồn vốn, công nghệ, và tác động môi trường của dự án là cần thiết để đảm bảo các khu công nghiệp phát triển theo hướng bền vững. Đồng thời, cơ quan quản lý cần xem xét kỹ các dự án đầu tư nhằm tránh tình trạng chiếm dụng đất không hiệu quả hoặc dự án treo[10].

Ngoài ra, công tác cấp phép cần đi đôi với việc cung cấp thông tin và hỗ trợ nhà đầu tư. Các khu công nghiệp cần xây dựng cơ sở dữ liệu chi tiết, cập nhật thường xuyên về quy hoạch, cơ sở hạ tầng, và các chính sách ưu đãi để giúp nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận thông tin. Theo Phạm Văn Hùng (2013), việc cung cấp thông tin minh bạch không chỉ giúp cải thiện hình ảnh của khu công nghiệp mà còn nâng cao khả năng cạnh tranh trong việc thu hút vốn đầu tư.

Công tác cấp phép đầu tư cũng cần gắn liền với các chính sách ưu đãi để thu hút các nhà đầu tư chiến lược. Những ưu đãi này có thể bao gồm miễn giảm thuế, hỗ trợ tài chính, hoặc các điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng. Nguyễn Tấn Phong (2017) chỉ ra rằng, các chính sách ưu đãi cần được thiết kế linh hoạt, phù hợp với định hướng phát triển của từng khu công nghiệp, từ đó tối ưu hóa hiệu quả thu hút vốn đầu tư[18].

Cuối cùng, để nâng cao hiệu quả công tác cấp giấy phép đầu tư, cần có sự tăng cường giám sát và hậu kiểm. Điều này đảm bảo rằng các dự án đã được cấp phép triển khai đúng tiến độ, tuân thủ các cam kết đầu tư và không gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường hoặc cộng đồng. Theo Nguyễn Hữu Thắng (2016), sự giám sát chặt chẽ không chỉ giúp nâng cao uy tín của cơ quan quản lý mà còn góp phần xây dựng

môi trường đầu tư lành mạnh[14].

1.2.2.5 Công tác xúc tiến và quản lý đầu tư vào các khu công nghiệp

Công tác xúc tiến và quản lý đầu tư vào các khu công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện thu hút nguồn vốn, đặc biệt là từ các nhà đầu tư nước ngoài. Đây là một nội dung không thể thiếu trong chiến lược phát triển khu công nghiệp, giúp tăng cường năng lực cạnh tranh của địa phương và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững. Theo Nguyễn Văn Nam (2015), xúc tiến đầu tư không chỉ là hoạt động quảng bá hình ảnh khu công nghiệp mà còn bao gồm việc xây dựng các chính sách ưu đãi, cải thiện môi trường đầu tư và duy trì sự hỗ trợ lâu dài cho các doanh nghiệp[22].

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác xúc tiến đầu tư là quảng bá tiềm năng và lợi thế của khu công nghiệp. Điều này đòi hỏi việc thiết lập các kênh thông tin hiệu quả, tổ chức các hội thảo, triển lãm, và các chương trình gặp gỡ trực tiếp với các nhà đầu tư tiềm năng. Theo Nguyễn Thị Hồng (2018), sự minh bạch và đầy đủ về thông tin quy hoạch, hạ tầng, cũng như các chính sách ưu đãi là yếu tố quyết định để thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư. Đặc biệt, cần xây dựng một thương hiệu uy tín cho khu công nghiệp thông qua các hoạt động xúc tiến chuyên nghiệp và hiệu quả[18].

Ngoài quảng bá, việc xây dựng các chính sách ưu đãi phù hợp cũng là yếu tố quan trọng trong công tác xúc tiến đầu tư. Các ưu đãi này thường bao gồm giảm thuế, miễn phí thuê đất, hoặc hỗ trợ chi phí xây dựng hạ tầng. Lê Quang Hùng (2020) chỉ ra rằng, chính sách ưu đãi cần được thiết kế linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của từng ngành công nghiệp mà khu công nghiệp hướng đến, từ đó tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp triển khai dự án[10].

Song song với xúc tiến, công tác quản lý đầu tư đóng vai trò đảm bảo hiệu quả và tính bền vững của các dự án đã thu hút. Quản lý đầu tư bao gồm việc kiểm soát tiến độ triển khai dự án, giám sát việc tuân thủ các cam kết về môi trường, sử dụng đất, và các quy định pháp luật liên quan. Theo Phạm Văn Hùng (2013), một hệ thống quản lý đầu tư chặt chẽ không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro mà còn góp phần nâng cao uy tín của khu công nghiệp trong mắt các nhà đầu tư hiện tại và tiềm năng.

Hơn nữa, công tác quản lý đầu tư cần đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các

cơ quan quản lý và nhà đầu tư. Sự hỗ trợ kịp thời trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh, như thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng, hoặc cung cấp dịch vụ hạ tầng, là yếu tố quan trọng để các dự án được triển khai suôn sẻ. Nguyễn Tấn Phong (2017) nhấn mạnh rằng, sự hỗ trợ tận tình từ phía chính quyền không chỉ giúp các nhà đầu tư yên tâm mà còn tạo dựng lòng tin và thiện chí lâu dài.

Cuối cùng, công tác xúc tiến và quản lý đầu tư cần được đánh giá và điều chỉnh thường xuyên để đảm bảo tính hiệu quả và đáp ứng được các yêu cầu thay đổi của thị trường. Nguyễn Hữu Thắng (2016) cho rằng, việc phân tích kết quả của các hoạt động xúc tiến và quản lý đầu tư sẽ giúp xác định các điểm mạnh, điểm yếu và từ đó đưa ra các giải pháp cải thiện.

1.2.3. Công cụ thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp

Công cụ thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp (KCN) là tập hợp các biện pháp, chính sách và hoạt động mà chính quyền sử dụng để tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích và hấp dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, các công cụ này bao gồm các biện pháp kinh tế, hành chính và xã hội, nhằm huy động các nguồn vốn đầu tư cho các ngành, lĩnh vực hoặc địa bàn trọng điểm. Những công cụ này không chỉ góp phần thu hút nguồn vốn mà còn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo thêm việc làm, và nâng cao năng lực cạnh tranh cho địa phương.

1.2.3.1 Công cụ hành chính

Công cụ hành chính bao gồm các quy định, chính sách pháp lý, và thủ tục hành chính nhằm tạo môi trường đầu tư ổn định và minh bạch. Theo Nguyễn Văn Nam (2015), việc đơn giản hóa thủ tục cấp phép đầu tư, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và đảm bảo tính minh bạch trong quy trình hành chính là những yếu tố quan trọng giúp cải thiện môi trường đầu tư. Các quy định về quy hoạch, sử dụng đất và bảo vệ môi trường cũng đóng vai trò như một khung pháp lý hỗ trợ, giúp các nhà đầu tư yên tâm khi triển khai dự án. Ngoài ra, cơ chế "một cửa liên thông" trong việc giải quyết thủ tục hành chính được xem là giải pháp hiệu quả nhằm giảm thiểu chi phí và thời gian cho các doanh nghiệp.

1.2.3.2 Công cụ kinh tế

Công cụ kinh tế bao gồm các chính sách ưu đãi về thuế, tài chính, và hỗ trợ hạ tầng nhằm tăng sức hấp dẫn của các khu công nghiệp đối với nhà đầu tư. Nguyễn Thị Hồng (2018) cho rằng các chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu máy móc, và hỗ trợ chi phí thuê đất là những biện pháp hữu hiệu để khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực trọng điểm. Bên cạnh đó, việc đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật như giao thông, cấp nước, điện và xử lý nước thải trong khu công nghiệp cũng là yếu tố quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp. Chính sách tài trợ vốn vay ưu đãi hoặc hỗ trợ tài chính từ các quỹ phát triển địa phương cũng góp phần giảm áp lực tài chính cho các nhà đầu tư.

1.2.3.3 Công cụ xã hội

Công cụ xã hội tập trung vào việc cải thiện các yếu tố liên quan đến môi trường sống và làm việc cho người lao động trong khu công nghiệp, từ đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Theo Lê Quang Hùng (2020), xây dựng các khu nhà ở cho công nhân, trường học, bệnh viện, và các tiện ích xã hội trong hoặc gần khu công nghiệp không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động mà còn giúp giữ chân nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Ngoài ra, việc xây dựng hình ảnh địa phương năng động, an toàn, và thân thiện cũng là yếu tố thu hút các nhà đầu tư, đặc biệt là trong các ngành công nghệ cao và công nghiệp xanh.

Như vậy, việc sử dụng đồng bộ các công cụ hành chính, kinh tế và xã hội trong thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp không chỉ giúp gia tăng dòng vốn đầu tư mà còn tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy sự phát triển bền vững của địa phương. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các công cụ này sẽ là chìa khóa để các khu công nghiệp trở thành động lực tăng trưởng kinh tế hiệu quả.

1.2.4. Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp

1.2.4.1 Tổng số vốn đăng ký

Tổng số vốn đăng ký là chỉ tiêu quan trọng phản ánh quy mô cam kết đầu tư của các dự án vào khu công nghiệp. Chỉ tiêu này bao gồm cả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và vốn đầu tư trong nước (DDI). Quy mô vốn đăng ký không chỉ thể hiện sức hấp dẫn của khu công nghiệp mà còn cho thấy tiềm năng phát triển kinh tế của địa phương. Tuy nhiên, vốn đăng ký chỉ mang tính cam kết ban đầu và không phải lúc nào cũng được thực hiện đầy đủ. Do đó, cần đánh giá thêm các chỉ tiêu khác để

hiều rõ hơn về hiệu quả thu hút đầu tư.

1.2.4.2 Tổng số vốn đầu tư thực hiện

Tổng số vốn đầu tư thực hiện là con số thực tế mà các nhà đầu tư đã triển khai trên địa bàn. Đây là chỉ số phản ánh mức độ tin cậy và sự thành công trong việc biến các cam kết đầu tư thành các hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế. Việc đánh giá vốn thực hiện giúp xác định mức độ khả thi của các dự án và hiệu quả quản lý đầu tư của địa phương. Đặc biệt, khi so sánh vốn thực hiện với vốn đăng ký, ta có thể đo lường mức độ hiệu quả trong việc thu hút và triển khai dự án.

1.2.4.3 Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện so với đăng ký

Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện so với đăng ký được tính theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ vốn thực hiện so với đăng ký (\%)} = \frac{\text{Vốn thực hiện}}{\text{Vốn đăng ký}} * 100\%$$

Chỉ số này thể hiện mức độ cam kết thực tế của các nhà đầu tư so với những gì họ đã đăng ký ban đầu. Tỷ lệ cao cho thấy các dự án có tính khả thi cao, môi trường đầu tư thuận lợi và năng lực quản lý tốt từ phía địa phương. Ngược lại, tỷ lệ thấp có thể phản ánh những khó khăn trong quá trình triển khai, như vướng mắc về pháp lý, giải phóng mặt bằng, hoặc thiếu sự hỗ trợ từ chính quyền. Việc nâng cao tỷ lệ này là mục tiêu quan trọng để đảm bảo vốn đầu tư được sử dụng hiệu quả.

1.2.4.4 Tỷ lệ dự án thực hiện so với đăng ký

Tỷ lệ dự án thực hiện so với đăng ký được tính như sau:

$$\text{Tỷ lệ dự án thực hiện so với đăng ký (\%)} = \frac{\text{Dự án thực hiện}}{\text{Dự án đăng ký}} * 100\%$$

Chỉ số này cho biết bao nhiêu dự án trong tổng số dự án đăng ký đã được triển khai thực tế. Một tỷ lệ cao thường cho thấy môi trường đầu tư ổn định, quy trình hành chính minh bạch và sự hỗ trợ tích cực từ các cơ quan quản lý. Tuy nhiên, tỷ lệ thấp có thể cho thấy những hạn chế về chính sách, cơ sở hạ tầng hoặc khả năng hấp thụ vốn đầu tư của địa phương. Tỷ lệ này cũng phản ánh sự đồng đều trong phân bổ và triển khai các dự án.

1.2.4.5 Vốn đầu tư bình quân của một dự án

Vốn đầu tư bình quân của một dự án được tính theo công thức

$$\text{Vốn đầu tư bình quân của một dự án} = \frac{\text{Tổng số vốn đầu tư}}{\text{Tổng số dự án}}$$

Chỉ số này giúp đánh giá quy mô trung bình của các dự án đầu tư. Nếu vốn đầu tư bình quân cao, điều này cho thấy địa phương đang thu hút được các dự án quy mô lớn, có tiềm năng tạo ra nhiều giá trị gia tăng và việc làm. Ngược lại, nếu chỉ số thấp, có thể các dự án đầu tư đang ở quy mô nhỏ, chủ yếu tập trung vào các ngành sử dụng nhiều lao động giá rẻ hoặc có giá trị gia tăng thấp. Địa phương cần có chiến lược thu hút những dự án có quy mô vốn lớn và công nghệ cao để tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực.

1.2.4.6 Vốn đầu tư trên một ha đất

Vốn đầu tư trên một ha đất được tính theo công thức:

$$\text{Vốn đầu tư trên ha đất} = \text{Tổng số vốn đầu tư} / \text{Tổng ha đất thuê}$$

Chỉ số này đánh giá hiệu quả sử dụng đất trong khu công nghiệp. Nếu suất vốn đầu tư trên một ha đất cao, điều này cho thấy đất đai được sử dụng hiệu quả, thu hút được các dự án giá trị cao. Ngược lại, chỉ số thấp có thể phản ánh tình trạng lãng phí đất đai, thu hút các dự án nhỏ, hoặc chưa tận dụng được hết tiềm năng. Đây là cơ sở để địa phương điều chỉnh chính sách sử dụng đất, đảm bảo tính bền vững trong phát triển khu công nghiệp.

1.2.4.7 Cơ cấu vốn đầu tư

Cơ cấu vốn đầu tư có thể được phân tích theo ba khía cạnh chính: loại hình doanh nghiệp, ngành kinh tế và đối tác đầu tư.

- Theo loại hình doanh nghiệp: Cơ cấu này phản ánh sự phân bổ vốn giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Sự gia tăng tỷ lệ FDI thường đồng nghĩa với việc thu hút được công nghệ, quản lý tiên tiến và thị trường quốc tế. Tuy nhiên, điều này cần được cân bằng với sự phát triển của doanh nghiệp trong nước để đảm bảo tính bền vững.

- Theo ngành kinh tế: Phân bổ vốn theo ngành giúp đánh giá mức độ đa dạng hóa và ưu tiên ngành. Các ngành như công nghiệp công nghệ cao, chế biến chế tạo thường được ưu tiên vì tạo ra giá trị gia tăng cao. Tuy nhiên, địa phương cũng cần phát triển các ngành phụ trợ, dịch vụ để tăng sức hấp dẫn và hỗ trợ cho các ngành công nghiệp mũi nhọn.

- Theo đối tác đầu tư: Cơ cấu này phân tích nguồn vốn đến từ các quốc gia, khu vực khác nhau. Việc đa dạng hóa đối tác đầu tư giúp giảm thiểu rủi ro và tăng cường

hợp tác quốc tế. Các nhà đầu tư đến từ các quốc gia phát triển thường mang lại công nghệ và nguồn lực tài chính dồi dào, nhưng địa phương cũng cần chú trọng đến các đối tác trong nước để thúc đẩy sự phát triển cân đối.

Việc phân tích chi tiết các chỉ tiêu về vốn đăng ký, vốn thực hiện, và các tỷ lệ liên quan không chỉ giúp đánh giá hiệu quả thu hút đầu tư mà còn cung cấp cơ sở để cải thiện chính sách. Đồng thời, các chỉ số về vốn đầu tư bình quân, suất vốn đầu tư trên ha đất và cơ cấu vốn đầu tư cho thấy rõ định hướng phát triển kinh tế của địa phương, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh thu hút vốn đầu tư ngày càng gia tăng. Qua đó, địa phương có thể xây dựng chiến lược phù hợp, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và thúc đẩy phát triển bền vững.

1.2.4.8 Tỷ lệ lấp đầy

Tỷ lệ lấp đầy là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá hiệu quả sử dụng đất và năng lực thu hút đầu tư của các khu công nghiệp (KCN). Chỉ tiêu này được tính bằng cách so sánh diện tích đất đã được thuê hoặc sử dụng vào hoạt động sản xuất với tổng diện tích đất khả dụng trong KCN. Theo lý luận quản lý đầu tư, tỷ lệ lấp đầy không chỉ phản ánh sức hấp dẫn của KCN mà còn cho thấy mức độ phát triển cơ sở hạ tầng và sự thuận lợi trong môi trường kinh doanh tại khu vực.

Một tỷ lệ lấp đầy cao thường đồng nghĩa với việc khu công nghiệp có vị trí địa lý thuận lợi, cơ sở hạ tầng đồng bộ, và các chính sách ưu đãi hấp dẫn. Ngược lại, tỷ lệ thấp có thể chỉ ra những hạn chế trong quy hoạch, công tác giải phóng mặt bằng hoặc hạ tầng chưa đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư. Để nâng cao tỷ lệ này, việc cải thiện hạ tầng kỹ thuật, tăng cường quảng bá, và điều chỉnh chính sách hỗ trợ là những giải pháp cần thiết. Do đó, tỷ lệ lấp đầy không chỉ là một thước đo hiệu quả mà còn là cơ sở để hoạch định các chiến lược thu hút vốn đầu tư bền vững.

1.2.4.9 Giá trị trung bình của vốn đầu tư cho các khu công nghiệp trong giai đoạn 2021 -2023

Giá trị trung bình của vốn đầu tư là một chỉ tiêu quan trọng trong việc đánh giá năng lực thu hút đầu tư của các khu công nghiệp (KCN) trong một giai đoạn nhất định. Chỉ tiêu này phản ánh mức độ ổn định và hiệu quả của chính sách thu hút vốn đầu tư thông qua việc tính toán giá trị bình quân hàng năm từ tổng vốn đầu tư đăng ký hoặc thực hiện.

Theo lý luận về phát triển khu công nghiệp, giá trị trung bình của vốn đầu tư không chỉ thể hiện sức hấp dẫn của KCN đối với nhà đầu tư mà còn là cơ sở để phân tích sự phân bổ nguồn lực, đánh giá tiềm năng phát triển và hoạch định các chính sách ưu tiên. Một giá trị trung bình cao thường cho thấy môi trường đầu tư thuận lợi, sự ổn định về kinh tế và hiệu quả trong quản lý hạ tầng.

1.2.4.10 Cơ cấu vốn đầu tư

Cơ cấu vốn đầu tư là chỉ tiêu đánh giá sự phân bổ và tỷ trọng giữa các loại hình đầu tư như vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và vốn đầu tư trong nước (DDI). Theo lý luận quản lý đầu tư, cơ cấu vốn phản ánh sự cân bằng hoặc lệch hướng trong việc thu hút nguồn lực, từ đó xác định mức độ phụ thuộc vào các nguồn vốn khác nhau.

Chỉ tiêu này đóng vai trò quan trọng trong việc hoạch định chính sách phát triển bền vững, đảm bảo không chỉ thu hút được nguồn vốn lớn mà còn tạo điều kiện phát triển hài hòa giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài. Một cơ cấu vốn hợp lý sẽ giúp khu công nghiệp phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh, tăng cường sự ổn định và giảm thiểu rủi ro phụ thuộc quá mức vào vốn ngoại.

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp

1.3.1. Nhân tố chủ quan

Cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp

Sự đồng bộ về cơ sở hạ tầng ảnh hưởng trực tiếp đến thu hút vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp. Đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội như đường xá, cầu cống, hệ thống giao thông trong khu công nghiệp, hệ thống điện nước, xử lý chất thải, các dịch vụ tài chính, bảo hiểm. Bên cạnh đó, các dịch vụ tiện ích như nhà ở, khu vui chơi giải trí, chợ, bệnh viện, trường học, các dịch vụ phục vụ đời sống của người lao động... Các khu công nghiệp có hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại và đồng bộ sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giảm thiểu chi phí sản xuất, tạo nên sự hấp dẫn cho các khu công nghiệp, thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư. Bên cạnh đó, một môi trường sống đầy đủ tiện nghi bao gồm y tế, văn hóa, giáo dục,... đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt của người lao động cũng như các doanh nghiệp sẽ có ảnh hưởng tích cực đến quyết định đầu tư và khả năng thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp.

Chính sách ưu đãi đầu tư vào các khu công nghiệp của tỉnh

Các chính sách thu hút vốn đầu tư của tỉnh như ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, về ưu đãi tiền thuê đất, hỗ trợ chi phí giải phóng mặt bằng cho các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp... của quốc gia cũng như của từng địa phương sẽ ảnh hưởng lớn đến việc thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước. Nếu địa phương có chính sách ưu đãi đầu tư tốt, kết hợp với tiềm năng vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên thì ở địa phương đó sẽ có các hoạt động thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp diễn ra sôi nổi hơn.

Chất lượng nguồn nhân lực trong các khu công nghiệp

Nguồn nhân lực là một yếu tố đầu vào cho quá trình sản xuất của các doanh nghiệp tham gia trong khu công nghiệp là có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả huy động nguồn lực tài chính vào các khu công nghiệp. Nguồn nhân lực là nhân tố để nhà đầu tư tính toán quy mô và cơ cấu vốn đầu tư. Quy mô vốn đầu tư vào từng ngành nghề phụ thuộc vào kỹ năng lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của ngành nghề đó. Do vậy, cơ cấu nguồn nhân lực tác động trực tiếp đến cơ cấu vốn đầu tư.

Công tác phổ biến, tuyên truyền chính sách

Phổ biến, tuyên truyền chính sách là cách mà chính quyền địa phương truyền tải thông điệp đến khách hàng mục tiêu hay các nhà đầu tư đang cần thu hút vào các khu công nghiệp. Công tác phổ biến, tuyên truyền chính sách có thể thực hiện qua các phương tiện như báo, tạp chí, truyền hình, sách,... cũng có thể thông qua hoạt động hàng ngày của địa phương và các dân cư sinh sống tại địa phương đó.

Thể chế địa phương

Thể chế của địa phương cũng là một trong những nhân tố có ảnh hưởng tích cực đến môi trường đầu tư. Nó phụ thuộc vào sự quan tâm, năng động của lãnh đạo địa phương, sự thuận lợi của các thủ tục hành chính. Chính vì vậy một địa phương với một thể chế đầu tư tốt sẽ tạo ra một môi trường đầu tư hấp dẫn và dễ dàng hơn trong việc thu hút các nguồn lực tài chính.

1.3.2. Nhân tố khách quan

Các chính sách ưu đãi và quy định của Nhà nước về khu công nghiệp

Các cơ chế chính sách phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, vùng, ngành, địa

phương, vùng, lãnh thổ,... đều tác động đến mục tiêu, nội dung và phương thức quản lý của Nhà nước đối với khu công nghiệp. Chế độ, chính sách chung của Nhà nước rõ ràng, minh bạch có độ nhất quán và ổn định cao thì tạo cơ sở pháp lý cho quản lý hiệu quả của Nhà nước đối với khu công nghiệp. Ngược lại, chế độ, chính sách chung của Nhà nước thiếu minh bạch, không rõ ràng, thiếu tính nhất quán có thể cản trở các cơ quan nhà nước thực hiện quản lý có kết quả khu công nghiệp. Thậm chí, nếu chính sách phát triển kinh tế của nhà nước có sai lầm thì quản lý nhà nước dễ trở thành lực cản sự phát triển của khu công nghiệp.

Thể chế hoá của Nhà nước về các mặt tài chính, tiền tệ, giá cả, đầu tư, thương mại, ngân sách, tiết kiệm,... phù hợp hay không phù hợp với kinh tế thị trường cũng ảnh hưởng lớn đến quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp, nếu thể chế, chính sách của Nhà nước phù hợp với kinh tế thị trường thì sẽ hỗ trợ quản lý nhà nước, làm cho quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp đơn giản hơn, chi phí thấp hơn, hiệu quả cao hơn, khuyến khích khu công nghiệp phát triển hiệu quả. Nếu việc thể chế hoá không phù hợp với kinh tế thị trường thì sẽ làm cho quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp vừa nặng nề, áp đặt mệnh lệnh hành chính quan liêu, do đó chi phí quản lý cao, hiệu quả quản lý thấp, các cơ quan quản lý nhà nước khu công nghiệp quá tải, bản thân khu công nghiệp bị kìm hãm, không phát triển được.

Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý: Vùng lãnh thổ có diện tích rộng, nhưng địa hình chia cắt, nhiều đồi núi, sông suối sẽ ảnh hưởng lớn đến giao lưu kinh tế, hạn chế thu hút đầu tư. Ngược lại, nếu lãnh thổ có vị trí thuận lợi sẽ hấp dẫn các nhà đầu tư hơn. Chẳng hạn, gần đầu mối giao thông giao lưu kinh tế, gần tiêu thụ thị trường, nằm trong các vùng kinh tế trọng điểm quốc gia, gần các trung tâm kinh tế lớn. Thực tế cho thấy, địa phương có điều kiện như cảng biển, đường quốc lộ 1A, đường sắt xuyên Việt đi qua, nằm trong trung tâm kinh tế lớn hoặc gần kề đều thu hút được nhiều dự đầu tư. Ở nước ta, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là 2 trung tâm kinh tế lớn của đất nước cho nên 2 nơi này tập trung rất nhiều nhà đầu tư lớn vào các KCN và các vùng lân cận phát triển rất mạnh mẽ.

Điều kiện tự nhiên: Tài nguyên thiên nhiên là một trong những yếu tố cần thiết để tiến hành hoạt động sản xuất. Tài nguyên thiên nhiên giàu có sẽ là điều kiện thuận

lợi để thu hút đầu tư hơn là những vùng nghèo tài nguyên. Vì nó cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp. KCN nằm trong vùng có sẵn nguyên liệu cho sản xuất các nhà đầu tư sẽ giảm bớt được chi phí vận chuyển, tránh được gián đoạn sản xuất trong trường hợp khó khăn về giao thông. Khí hậu thuận lợi cho cây trồng, vật nuôi cũng như đất đai đảm bảo cho việc xây dựng những vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp sẽ tạo điều kiện cho phát triển công nghiệp chế biến những sản phẩm nông nghiệp. KCN sẽ nằm trong khu vực này sẽ thu hút các nhà đầu tư vào công nghiệp chế biến sữa, đường, thị hộp, hoa quả... Trái lại, khí hậu khắc nghiệt, nắng lắm mưa nhiều, bão lụt thường xuyên sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng như sản xuất công nghiệp hạn chế thu hút đầu tư. Vùng có trữ lượng khoáng sản lớn, phong phú và có giá trị kinh tế cao sẽ tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào công nghiệp khai khoáng, công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến. Tuy nhiên, cần có sự thăm dò, khảo sát, đánh giá đầy đủ, chính xác các nguồn tài nguyên, trên cơ sở đó xây dựng, hoạch định chính sách thu hút đầu tư đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường sinh thái, sự phát triển bền vững không chỉ của cả vùng mà của cả nền kinh tế. Có những điều kiện này, KCN trên địa bàn sẽ có thêm cơ hội thu hút đầu tư.

Môi trường đầu tư

Một trong những yếu tố được các nhà đầu tư quan tâm nhất hiện nay khi thực hiện đầu tư đó là môi trường đầu tư của từng địa phương, do tính chất đặc thù từng vùng miền nên cơ chế cho phép các địa phương của cả nước được xây dựng cơ chế ưu đãi thu hút đầu tư đặc thù của địa phương mình trên cơ sở Luật, từng địa phương sẽ cụ thể hóa các chính sách cho phù hợp đối với địa phương của mình, do đó sẽ dẫn đến sự khác nhau và cạnh tranh trong thu hút đầu tư. Thực tế cho thấy nơi nào có môi trường đầu tư tốt, lành mạnh, công khai minh bạch thì nơi đó sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư tiềm năng và ngược lại.

Nhất là trong bối cảnh hiện nay, việc các địa phương đều tăng cường cải thiện môi trường đầu tư để thu hút các dự án đầu tư thì yếu tố môi trường đầu tư càng thể hiện vai trò quan trọng. Nơi nào có các chính sách thu hút, ưu đãi đầu tư tốt, thủ tục hành chính được cải cách sẽ làm tăng lợi thế cạnh tranh trong thu hút vốn đầu tư và ngược lại.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ CHO KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN 2018 - 2023

2.1. Đặc điểm tỉnh Thái Nguyên ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Tỉnh Thái Nguyên, là một trong những trung tâm chính trị, kinh tế của khu Việt Bắc nói riêng, của vùng trung du miền núi Đông Bắc nói chung, là cửa ngõ giao lưu kinh tế xã hội giữa vùng trung du miền núi với vùng đồng bằng Bắc Bộ; phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Bắc Kạn, phía Tây giáp với các tỉnh Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, phía Đông giáp với các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang và phía Nam tiếp giáp với thủ đô Hà Nội; diện tích tự nhiên 3.562,82 km².

Với vị trí rất thuận lợi về giao thông, cách sân bay quốc tế Nội Bài 50 km, cách biên giới Trung Quốc 200 km, cách trung tâm Hà Nội 75 km và cảng Hải Phòng 200 km, tạo thuận lợi cho việc hình thành các khu công nghiệp, dịch vụ du lịch, các đô thị mới.

Với vị trí địa lý của mình, Thái Nguyên có nhiều điều kiện kinh tế thuận lợi trong quan hệ và giao lưu kinh tế với các địa phương cả trong nước cũng như với các nước láng giềng.

2.1.1.2. Tình hình đất đai

Được thiên nhiên ưu đãi về khí hậu và đất đai, Thái Nguyên có nhiều khả năng để phát triển nông lâm, công nghiệp, du lịch và các loại hình dịch vụ khác. Diện tích rừng tự nhiên của tỉnh là 102.190 ha, diện tích rừng trồng khoảng 44.450 ha. Đây là một lợi thế to lớn cho việc phát triển rừng nguyên liệu phục vụ chế biến gỗ nhân tạo, chế biến làm nguyên liệu giấy. Diện tích đất nông nghiệp toàn tỉnh chiếm 23% diện tích tự nhiên, cây hàng năm chủ yếu là cây chè. Ngoài sản xuất lương thực, tỉnh còn có diện tích tương đối lớn để quy hoạch các đồng cỏ, phát triển mạnh chăn nuôi đại gia súc, chăn nuôi bò sữa.

Thái Nguyên là vùng đất thích hợp để phát triển cây chè. Chè Thái Nguyên, đặc biệt là chè Tân Cương là đặc sản từ lâu nổi tiếng trong và ngoài nước. Toàn tỉnh hiện có 15.000 ha chè (đứng thứ 2 cả nước sau Lâm Đồng), trong đó có trên 12.000 ha chè

kinh doanh, hàng năm cho sản lượng khoảng trên 70.000 tấn chè búp tươi. Tỉnh đã có quy hoạch phát triển cây chè lên 15.000 đến 20.000 ha với sản lượng khoảng 105.000 tấn chè búp tươi/năm. Cây ăn quả của tỉnh hiện có trên 10.000 ha, đến năm 2010 đưa lên 15.000 ha, có thể phát triển các loại cây như vải, mơ, nhãn, cam, quýt... Khí hậu thuận lợi cho cây trồng đảm bảo cho việc xây dựng những vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp sẽ tạo điều kiện cho phát triển công nghiệp chế biến những sản phẩm nông nghiệp, cụ thể sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của tỉnh là chè búp.

Tài nguyên khoáng sản phong phú về chủng loại, là một lợi thế so sánh lớn trong việc phát triển các ngành công nghiệp luyện kim, khai khoáng... Tỉnh Thái Nguyên có trữ lượng than lớn thứ hai trong cả nước; kim loại màu có thiếc, chì, kẽm, vonfram, vàng, đồng, niken, thủy ngân... Khoáng sản, vật liệu xây dựng cũng là tiềm năng nguyên liệu rất lớn để sản xuất xi măng, sản xuất đá ốp lát các loại và sản xuất vật liệu xây dựng. Tỉnh Thái Nguyên khuyến khích các dự án đầu tư chế biến sâu khoáng sản. Về than có 4 mỏ với trữ lượng trên 100 triệu tấn. Quặng sắt có 47 mỏ và điểm mỏ với trữ lượng gần 100 triệu tấn. Ti tan có 18 mỏ với trữ lượng thăm dò khoảng 18 triệu tấn; Thiếc có 3 mỏ với trữ lượng trên 13 triệu tấn; Vonfram với trữ lượng trên 110 triệu tấn... Về vật liệu xây dựng có 2 mỏ sét với trữ lượng trên 80 triệu tấn; đá vôi xây dựng với trữ lượng 100 tỷ m³; mỏ sét cao lanh với trữ lượng trên 20 triệu m³...

Như vậy, các KCN tỉnh Thái Nguyên nằm trong vùng sẵn có nguyên liệu cho sản xuất, góp phần cho các nhà đầu tư giảm bớt được chi phí vận tải, tranh được gián đoạn sản xuất trong trường hợp khó khăn về giao thông.

2.1.1.3. Khí hậu

Địa hình không phức tạp so với các tỉnh trung du, miền núi khác, đây là một thuận lợi của Thái Nguyên. Khí hậu chia làm 4 mùa rõ rệt Xuân - Hạ - Thu - Đông; Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 2.000 đến 2.500 mm; tổng số giờ nắng trong năm dao động từ 1.300 đến 1.750 giờ. Nhìn chung khí hậu của tỉnh Thái Nguyên thuận lợi cho phát triển ngành nông, lâm nghiệp.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

2.1.2.1. Dân số và lao động

Dân số trung bình năm 2022 tỉnh Thái Nguyên là 1.336 nghìn người, tăng 0,97% so với năm 2021. Trong tổng dân số, dân số thành thị là 525,6 nghìn người (chiếm

39,3%), tăng 23,6% so với năm 2021 (do 05 xã trở thành phường khi thành phố Phổ Yên được công nhận là thành phố); dân số nông thôn là 810,4 nghìn người (*chiếm 60,7%*), giảm 9,7% so với năm 2022; dân số nam là 652,3 nghìn người (*chiếm 48,8%*) dân số nữ là 683,7 nghìn người (*chiếm 51,2%*). Tỷ số giới tính của dân số năm 2022 là 95,4 nam/100 nữ (cùng kỳ năm trước tỷ số này là 95,47%).

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2023 trên địa bàn tỉnh là gần 612 nghìn người. Xét theo cơ cấu lực lượng lao động, tỷ lệ lao động nam tham gia vào lực lượng lao động đạt 50,8%, cao hơn tỷ lệ 49,2% của lao động nữ. Mặc dù trong những năm qua, cơ cấu lực lượng lao động phân theo khu vực nông thôn, thành thị có sự thay đổi theo chiều hướng tăng dần tỷ lệ lực lượng lao động ở khu vực thành thị nhưng nhìn chung, tỷ lệ lực lượng lao động chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn với tỷ trọng năm 2022 chiếm 66,5%.

Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2023 đạt 602,6 nghìn người; trong đó, lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản là gần 102 nghìn người, chiếm 16,9% tổng số lao động đang làm việc; khu vực công nghiệp, xây dựng là 272,9 nghìn người, chiếm 45,3; khu vực dịch vụ là 227,7 nghìn người, chiếm 37,8%.

Tỷ lệ có việc làm phi chính thức toàn tỉnh năm 2022 là 53,34%; trong đó, khu vực thành thị là 41,94% và khu vực nông thôn là 59,04%. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động năm 2023 là 1,47% giảm 0,1 điểm phần trăm so với năm 2021; trong đó, khu vực thành thị là 2,21% và khu vực nông thôn là 1,17%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi là 4,07%; trong đó, khu vực thành thị là 3,04% và khu vực nông thôn là 4,55%.

Lực lượng lao động ở Thái Nguyên khá dồi dào, trong đó có tỷ lệ đã qua đào tạo đáng kể, con người Thái Nguyên tích cực, cần cù, sáng tạo, mức thu nhập chung của lao động còn thấp,... đó là những lợi thế cho các dự án khi đầu tư vào Thái Nguyên. Thái Nguyên luôn nằm trong lựa chọn hàng đầu của các nhà đầu tư về nhân công, cũng như trình độ nhân sự.

2.1.2.2. Cơ sở hạ tầng

Thái Nguyên là điểm nút giao thông quan trọng với hệ thống đường bộ, đường sắt, đường sông hình rẽ quạt kết nối với các tỉnh thành; đường quốc lộ 3 nối Hà Nội

đi Bắc Kạn; Cao Bằng và cửa khẩu Việt Nam - Trung Quốc; quốc lộ 1B đi Lạng Sơn; quốc lộ 37 Bắc Ninh, Bắc Giang, Tuyên Quang; đường Hồ Chí Minh; đường vành đai 5; Hệ thống đường sông Đa Phúc - Hải Phòng; đường sắt Thái Nguyên - Hà Nội - Kép, Lạng Sơn.

Doanh thu vận tải trên địa bàn năm 2022 đạt 6.100,3 tỷ đồng, tăng 19,9% so với năm 2021; trong đó: vận tải hàng hóa đạt 4.496,7 tỷ đồng, tăng 17,1%; doanh thu vận tải hành khách đạt 1.000,3 tỷ đồng, tăng 28,7%; doanh thu hoạt động bốc xếp, kho bãi đạt 472,3 tỷ đồng, tăng 27,9% và doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 131 tỷ đồng, tăng 29,5% so cùng kỳ.

Trong đó, thành phố Sông Công thuộc vùng kinh tế công nghiệp trọng điểm phía Nam của tỉnh. Những năm qua, thành phố luôn chú trọng đầu tư quy hoạch, hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ hiện đại, mở rộng liên kết với các vùng lân cận. Qua đó đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương hàng hóa của nhân dân, góp phần mở rộng không gian đô thị, tạo động lực thu hút đầu tư, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển,... Cụ thể, từ một địa phương chỉ có một cụm công nghiệp Gò Đàm với 3 doanh nghiệp đầu tiên, đến nay thành phố Sông Công được quy hoạch 2 KCN tập trung với diện tích khoảng 745 ha. Trong đó, KCN Sông Công I (195ha) thu hút 24 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký 61,5 triệu USD và 73 dự án DDI với tổng số vốn đăng ký 7.284 tỷ đồng. KCN Sông Công II (diện tích 250ha) hiện có 13 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký 1,1 tỷ USD và 9 dự án DDI với tổng vốn đăng ký trên 2.000 tỷ đồng.

2.1.2.3. Phát triển kinh tế - xã hội

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) so bộ năm 2022 tăng 8,59% so với năm 2022, vượt kế hoạch (kế hoạch là 8%). Chia ra, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,23%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,75%; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,35%. Kết quả này cho thấy các chính sách phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ nói chung và của tỉnh Thái Nguyên đã phát huy hiệu quả, hầu hết các ngành sản xuất kinh doanh đã lấy lại đà tăng trưởng.

Kết quả sản xuất của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2022 đã thể hiện vai trò trụ đỡ của nền kinh tế, đảm bảo nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu, là cơ sở quan trọng để thực hiện an sinh xã hội. Sản lượng lương thực

có hạt đạt 458,2 nghìn tấn, giảm 0,8% so với năm 2021; sản lượng gỗ khai thác đạt 252 nghìn m³, tăng 5%; sản lượng thủy sản đạt 17,3% nghìn tấn, tăng 9,3%.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 10,53%. Ngành sản xuất, phân phối điện tăng 4,49%. Ngành cung cấp nước, quản lý rác thải, nước thải tăng 12,78%, ngành xây dựng tăng 6,17%.

Cùng với sự phục hồi và phát triển chung của nền kinh tế, hoạt động thương mại, dịch vụ có sự phục hồi mạnh mẽ sau thời gian dài chịu ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, đặc biệt là trong quý III. Một số ngành dịch vụ có mức tăng trưởng cao hơn tăng cao hơn tăng trưởng chung như: Hoạt động bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy tăng 9,12%, ăn uống tăng 36,68%; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 23,44%; hoạt động dịch vụ khác tăng 10,83%.

Về cơ cấu kinh tế: Do công nghiệp duy trì được tốc độ phát triển khá nên cơ cấu kinh tế của tỉnh năm 2022 tiếp tục xu hướng chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng công nghiệp; giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản. Cơ cấu khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 58,51%; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm chiếm 31,35%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 10,14%.

Về GRDP bình quân đầu người: Do tốc độ tăng trưởng GRDP luôn cao hơn tốc độ tăng dân số nên GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành có xu hướng tăng dần qua các năm. GRDP bình quân đầu người năm 2022 đạt 107 triệu đồng/người, tăng 12,5% so với năm 2021. Tính theo giá đô la Mỹ, GRDP bình quân đầu người năm 2022 đạt 4.541 USD/người, tăng 10,1% so với năm 2021.

Năng suất lao động: Năng suất lao động theo giá hiện hành năm 2022 đạt 237,2 triệu đồng/lao động (tương đương 10.069 USD/lao động).

2.1.3. Khái quát về các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên là trung tâm công nghiệp giữ vai trò động lực phát triển của cả vùng trung du và miền núi phía Bắc. Trong những năm qua, ngành công nghiệp tỉnh Thái Nguyên đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Năm 2019 cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt ở mức cao 9,0% thì giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) trên địa bàn tỉnh cả năm đạt 743,8 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, trong năm có nhiều sản phẩm công nghiệp địa phương

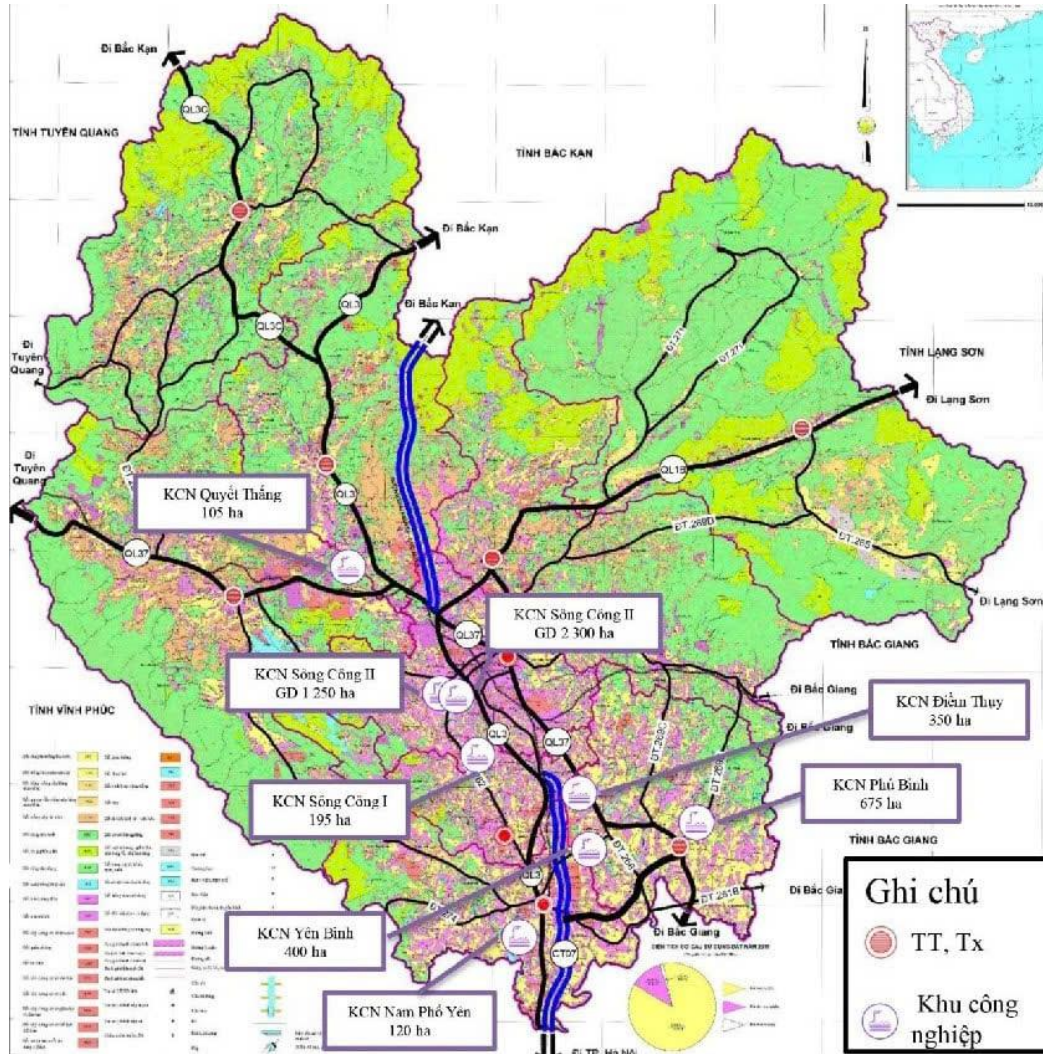
tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng cao như: sản phẩm may mặc tăng 12%; xi măng tăng 16,4%; mạch điện tử tích hợp tăng 53,6%; điện thương phẩm tăng 9,2%... riêng nhóm sản phẩm điện thoại thông minh - nhóm sản phẩm chủ đạo đóng góp lớn vào tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp chung trên địa bàn đạt 102,7 triệu sản phẩm, tăng 8,3% đạt 100% kế hoạch năm. Tính chung trong giai đoạn 2016 - 2019, giá trị sản xuất công nghiệp bình quân tăng 18,5% vượt mục tiêu đề ra (mục tiêu đề ra cho giai đoạn này là 15%). Năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh ước đạt 803,3 nghìn tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2019. Trong giai đoạn này, Thái Nguyên đã hình thành một số trung tâm công nghiệp phát triển như: Yên Bình, Điềm Thụy, Sông Công đã tạo tiền đề cho phân bố lại lực lượng sản xuất công nghiệp, tham gia tích cực vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Một số ngành công nghiệp của tỉnh Thái Nguyên đã có các doanh nghiệp đầu tư sản xuất cùng trang thiết bị công nghệ hiện đại, hoạt động hiệu quả như tổ hợp Samsung với 2 nhà máy Samsung Electronics Thái Nguyên (SEVT) và Samsung Electro - Mechanics Viet Nam (SEMV) có tổng mức đầu tư gần 7 tỉ đô la Mỹ tại khu công nghiệp Yên Bình. Sau khi Tập đoàn này đầu tư vào tỉnh đã thu hút hơn 70 nhà đầu tư phụ trợ cho Samsung và trên 30 dự án FDI phụ trợ với tổng vốn đăng ký gần 600 triệu USD tại khu công nghiệp Điềm Thụy (Phú Bình). Khu tổ hợp này đóng vai trò to lớn trong sự phát triển công nghiệp của Thái Nguyên ngày nay. Cùng với đó, tổ hợp khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo (gần 01 tỷ USD), mỏ sắt Tiên Bộ, mạ kẽm điện phân, cán thép Thái Trung, nhiệt điện An Khánh và các nhà máy cơ khí lớn khu vực Gò Đầm... cùng nhiều dự án công nghiệp hiện đại khác đã mang lại diện mạo mới cho công nghiệp Thái Nguyên chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước, tạo ra giá trị xuất khẩu lớn, thu hút được trên 120.000 lao động, với thu nhập bình quân gần 7 triệu đồng/tháng.

Công tác quản lý đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp đã có bước chuyển biến rõ nét. Toàn tỉnh cũng đã quy hoạch 6 khu công nghiệp. Tất cả những khu công nghiệp trên đã góp phần tích cực vào quá trình thu hút đầu tư các dự án công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Theo Quy hoạch tỉnh, Thái Nguyên có dự địa trên 6.000 ha đất phục vụ phát triển công nghiệp gồm: 4.245 ha đất phát triển khu công nghiệp. Trong đó mở rộng

11 khu công nghiệp và 1 khu công nghệ thông tin tập trung. Trong năm 2023, HDND tỉnh Thái Nguyên khóa XIV đã thông qua các nghị quyết về nhiệm vụ quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 các KCN như: KCN Đô thị Dịch vụ Phú Bình, KCN Đô thị Dịch vụ Tây Phổ Yên, KCN Thượng Đình, KCN Yên Bình 2; KCN Yên Bình 3 và Khu CNTT tập trung Yên Bình.



Hình 2. 1: Quy hoạch các KCN trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Nguồn: UBND tỉnh Thái Nguyên

Đối với các KCN năm 2022 đã có 5/8 KCN đi vào hoạt động ổn định, thu hút 302 dự án đăng ký đầu tư. Trong đó, có 167 dự án FDI, với tổng vốn đăng ký đầu tư trên 10,8 tỷ USD; 135 dự án DDI, với tổng vốn đăng ký trên 17,3 nghìn tỷ đồng. Nhiều KCN đã có tỷ lệ lấp đầy đạt 100% diện tích. Năm 2023, mặc dù là năm khó khăn chung của nền kinh tế, lạm phát lan rộng trên toàn thế giới, sự bất ổn chính trị xảy ra ở nhiều khu vực, song Việt Nam nói chung, tỉnh Thái Nguyên vẫn được chọn là điểm đến của

nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. 48 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư mới vào các KCN trong năm 2023, đạt 320% so với kế hoạch năm, với tổng vốn đăng ký đạt trên 225 triệu USD và trên 1 nghìn tỷ đồng là minh chứng rõ nét cho thấy dư địa phát triển và ưu thế của tỉnh Thái Nguyên trong thu hút các nhà đầu tư vào các KCN.

Tính đến nay, Thái Nguyên đã có 5 khu công nghiệp được thành lập với tổng diện tích 1.470,98ha, gồm: Khu công nghiệp Sông Công I (TP.Sông Công) 196,88ha, trong đó mở rộng 1,88ha; Khu công nghiệp Diềm Thụy (huyện Phú Bình và TP.Phổ Yên) 361,1ha, trong đó mở rộng thêm 11,1ha; Khu công nghiệp Nam Phổ Yên (TP.Phổ Yên) 263ha, trong đó mở rộng thêm 143ha; Khu công nghiệp Yên Bình (TP.Phổ Yên) 400ha; Khu công nghiệp Sông Công II (TP.Sông Công) 250ha.

Ngoài ra, còn có 3 khu công nghiệp có trong quy hoạch gồm: Khu công nghiệp Sông Công II giai đoạn 2 (TP.Sông Công) 300ha; Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Phú Bình (tổng diện tích 900ha, trong đó đất khu công nghiệp 675ha) tại huyện Phú Bình; và Khu công nghệ tập trung Yên Bình (TP.Phổ Yên và huyện Phú Bình) 200ha.

Theo tỉnh Thái Nguyên, việc có thêm 4 khu công nghiệp quy hoạch mới: Khu công nghiệp Thượng Đình; Khu công nghiệp Yên Bình 3; Khu công nghiệp Yên Bình 2; Khu công nghệ - đô thị - dịch vụ Tây Phổ Yên là nằm trong định hướng tới năm 2030 của tỉnh.

*** Khu công nghiệp Sông Công I**

Khu công nghiệp Sông Công I, tọa lạc tại thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, là một trong những khu công nghiệp trọng điểm của khu vực miền Bắc Việt Nam. Được thành lập vào năm 1999 theo Quyết định số 181/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, khu công nghiệp này có tổng diện tích quy hoạch ban đầu là 320 ha. Tuy nhiên, sau các lần điều chỉnh, diện tích hiện tại của KCN Sông Công I là 195 ha, bao gồm hai phân khu: Khu A (4,9 ha) và Khu B (114,9 ha).

Vị trí địa lý của KCN Sông Công I mang lại nhiều lợi thế cho các nhà đầu tư. Khu công nghiệp nằm tiếp giáp với Quốc lộ 3 và gần nút giao cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, giúp kết nối thuận tiện với các trung tâm kinh tế lớn. Cụ thể, KCN cách trung tâm thành phố Sông Công 3 km, thành phố Thái Nguyên 13 km, thủ đô Hà Nội 67,5 km, sân bay quốc tế Nội Bài 41 km và cảng biển quốc tế Hải Phòng 168 km.

Về cơ sở hạ tầng, KCN Sông Công I được trang bị đầy đủ để đáp ứng nhu cầu

sản xuất của các doanh nghiệp. Hệ thống cấp điện được cung cấp từ lưới điện quốc gia thông qua trạm biến áp 110/22kV, đảm bảo cung cấp điện ổn định. Nước sạch được cung cấp từ nhà máy nước sạch Sông Công với công suất 20.000 m³/ngày đêm. Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 2.000 m³/ngày đêm, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Hệ thống giao thông nội khu được thiết kế với trục chính có lộ giới 42 m và các đường nhánh có lộ giới 22,5 m, thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa.

KCN Sông Công I hướng đến thu hút các dự án đầu tư trong các lĩnh vực như sản xuất điện, điện tử; sản xuất và lắp ráp ô tô; công nghiệp phần mềm; cơ khí chế tạo và luyện kim. Sau hơn 22 năm hoạt động, khu công nghiệp đã thu hút được gần 50 doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo việc làm cho hàng nghìn lao động địa phương. Tuy nhiên, tính đến nay, KCN mới chỉ triển khai được khoảng 90 ha trên tổng số 195 ha đã được quy hoạch, cho thấy tiềm năng phát triển vẫn còn rất lớn.

Với vị trí chiến lược, cơ sở hạ tầng đồng bộ và chính sách ưu đãi hấp dẫn, Khu công nghiệp Sông Công I tiếp tục là điểm đến tin cậy cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

Khu công nghiệp Sông Công I là khu công nghiệp tập trung, đa ngành, trong đó tập trung thu hút dự án đầu tư ở các lĩnh vực Sản xuất điện, điện tử; Sản xuất và lắp ráp ô tô; Công nghiệp phần mềm; Cơ khí chế tạo, luyện kim

Với sự đầu tư và phát triển liên tục, KCN Sông Công I đang trở thành một trong những cụm công nghiệp lớn và phát triển của Thái Nguyên. Tạo ra nhiều việc làm cho người dân địa phương và đóng góp vào sự phát triển kinh tế của tỉnh và cả nước.

**** Khu công nghiệp Sông Công II***

Khu công nghiệp Sông Công II, tọa lạc tại xã Tân Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, là một trong những dự án trọng điểm của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp và thu hút đầu tư. Được phê duyệt xây dựng vào tháng 3 năm 2017, khu công nghiệp này có tổng diện tích 250 ha, với mục tiêu trở thành trung tâm công nghiệp đa ngành, tập trung vào các lĩnh vực như gia công cơ khí, sản xuất và lắp ráp ô tô, sản phẩm điện tử, dệt may (không có nhuộm), sản xuất vật liệu xây dựng và các ngành công nghiệp hỗ trợ khác.

Vị trí địa lý của KCN Sông Công II mang lại nhiều lợi thế cho các nhà đầu tư. Khu công nghiệp nằm gần Quốc lộ 3 mới và cách cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên 7 km, giúp kết nối thuận tiện với các trung tâm kinh tế lớn. Cụ thể, KCN cách thành phố Thái Nguyên 12 km, thành phố Sông Công 5 km, trung tâm Hà Nội 67 km, sân bay quốc tế Nội Bài 46 km và cảng biển Hải Phòng 174 km.

Về cơ sở hạ tầng, KCN Sông Công II được trang bị đầy đủ để đáp ứng nhu cầu sản xuất của các doanh nghiệp. Hệ thống cấp điện được cung cấp từ trạm biến áp 110kV với công suất 2x63 MVA, đảm bảo cung cấp điện ổn định. Nước sạch được cung cấp từ nhà máy nước Sông Công với công suất 8.000 m³/ngày đêm. Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 2.000 m³/ngày đêm, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Hệ thống giao thông nội khu được thiết kế với trục chính có lộ giới 42 m và các đường nhánh có lộ giới từ 13,5 m đến 18,5 m, thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa.

KCN Sông Công II đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tính đến nay, khu công nghiệp đã thu hút 16 dự án lớn, trong đó có 9 dự án FDI và 7 dự án DDI, với tổng vốn đăng ký 1,3 tỷ USD và 750 tỷ đồng, đạt tỷ lệ lấp đầy 100%.

Để đáp ứng nhu cầu mở rộng và thu hút thêm đầu tư, KCN Sông Công II đã triển khai giai đoạn 2 với diện tích 296,24 ha, được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư vào tháng 3 năm 2024. Dự án này do Công ty cổ phần Viglacera Thái Nguyên làm chủ đầu tư, với tổng vốn đầu tư gần 4.000 tỷ đồng. Giai đoạn 2 dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 36 tháng kể từ ngày được Nhà nước bàn giao đất, nhằm tạo thêm quỹ đất công nghiệp và thu hút các dự án đầu tư mới.

Khu công nghiệp Sông Công II là khu công nghiệp đa ngành trong đó tập trung thu hút các ngành Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (có một phần công đoạn xi mạ); Đúc kim loại; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất và lắp đặt máy móc, thiết bị, ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất hàng điện tử, sản phẩm điện tử, thiết bị điện; Ngành dệt may (không có nhuộm); Sản xuất ván gỗ MDF, gỗ công nghiệp, sản xuất các sản phẩm bằng kim loại; Sản xuất thuốc, dược phẩm, hóa chất và sản phẩm hóa chất, thiết bị, dụng cụ y tế; Vật liệu xây dựng; Bao bì và các ngành hỗ trợ khác... KCN Sông Công II được quy hoạch một cách chặt chẽ và hợp lý vì vậy

các doanh nghiệp đến đây đầu tư sẽ được hưởng các ưu đãi đặc biệt từ chính quyền địa phương.

Với vị trí chiến lược, cơ sở hạ tầng đồng bộ và chính sách ưu đãi hấp dẫn, Khu công nghiệp Sông Công II tiếp tục là điểm đến tin cậy cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

*** Khu công nghiệp Nam Phổ Yên**

Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, tọa lạc tại xã Trung Thành và xã Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, là một trong những khu công nghiệp quan trọng của khu vực miền Bắc Việt Nam. Được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Văn bản số 1854/TTg-KTN ngày 08/10/2009, khu công nghiệp này có diện tích quy hoạch ban đầu là 200 ha. Tuy nhiên, sau các lần điều chỉnh, diện tích hiện tại của KCN Nam Phổ Yên là 120 ha.

Vị trí địa lý của KCN Nam Phổ Yên mang lại nhiều lợi thế cho các nhà đầu tư. Khu công nghiệp nằm tiếp giáp với Quốc lộ 3 và gần tuyến cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên, giúp kết nối thuận tiện với các trung tâm kinh tế lớn. Cụ thể, KCN cách trung tâm thành phố Hà Nội 42 km, thành phố Thái Nguyên 29 km, sân bay quốc tế Nội Bài 23 km và cảng Hải Phòng 155 km.

Về cơ sở hạ tầng, KCN Nam Phổ Yên được trang bị đầy đủ để đáp ứng nhu cầu sản xuất của các doanh nghiệp. Hệ thống cấp điện được cung cấp từ lưới điện quốc gia thông qua các tuyến dây 22kV, đảm bảo cung cấp điện ổn định. Nước sạch được cung cấp bởi trạm bơm và xử lý nước tại khu công nghiệp từ nguồn nước mặt Sông Công, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước thực tế của các doanh nghiệp. Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 3.000 m³/ngày đêm, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Hệ thống giao thông nội khu được thiết kế với trục chính có lộ giới 36 m và các đường nhánh có lộ giới từ 14 m đến 17 m, thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa.

KCN Nam Phổ Yên hướng đến thu hút các dự án đầu tư trong các lĩnh vực như công nghiệp lắp ráp ô tô, cơ khí, điện tử; chế biến thực phẩm, đồ uống; sản xuất hóa dược, dụng cụ y tế, dụng cụ thú y; ngành dệt may, da giày, thủ công mỹ nghệ, gốm sứ, thủy tinh; sản xuất cấu kiện bê tông, vật liệu xây dựng.

Tính đến nay, KCN Nam Phổ Yên đã thu hút được 17 dự án đầu tư, trong đó 11 dự án đã đi vào hoạt động, đạt tỷ lệ lấp đầy 33%. Các dự án tiêu biểu bao gồm: dự án chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa của Công ty cổ phần ELOVI Việt Nam; dự án sản xuất các sản phẩm gốm sứ của Công ty cổ phần PRIME Phổ Yên; dự án sản xuất, lắp ráp ô tô của Công ty TNHH MTV Ô tô Xuân Kiên Vinaxuki; dự án sản xuất các sản phẩm từ nhựa của Công ty TNHH nhựa Châu Âu xanh.

Khu công nghiệp Nam Phổ Yên được xây dựng với mục tiêu trở thành khu công nghiệp thu hút các ngành công nghiệp lắp ráp ô tô, cơ khí, điện tử; Chế biến thực phẩm, đồ uống; Giết mổ gia súc, gia cầm; Chế biến thức ăn nhanh; Chế biến rau củ quả; Sản xuất hóa dược, dụng cụ y tế, dụng cụ thú y; Ngành dệt may, da giày, thủ công mỹ nghệ, gốm sứ, thủy tinh; Chiết nạp gas; Sản xuất cấu kiện bê tông, sản xuất vật liệu xây dựng...

Với vị trí chiến lược, cơ sở hạ tầng đồng bộ và chính sách ưu đãi hấp dẫn, Khu công nghiệp Nam Phổ Yên tiếp tục là điểm đến tin cậy cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

*** Khu công nghiệp Yên Bình**

Khu công nghiệp Yên Bình, nằm tại xã Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, là một trong những khu công nghiệp tiêu biểu của miền Bắc Việt Nam, đặc biệt trong việc thu hút đầu tư nước ngoài. Với tổng diện tích 693 ha, khu công nghiệp này được phát triển qua hai giai đoạn: giai đoạn 1 chiếm 336 ha và giai đoạn 2 bổ sung thêm 64 ha. Đây là một trong những địa điểm đầu tư trọng điểm, đặc biệt là sự hiện diện của các tập đoàn lớn như Samsung Electronics Việt Nam, đã biến khu công nghiệp này thành trung tâm công nghệ cao.

Vị trí địa lý chiến lược là một trong những yếu tố quan trọng giúp KCN Yên Bình thu hút các nhà đầu tư. Nằm ngay cạnh tuyến cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên, khu công nghiệp chỉ cách trung tâm Hà Nội 60 km và sân bay quốc tế Nội Bài 35 km. Ngoài ra, khoảng cách 161 km tới cảng Hải Phòng và gần kề ga đường sắt Yên Bình (1,2 km) cùng cảng sông Yên Bình (5 km) mang lại sự thuận tiện tối đa cho giao thông và vận chuyển hàng hóa. Với hạ tầng giao thông được đầu tư đồng bộ, KCN Yên Bình có khả năng kết nối nhanh chóng với các trung tâm kinh tế lớn của miền

Bắc.

Cơ sở hạ tầng tại KCN Yên Bình được xây dựng hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Hệ thống cấp điện ổn định được đảm bảo bởi ba trạm biến áp 110/22kV với công suất lên đến 3x63 MVA. Nguồn nước sạch được cung cấp từ nhà máy nước sạch Yên Bình với công suất 150.000 m³/ngày đêm. Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 80.000 m³/ngày đêm, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường. Đường giao thông nội khu được thiết kế hiện đại, với đường trục chính rộng 47 m và các nhánh đường rộng 21,5 m, đi kèm hệ thống cây xanh và đèn chiếu sáng đạt tiêu chuẩn.

KCN Yên Bình định hướng phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, sạch và không gây ô nhiễm môi trường. Các lĩnh vực trọng điểm bao gồm sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị tự động hóa, thiết bị bán dẫn và gia công cơ khí chính xác. Nơi đây không chỉ là cơ sở của nhà máy Samsung mà còn thu hút hàng trăm nhà đầu tư khác đến từ Hàn Quốc, Nhật Bản, và Trung Quốc, tạo nên một cộng đồng sản xuất quốc tế. Với vị trí thuận lợi, cơ sở hạ tầng đồng bộ và chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn, Khu công nghiệp Yên Bình đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên và cả khu vực miền Bắc Việt Nam.

Khu công nghiệp Yên Bình là khu công nghiệp đa ngành, trong đó tập trung thu hút các ngành điện tử và công nghiệp sạch, công nghệ cao, không gây ô nhiễm môi trường (ví dụ như Sản xuất các loại khuôn nhựa cho thiết bị di động, điện tử; sản xuất linh kiện điện tử; sản xuất các thiết bị tự động hóa; sản xuất thiết bị bán dẫn...) nhằm tạo một địa điểm đầu tư lành mạnh và bền vững.

**** Khu công nghiệp Diềm Thụy***

Khu công nghiệp Diềm Thụy A là khu công nghiệp tập trung, đa ngành, trong đó chủ yếu thu hút dự án đầu tư ở các lĩnh vực như cơ khí chế tạo máy, ô tô, vật liệu xây dựng; Sản xuất thiết bị điện, điện tử, sản phẩm công nghệ thông tin; Sản xuất công nghiệp nhẹ, hàng tiêu dùng; Sản xuất, chế biến thực phẩm; Sản xuất thiết bị y tế và các sản phẩm thuộc ngành công nghệ cao khác...

Khu công nghiệp Diềm Thụy, nằm trên địa bàn huyện Phò Yên và Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, là một trong những khu công nghiệp lớn và quan trọng tại miền Bắc Việt Nam. Với diện tích quy hoạch khoảng 350 ha, KCN Diềm Thụy được chia

thành hai khu vực: Khu A và Khu B. Được phê duyệt theo Công văn số 1854/TTg-KTN ngày 08/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ, khu công nghiệp này hướng tới việc trở thành trung tâm công nghiệp hiện đại, thu hút nhiều doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước.

Vị trí địa lý chiến lược của KCN Điềm Thụy mang lại nhiều lợi thế cạnh tranh cho các nhà đầu tư. Khu công nghiệp nằm cách cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên – Bắc Kạn chỉ 1,3 km, rất thuận tiện cho việc kết nối giao thông. Ngoài ra, KCN chỉ cách nhà máy Samsung Thái Nguyên 5 km, trung tâm thành phố Thái Nguyên 15 km, sân bay quốc tế Nội Bài 40 km, và thủ đô Hà Nội 46 km. Với khoảng cách 135 km tới cảng Hải Phòng và 10 km tới cảng sông Đa Phúc, khu công nghiệp có thể dễ dàng vận chuyển hàng hóa đến các cảng lớn, đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu.

Hệ thống cơ sở hạ tầng tại KCN Điềm Thụy được đầu tư đồng bộ và hiện đại, đảm bảo đáp ứng mọi yêu cầu của các doanh nghiệp. Nguồn điện được cung cấp từ lưới điện quốc gia thông qua trạm biến áp 110/22kV, đảm bảo sự ổn định và liên tục trong sản xuất. Nguồn nước sạch được cung cấp từ nhà máy nước với công suất 20.000 m³/ngày đêm, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các doanh nghiệp. Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất lớn, đảm bảo xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả thải. Các tuyến đường nội khu được xây dựng rộng rãi, đồng thời được trang bị hệ thống chiếu sáng và cây xanh, mang lại không gian làm việc hiện đại, thuận lợi.

KCN Điềm Thụy định hướng thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp sạch, công nghệ cao và ít gây ô nhiễm. Các lĩnh vực ưu tiên bao gồm sản xuất linh kiện điện tử, cơ khí chính xác, công nghiệp phụ trợ, lắp ráp ô tô, và chế biến thực phẩm. Đây cũng là địa điểm lựa chọn của nhiều tập đoàn lớn, trong đó có các doanh nghiệp Hàn Quốc, Nhật Bản, và Trung Quốc, đặc biệt là các công ty trong chuỗi cung ứng của Samsung.

Với vị trí thuận lợi, cơ sở hạ tầng hiện đại và các chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn, Khu công nghiệp Điềm Thụy không chỉ góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên mà còn trở thành điểm đến lý tưởng cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

**** Khu công nghiệp Quyết Thắng***

KCN Quyết Thắng được định hướng xây dựng trở thành khu công nghiệp Công nghệ cao (vườn ươm công nghệ, công nghệ phần mềm), điện, điện tử.

Khu công nghiệp Quyết Thắng, tọa lạc tại xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên, là một trong những khu công nghiệp trọng điểm của tỉnh Thái Nguyên. Được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung vào Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên tại Công văn số 1854/TTg-KTN ngày 08/10/2009, khu công nghiệp này ban đầu có diện tích quy hoạch dự kiến là 200 ha. Tuy nhiên, theo Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 11/02/2010, diện tích đã được điều chỉnh giảm xuống còn 105 ha.

Vị trí địa lý của KCN Quyết Thắng mang lại nhiều lợi thế cho các nhà đầu tư. Khu công nghiệp nằm gần trung tâm thành phố Thái Nguyên, tiếp giáp với đường Thái Nguyên đi Hồ Núi Cốc, gần các trường đại học như Đại học Thái Nguyên và Đại học Việt Bắc. Vị trí này không chỉ thuận tiện cho việc tuyển dụng lao động chất lượng cao mà còn dễ dàng kết nối với các tuyến giao thông quan trọng, giúp việc vận chuyển hàng hóa trở nên thuận lợi.

Về cơ sở hạ tầng, KCN Quyết Thắng được trang bị đầy đủ để đáp ứng nhu cầu sản xuất của các doanh nghiệp. Hệ thống cấp điện được cung cấp từ lưới điện quốc gia thông qua trạm biến áp 110/22kV, đảm bảo cung cấp điện ổn định. Nước sạch được cung cấp từ nhà máy nước sạch Sông Công với công suất 20.000 m³/ngày đêm. Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 2.000 m³/ngày đêm, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Hệ thống giao thông nội khu được thiết kế với trục chính có lộ giới 42 m và các đường nhánh có lộ giới 22,5 m, thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa.

KCN Quyết Thắng được định hướng xây dựng trở thành khu công nghiệp công nghệ cao, tập trung vào các lĩnh vực như vườn ươm công nghệ, công nghệ phần mềm, điện và điện tử. Mục tiêu là thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào các ngành công nghiệp sạch, công nghệ cao, không gây ô nhiễm môi trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

Với vị trí chiến lược, cơ sở hạ tầng đồng bộ và chính sách ưu đãi hấp dẫn, Khu công nghiệp Quyết Thắng tiếp tục là điểm đến tin cậy cho các nhà đầu tư trong và

ngoài nước, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

2.1.4. Chủ trương thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2021 - 2023

Trong giai đoạn 2021–2023, tỉnh Thái Nguyên đã triển khai nhiều chủ trương nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp (KCN), tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Với vai trò là trung tâm công nghiệp của khu vực trung du và miền núi phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên đã xác định việc thu hút đầu tư là một trong những nhiệm vụ chiến lược, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp chế biến, và công nghiệp thân thiện với môi trường.

Một trong những chủ trương quan trọng của tỉnh là đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là trong lĩnh vực cấp phép đầu tư. Tỉnh đã xây dựng cơ chế “một cửa liên thông” nhằm rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giảm bớt các thủ tục không cần thiết, và tăng cường tính minh bạch trong quá trình cấp phép. Các nhà đầu tư được cung cấp thông tin rõ ràng về quy hoạch, hạ tầng, và các chính sách ưu đãi, giúp họ dễ dàng đưa ra quyết định đầu tư.

Song song với cải cách hành chính, tỉnh Thái Nguyên cũng tập trung vào phát triển và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tại các KCN. Đến cuối năm 2023, nhiều dự án hạ tầng quan trọng đã được triển khai, bao gồm hệ thống giao thông nội khu, cấp thoát nước, xử lý chất thải, và cung cấp điện ổn định. Các KCN như Sông Công I, Sông Công II, và Yên Bình được nâng cấp đồng bộ, tạo quỹ đất sạch và môi trường đầu tư thuận lợi. Chính quyền tỉnh cũng hỗ trợ giải phóng mặt bằng nhanh chóng, giảm thiểu các vướng mắc liên quan đến đất đai, từ đó tăng cường khả năng tiếp cận đất của các nhà đầu tư.

Thái Nguyên đã chú trọng xúc tiến đầu tư thông qua các hội nghị, diễn đàn kinh tế, và các chuyến công tác nước ngoài nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác. Trong giai đoạn này, tỉnh đã ký kết nhiều biên bản ghi nhớ quan trọng với các đối tác chiến lược đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, và các quốc gia Châu Âu, mở rộng mạng lưới đối tác đầu tư. Đồng thời, các chính sách ưu đãi về thuế, tiền thuê đất, và hỗ trợ hạ tầng đã được triển khai linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Ngoài ra, tỉnh còn tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu lao động trong các KCN. Các chương trình đào tạo nghề và hợp tác với các trường đại học lớn trong khu vực đã được triển khai, giúp cung cấp lao động có kỹ năng, phù hợp với các ngành công nghiệp công nghệ cao và sản xuất hiện đại.

2.1.5. Chủ thể tham gia thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Quá trình thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp tại Thái Nguyên đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều chủ thể quan trọng. Trước hết, Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Thái Nguyên đóng vai trò chủ đạo trong việc chỉ đạo, ban hành các chính sách ưu đãi và tạo môi trường đầu tư thuận lợi. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên là cơ quan trực tiếp thực hiện công tác xúc tiến đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình triển khai dự án. Các sở, ban, ngành liên quan như Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường cũng tham gia tích cực trong việc thẩm định dự án, quản lý quy hoạch và giải quyết các thủ tục hành chính liên quan. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp phát triển hạ tầng khu công nghiệp đóng góp quan trọng trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại, tạo quỹ đất sạch để thu hút nhà đầu tư thứ cấp. Các tổ chức xúc tiến đầu tư, hiệp hội doanh nghiệp và cơ quan truyền thông cũng tham gia quảng bá, kết nối và cung cấp thông tin cho nhà đầu tư. Sự phối hợp đồng bộ giữa các chủ thể này đã giúp Thái Nguyên trở thành điểm sáng trong thu hút đầu tư, đặc biệt là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Thực trạng thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

2.2.1. Công tác quy hoạch, định hướng phát triển các khu công nghiệp

Năm 2023 là năm công tác Quy hoạch - Xây dựng đặt dấu mốc quan trọng, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển mới của KCN tỉnh Thái Nguyên. Ngày 09/3/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 326/QĐ-Ttg về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 2 năm 2021 - 2025. Theo đó, diện tích các KCN của tỉnh Thái Nguyên tăng từ 1.420 giai đoạn 2000 - 2020, đến năm 2021 là 2.395 ha, đến năm 2025 là 3.286ha, đến năm 2030 là 4.245ha; Ban quản lý các KCN Thái Nguyên đã

xây dựng Phương án phát triển các KCN Thái Nguyên đến năm 2030 có 11 KCN với tổng diện tích đất công nghiệp được giao là 4.245ha, báo cáo UBND tỉnh để đưa vào Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 và được Hội đồng thẩm định Quốc gia thông qua tại Báo cáo kết quả thẩm định số 4654/BC-HĐTĐ ngày 11/7/2022. Như vậy, công tác quy hoạch năm 2023 đã hoàn thiện cơ sở pháp lý, đảm bảo chỉ tiêu đất công nghiệp để thực hiện mục tiêu “Xây dựng Thái Nguyên trở thành một trong những trung tâm kinh tế công nghiệp hiện đại của khu vực Trung du miền núi phía Bắc và vùng Thủ đô Hà Nội vào năm 2030” theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra.

Quá trình tổ chức thực hiện năm 2022 đã xây dựng, hoàn thành và được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 KCN Sông Công II mở rộng với diện tích 300 ha để tổ chức triển khai thực hiện; Hoàn thành đồ án Quy hoạch chung KCN – Đô Thị - Dịch vụ Phú Bình với diện tích 900ha trình Hội đồng thẩm định của tỉnh xem xét; Hoàn thành công tác Khảo sát, chuẩn bị lập quy hoạch KCN – Đô Thị - Dịch vụ Tây Phở Yên với diện tích 1.128 ha trong đó chỉ tiêu đất công nghiệp là 868 ha; Tổ chức khảo sát quy hoạch đề xuất xây dựng mô hình KCN sinh thái tại xã Thượng Đình, huyện Phú Bình 130ha để phát triển công nghiệp của tỉnh đi vào chiều sâu với định hướng các mô hình kinh tế tuần hoàn để nâng cao chất lượng phát triển công nghiệp của tỉnh đi vào chiều sâu và bền vững.

Trong những năm gần đây, công tác quy hoạch và định hướng phát triển các khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, phản ánh rõ trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Theo ông Nguyễn Văn Hùng, Trưởng Ban Quản lý KCN Thái Nguyên, tỉnh đã quy hoạch 12 KCN với tổng diện tích 4.245 ha, tập trung vào các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao, và thân thiện với môi trường. Việc lựa chọn vị trí và phân bổ các KCN được tiến hành dựa trên các lợi thế về vị trí địa lý, gần các tuyến giao thông huyết mạch như Quốc lộ 3, Cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên và các khu vực có tiềm năng phát triển mạnh như Sông Công, Phở Yên, và Yên Bình. Bên cạnh đó, các KCN đều được xây dựng với hệ thống hạ tầng đồng bộ bao gồm đường giao thông nội khu, hệ thống cấp điện, cấp nước, và xử lý nước thải hiện đại, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Cũng theo ông Hùng, công tác quy hoạch không chỉ tập trung vào việc đáp ứng các tiêu chuẩn về cơ sở hạ tầng mà còn đặt trọng tâm vào bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Tỉnh đã tích cực lồng ghép các yếu tố hạ tầng xã hội như khu nhà ở cho công nhân, trường học, và các dịch vụ tiện ích nhằm nâng cao chất lượng sống và làm việc trong các KCN. Điều này không chỉ cải thiện điều kiện sinh hoạt cho người lao động mà còn giúp giữ chân nguồn nhân lực và thu hút thêm các nhà đầu tư chiến lược. Đặc biệt, việc xây dựng quỹ đất sạch với đầy đủ cơ sở hạ tầng sẵn sàng đã giúp Thái Nguyên tạo ra lợi thế cạnh tranh đáng kể so với các địa phương lân cận.

Bà Trần Thị Hoa, chuyên viên Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên, cho biết thêm rằng công tác quy hoạch luôn gắn liền với việc điều chỉnh chính sách để phù hợp với nhu cầu thực tiễn và xu hướng phát triển. Trong giai đoạn 2021-2023, tỉnh đã tổ chức nhiều hội thảo và tọa đàm với sự tham gia của các chuyên gia trong lĩnh vực quy hoạch và các doanh nghiệp lớn để tiếp thu ý kiến và hoàn thiện các kế hoạch phát triển KCN. Những ý kiến từ các doanh nghiệp và chuyên gia đã giúp tỉnh xây dựng được chiến lược phát triển dài hạn, hướng đến việc thu hút các dự án công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ, và các ngành nghề có giá trị gia tăng cao. Đồng thời, bà Hoa nhấn mạnh rằng quy hoạch các KCN không chỉ dừng lại ở việc thu hút vốn đầu tư mà còn đặt mục tiêu phát triển bền vững, cân bằng giữa kinh tế, xã hội, và môi trường.

2.2.2. Công tác quản lý xây dựng

Bảng 2. 1: Công tác quản lý xây dựng giai đoạn 2021 - 2023

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2022/2021		2023/2022	
				+/-	%	+/-	%
Thẩm định dự án (dự án)	12	11	13	-1	-8.33%	2	18.18%
Kiểm tra nghiệp vụ (công trình)	14	6	7	-8	-57.14%	1	16.67%
Cấp mới GPXD	24	11	14	-13	-54.17%	3	27.27%
Lập biên bản doanh nghiệp xây dựng trái phép	6	14	15	8	133.33%	1	7.14%

(Nguồn: Ban quản lý KCN Thái Nguyên)

Công tác quản lý xây dựng tại Ban Quản lý Khu công nghiệp (KCN) Thái Nguyên trong giai đoạn 2021–2023 đã có những biến động rõ nét, phản ánh qua các chỉ tiêu về thẩm định dự án, kiểm tra nghiệm thu công trình, cấp mới giấy phép xây dựng (GPXD), và lập biên bản xử lý các doanh nghiệp xây dựng trái phép. Những thay đổi này không chỉ phản ánh tình hình thực tế mà còn thể hiện những nỗ lực trong công tác quản lý cũng như ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế, xã hội và chính sách.

Số lượng dự án được thẩm định trong giai đoạn 2021–2023 có sự dao động nhẹ, nhưng xu hướng nhìn chung là ổn định với sự tăng trưởng trong năm cuối. Năm 2021, Ban Quản lý đã thẩm định 12 dự án, cho thấy đây là một giai đoạn hoạt động tích cực trong công tác quản lý xây dựng. Tuy nhiên, đến năm 2022, số lượng dự án giảm xuống còn 11, giảm 1 dự án tương ứng với mức giảm 8,33%. Nguyên nhân có thể xuất phát từ các yếu tố như thay đổi trong kế hoạch đầu tư hoặc những hạn chế trong nguồn lực của các nhà đầu tư do tác động của kinh tế toàn cầu. Đến năm 2023, số lượng dự án thẩm định tăng lên 13, tăng 18,18% so với năm trước đó, cho thấy tín hiệu phục hồi và sự hấp dẫn của các KCN Thái Nguyên đối với các nhà đầu tư.

Sự gia tăng trong năm 2023 cũng phản ánh nỗ lực của Ban Quản lý trong việc cải thiện quy trình thẩm định, rút ngắn thời gian xử lý và hỗ trợ các doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu pháp lý. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh nhu cầu đầu tư vào các KCN ngày càng tăng cao để tận dụng các cơ hội từ hội nhập kinh tế quốc tế.

Công tác kiểm tra nghiệm thu công trình trong giai đoạn này ghi nhận sự biến động mạnh, đặc biệt là trong năm 2022. Năm 2021, có 14 công trình được kiểm tra nghiệm thu, cho thấy mức độ hoạt động xây dựng và hoàn thành dự án ở mức cao. Tuy nhiên, đến năm 2022, số lượng công trình nghiệm thu giảm mạnh xuống còn 6, giảm 8 công trình, tương ứng với mức giảm 57,14%. Đây là một sự sụt giảm đáng kể, nguyên nhân có thể đến từ việc các dự án đang ở giai đoạn triển khai hoặc gặp khó khăn trong tiến độ xây dựng do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 hoặc những hạn chế trong chuỗi cung ứng vật liệu xây dựng.

Đến năm 2023, số lượng công trình được nghiệm thu tăng nhẹ lên 7, tăng 16,67% so với năm trước. Mặc dù mức tăng không lớn, nhưng đây là dấu hiệu tích cực cho thấy các dự án đang dần đi vào giai đoạn hoàn thiện. Sự gia tăng này cũng phản ánh sự phối hợp hiệu quả hơn giữa Ban Quản lý và các nhà thầu trong việc đảm

bảo tiến độ và chất lượng công trình.

Số lượng giấy phép xây dựng cấp mới là một chỉ số quan trọng phản ánh mức độ hoạt động xây dựng mới trong các KCN. Năm 2021, Ban Quản lý đã cấp mới 24 GPXD, cho thấy sự sôi động trong lĩnh vực xây dựng. Tuy nhiên, đến năm 2022, con số này giảm mạnh xuống còn 11 giấy phép, giảm 13 giấy phép, tương ứng với mức giảm 54,17%. Nguyên nhân của sự sụt giảm này có thể liên quan đến việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng hoặc nhu cầu xây dựng giảm sút do những khó khăn kinh tế trong bối cảnh hậu đại dịch.

Đến năm 2023, số lượng GPXD cấp mới tăng lên 14, tăng 27,27% so với năm 2022. Sự gia tăng này cho thấy tín hiệu phục hồi tích cực, đồng thời khẳng định hiệu quả của các chính sách thu hút đầu tư và thúc đẩy hoạt động xây dựng tại các KCN. Ngoài ra, việc đẩy mạnh cải cách hành chính và minh bạch hóa quy trình cấp phép cũng góp phần quan trọng trong việc cải thiện chỉ số này.

Một trong những điểm nổi bật trong công tác quản lý xây dựng giai đoạn này là sự gia tăng mạnh mẽ trong việc lập biên bản xử lý các doanh nghiệp xây dựng trái phép. Năm 2021, Ban Quản lý đã lập 6 biên bản xử lý vi phạm, cho thấy sự chú trọng giám sát và phát hiện các hành vi vi phạm. Đến năm 2022, số lượng biên bản tăng vọt lên 14, tăng 8 biên bản, tương ứng với mức tăng 133,33%. Sự gia tăng đáng kể này cho thấy Ban Quản lý đã tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm nhằm bảo đảm tính minh bạch và tuân thủ quy định trong lĩnh vực xây dựng.

Năm 2023, số biên bản xử lý vi phạm tiếp tục tăng lên 15, tăng thêm 1 biên bản, tương ứng với mức tăng 7,14%. Mặc dù tốc độ tăng chậm hơn, nhưng đây là dấu hiệu tích cực cho thấy công tác giám sát đã được duy trì và cải thiện, đồng thời cho thấy ý thức tuân thủ quy định của các doanh nghiệp cũng được nâng cao hơn.

Nhìn chung, công tác quản lý xây dựng tại Ban Quản lý KCN Thái Nguyên trong giai đoạn 2021–2023 đã đạt được nhiều kết quả tích cực, dù vẫn còn những thách thức cần khắc phục. Các chỉ tiêu về thẩm định dự án, kiểm tra nghiệm thu, cấp mới GPXD và xử lý vi phạm đều phản ánh nỗ lực không ngừng của Ban Quản lý trong việc nâng cao chất lượng quản lý và hỗ trợ các doanh nghiệp. Tuy nhiên, những biến động lớn trong một số chỉ tiêu, đặc biệt là kiểm tra nghiệm thu và cấp mới GPXD,

cho thấy cần có các biện pháp khắc phục để đảm bảo sự ổn định và bền vững.

Ông Lê Văn Tuấn, Phó Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên, chia sẻ rằng công tác quản lý xây dựng trong các KCN được thực hiện chặt chẽ từ khâu thẩm định thiết kế, cấp phép xây dựng cho đến kiểm tra nghiệm thu công trình. Giai đoạn 2021–2023, tỉnh đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát và tăng cường năng lực của đội ngũ cán bộ. Theo ông Tuấn, “Chúng tôi luôn đảm bảo các công trình trong các KCN tuân thủ đúng quy chuẩn xây dựng, đặc biệt là các yêu cầu về bảo vệ môi trường và an toàn lao động.”

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn Phúc, Trưởng phòng Giám sát xây dựng thuộc Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên, nhấn mạnh rằng sự phối hợp liên ngành giữa Ban Quản lý và các sở, ngành liên quan là yếu tố quan trọng giúp giảm thiểu các vi phạm trong xây dựng. Ông Phúc cho biết: “Trong ba năm qua, Ban Quản lý đã tăng cường kiểm tra thực tế tại các công trình để phát hiện và xử lý kịp thời các sai phạm. Đặc biệt, số lượng biên bản xử lý các doanh nghiệp xây dựng trái phép đã giảm dần qua từng năm, phản ánh rõ nét sự cải thiện trong nhận thức và trách nhiệm của các nhà đầu tư.” Cụ thể, năm 2021, tỉnh đã lập 6 biên bản xử phạt, con số này tăng lên 14 vào năm 2022 nhưng đã duy trì ổn định ở mức 15 trong năm 2023, nhờ các biện pháp giám sát hiệu quả và sự phối hợp kịp thời giữa các đơn vị.

Bà Trần Thị Mai, chuyên viên phụ trách lĩnh vực xây dựng tại Ban Quản lý các KCN, cho biết thêm rằng trong giai đoạn này, các yêu cầu về hồ sơ thiết kế và quy trình cấp phép xây dựng đã được chuẩn hóa hơn, giúp các doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí. “Chúng tôi đã xây dựng quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến, nhờ đó thời gian cấp phép xây dựng đã giảm từ 30 ngày xuống còn 15 ngày đối với các dự án quy mô vừa và nhỏ,” bà Mai chia sẻ. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng nhận được hướng dẫn cụ thể từ các cán bộ quản lý để đảm bảo hồ sơ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu pháp lý.

2.2.3. Công tác đầu tư xây dựng hạ tầng các Khu công nghiệp

Tập trung thực hiện thủ tục điều chỉnh Dự án, điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án xây dựng hạ tầng KCN Sông Công II; Điều chỉnh dự án, điều chỉnh thiết kế cơ sở dự án xây dựng hạ tầng KCN Diêm Thụy – Khu A. Đây là 2 dự án nhóm A thuộc

thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên đã trình Bộ, ngành Trung ương cho ý kiến, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có báo cáo thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình Thủ Tướng Chính phủ xem xét quyết định.

Hệ thống giao thông nội bộ được xây dựng hoàn chỉnh và bố trí hợp lý trong khuôn viên của khu công nghiệp, bao gồm trục đường chính vào KCN và các đường nhánh; dọc theo các đường có vỉa hè rộng, là nơi bố trí các hành lang kỹ thuật ngầm như điện, cấp thoát nước, thông tin. Toàn bộ các tuyến đường nội bộ khu công nghiệp đều được trang bị hệ thống đèn cao áp chiếu sáng và cây xanh bố trí dọc theo đường.

Đã xây dựng nhà máy nước, lấy nước trực tiếp từ nguồn nước ngầm, hệ thống cấp nước được đầu nối đến hàng rào từng doanh nghiệp; hệ thống thoát nước mưa và nước thải được xây dựng riêng biệt, nước mưa được thu gom qua hệ thống cống và thoát ra sông trong khu vực.

Theo ông Nguyễn Văn Thành, Phó Giám đốc Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên, tỉnh đã ưu tiên phát triển hạ tầng đồng bộ tại các KCN trọng điểm như Yên Bình, Sông Công II, và Nam Phổ Yên, với trọng tâm là nâng cấp hệ thống giao thông, cấp thoát nước, và xử lý nước thải. Ông Thành nhấn mạnh: “Các dự án hạ tầng tại KCN được thiết kế không chỉ để đáp ứng nhu cầu hiện tại mà còn hướng tới tương lai, đảm bảo khả năng mở rộng và tích hợp các công nghệ quản lý hiện đại.”

2.2.4. Công tác quản lý thu hút đầu tư, cấp giấy phép đầu tư vào các KCN

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tăng cường đối thoại, hướng dẫn cụ thể các thành phần hồ sơ, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính phục vụ tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tìm hiểu đầu tư vào các KCN tỉnh Thái Nguyên là phương châm công tác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên; Bên cạnh đó, Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên còn tích cực tham mưu cho Bí Thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức nhiều cuộc gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp và các tổ chức, hiệp hội trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài để lắng nghe những kiến nghị, đề xuất để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Trong năm 2023, Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên đã tiếp hơn 50 doanh nghiệp, nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội đầu tư vào các KCN.

Những nỗ lực này đã mang lại hiệu quả rõ rệt, thể hiện qua số lượng dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNDKĐT) ngày càng tăng. Năm 2021,

tổng số dự án cấp mới là 14 dự án, với tổng vốn đăng ký đạt 218 triệu USD và 267,12 tỷ đồng. Đến năm 2022, số lượng dự án cấp mới tăng lên 16, với tổng vốn đăng ký 320 triệu USD và 373,5 tỷ đồng, cho thấy sự cải thiện trong môi trường đầu tư. Năm 2023, số dự án cấp mới tiếp tục tăng mạnh, đạt 21 dự án, với tổng vốn đăng ký 312 triệu USD và 456,9 tỷ đồng, minh chứng cho hiệu quả của công tác cải cách hành chính và sự hấp dẫn của các KCN Thái Nguyên.

Ông Nguyễn Văn Hùng, Trưởng Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên, cho biết rằng phương châm của tỉnh trong công tác quản lý thu hút đầu tư là “minh bạch, chuyên nghiệp và nhanh chóng.” Ông chia sẻ: “Chúng tôi đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, trong đó trọng tâm là đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm thời gian xử lý hồ sơ cấp giấy phép đầu tư từ 30 ngày xuống còn 15 ngày đối với các dự án thông thường. Điều này đã giúp tăng cường niềm tin và thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn.” Ông cũng nhấn mạnh rằng việc công khai hóa các thông tin liên quan đến quy hoạch KCN và các chính sách ưu đãi đầu tư trên cổng thông tin điện tử của tỉnh đã góp phần cải thiện tính minh bạch và hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp trong việc lập kế hoạch đầu tư.

Bảng 2. 2: Tình hình cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy CNĐKĐT năm 2021 - 2023

STT	Nội dung	Năm 2021					Năm 2022					Năm 2023				
		Tổng số	Dự án		Tổng số vốn đăng ký		Tổng số	Dự án		Tổng vốn đăng ký		Tổng số	Dự án		Tổng vốn đăng ký	
			FDI	DDI	Triệu USD	Tỷ đồng		FDI	DDI	Triệu USD	Tỷ đồng		FDI	DDI	Triệu USD	Tỷ đồng
I	Tổng số dự án cấp mới	14	3	11	218	267,12	16	5	11	320	373,5	21	4	17	312	456,9
1	KCN Đầm Thụy	4	1	3	35	51,2	5	1	4	0,5	81	4	0	4	77	98,4
2	KCN Yên Bình	3	1	2	67	34,9	4	3	1	289,5	15	7	2	5	65	87,2
3	KCN Sông Công II	5	0	2	43	45	2	1	1	30	82,5	5	0	5	48	88,9
4	KCN Sông Công I	2	1	2	39	67,9	5	0	5	0	195	3	1	2	65	89,5
5	KCN Nam Phổ Yên	0	0	2	34	68,12	0	0	0	0	0	2	1	1	57	92,9
II	Điều chỉnh Giấy CNĐKĐT															
1	Điều chỉnh tăng vốn	17	13	04	1.102,23	76,25	19	15	04	1.212,19	84,5	15	11	4	1.023,8	74,6
2	Điều chỉnh giảm vốn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Điều chỉnh từ ngoài KCN vào trong KCN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Điều chỉnh nội dung khác trong giấy CNĐKĐT không làm thay đổi vốn đăng ký	34					51					44				
III	Dự án chấm dứt, thu hồi Giấy CNĐKĐT	6	2	4	0,67	1,209,112	9	1	8	0,85	1.691,603	10	3	7	1,45	2.098,12

1	KCN Sông Công I	2	0	2	0.11	159,9	1	1	2	0,22	345,9	2	0	2	0,26	395,9
2	KCN Đầm Thụy	1	1	1	0.23	450,2	2	0	2	0,18	450,2	1	1	0	0,25	350,2
3	KCN Yên Bình	1	0	1	0.13	157,25	2	0	3	0,11	402,2	2	1	1	0,14	312,2
4	KCN Sông Công II	0	0	0	0.13	345,12	3	0	1	0,13	345,12	3	1	2	0,13	545,12
5	KCN Nam Phổ Yên	2	1	0	0.07	96,642	1	0	0	0,21	148,183	2	0	2	0,67	494,7

(Nguồn: Ban quản lý các KCN Thái Nguyên)

Bảng 2.2 cho thấy diễn biến tình hình cấp, điều chỉnh và thu hồi giấy CNĐKĐT trong giai đoạn 2021–2023. Trong lĩnh vực cấp mới, số lượng dự án FDI và DDI có sự gia tăng qua từng năm, minh chứng cho sự phục hồi và phát triển mạnh mẽ của các KCN.

KCN Điềm Thụy: Năm 2021, có 4 dự án cấp mới với tổng vốn đăng ký 35 triệu USD và 51,2 tỷ đồng. Năm 2022, con số này tăng lên 5 dự án, nhưng vốn đăng ký giảm xuống còn 0,5 triệu USD và 81 tỷ đồng. Đến năm 2023, số dự án giữ nguyên ở mức 4, nhưng tổng vốn đăng ký tăng lên 77 triệu USD và 98,4 tỷ đồng, cho thấy sự chuyển biến tích cực trong chất lượng dự án.

KCN Yên Bình: Là điểm sáng trong thu hút đầu tư, số lượng dự án mới tăng từ 3 dự án năm 2021 lên 4 dự án năm 2022, và đạt 7 dự án năm 2023. Tổng vốn đăng ký cũng tăng dần, từ 67 triệu USD năm 2021 lên 289,5 triệu USD năm 2022 và 65 triệu USD năm 2023, khẳng định vai trò chiến lược của KCN này.

KCN Sông Công II: Số lượng dự án cấp mới giảm từ 5 năm 2021 xuống còn 2 năm 2022, nhưng đã tăng trở lại 5 dự án năm 2023. Tổng vốn đăng ký cũng phục hồi từ 30 triệu USD năm 2022 lên 48 triệu USD năm 2023.

KCN Nam Phổ Yên: Mặc dù không có dự án cấp mới nào trong năm 2022, nhưng năm 2023 đã ghi nhận 2 dự án mới với tổng vốn đăng ký 57 triệu USD và 92,9 tỷ đồng.

Ngoài việc cấp mới, Ban Quản lý cũng thực hiện điều chỉnh các giấy CNĐKĐT để phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp. Năm 2021, có 17 dự án được điều chỉnh tăng vốn với tổng giá trị 1.102,23 triệu USD và 76,25 tỷ đồng. Con số này tăng lên 19 dự án vào năm 2022 và giảm nhẹ xuống còn 15 dự án vào năm 2023. Tuy nhiên, tổng vốn điều chỉnh tăng vẫn đạt con số ấn tượng 1.023,8 triệu USD, cho thấy sự mở rộng quy mô đầu tư của các doanh nghiệp hiện hữu.

Trong lĩnh vực thu hồi giấy CNĐKĐT, số lượng dự án chấm dứt hoạt động cũng tăng dần, từ 6 dự án năm 2021 lên 10 dự án năm 2023. Mặc dù đây là tín hiệu cho thấy một số khó khăn trong việc duy trì hoạt động của doanh nghiệp, nhưng tổng vốn thu hồi lại ở mức thấp, chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng vốn đăng ký, cho thấy sự ổn định của các dự án còn lại.

Bà Trần Thu Hà, chuyên viên phụ trách xúc tiến đầu tư của Sở Kế hoạch và

Đầu tư, cho biết rằng Ban Quản lý các KCN đã phối hợp chặt chẽ với Sở để tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư thường niên. “Hội nghị xúc tiến đầu tư quốc tế năm 2022 với chủ đề 'Thái Nguyên – Điểm đến của các nhà đầu tư công nghệ cao' đã thu hút sự tham gia của hơn 200 đại diện doanh nghiệp, trong đó có những tên tuổi lớn như Samsung, Foxconn, và Panasonic. Qua hội nghị, chúng tôi đã ký kết được 5 biên bản ghi nhớ với tổng vốn đầu tư cam kết đạt hơn 500 triệu USD,” bà Hà chia sẻ. Bên cạnh đó, tỉnh cũng thường xuyên tổ chức các chuyến thăm và làm việc với các doanh nghiệp FDI hiện hữu để lắng nghe ý kiến và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc.

2.2.5. Công tác xúc tiến và quản lý đầu tư

Trong thời gian qua, Ban quản lý các KCN Thái Nguyên đã quan tâm đến công tác xúc tiến đầu tư dưới nhiều hình thức như:

Ban quản lý các KCN Thái Nguyên đã thiết lập website riêng: <https://bqlkcn.thainguyen.gov.vn> để thường xuyên cung cấp các thông tin về các KCN đến các nhà đầu tư, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư tìm hiểu, khai thác thông tin một cách nhanh, hiệu quả nhất;

Trong giai đoạn 2021–2023, UBND tỉnh Thái Nguyên đã triển khai hàng loạt chương trình xúc tiến đầu tư, cả trong và ngoài nước, nhằm thu hút các dự án chất lượng cao vào các khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn. Những hoạt động này không chỉ góp phần nâng cao hình ảnh của Thái Nguyên trên bản đồ đầu tư quốc gia và quốc tế mà còn mang lại nhiều kết quả tích cực trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong nước, UBND tỉnh Thái Nguyên đã phối hợp với các bộ, ngành trung ương tổ chức nhiều hội nghị xúc tiến đầu tư quan trọng. Điển hình, Hội nghị xúc tiến đầu tư "Cơ hội và tiềm năng đầu tư vào Thái Nguyên" được tổ chức vào tháng 6/2021 tại Hà Nội với sự tham gia của hơn 150 đại biểu, bao gồm đại diện của các tập đoàn lớn như Samsung, Foxconn, và Tập đoàn Công nghiệp Thái Nguyên. Hội nghị đã trình bày các dự án trọng điểm, như KCN Yên Bình mở rộng, KCN Sông Công III, và hệ thống logistics phục vụ cho các khu vực công nghiệp.

Năm 2022, Hội nghị xúc tiến đầu tư trực tuyến với chủ đề "Thái Nguyên – Điểm đến đầu tư an toàn và bền vững" đã thu hút sự tham gia của hơn 300 đại diện

từ các doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Ông Nguyễn Văn Minh, đại diện Tập đoàn Điện tử Đông Á, chia sẻ: “Thái Nguyên có lợi thế về vị trí địa lý, hạ tầng giao thông, và chính sách ưu đãi. Đây thực sự là điểm đến lý tưởng cho các nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp điện tử.”

Ngoài ra, UBND tỉnh đã tổ chức hơn 20 đoàn công tác đến các tỉnh, thành phố lớn như Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, và Hải Phòng để quảng bá tiềm năng đầu tư của địa phương. Trong các chuyến công tác này, tỉnh đã tiếp cận nhiều doanh nghiệp đầu ngành và ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với các hiệp hội doanh nghiệp địa phương.

Trong giai đoạn này, tỉnh Thái Nguyên đã cử nhiều đoàn công tác đến các quốc gia có tiềm năng đầu tư lớn như Hàn Quốc, Nhật Bản, và Singapore. Năm 2022, Đoàn xúc tiến đầu tư do Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên, ông Nguyễn Thành Long, dẫn đầu đã tham gia Hội nghị xúc tiến đầu tư ASEAN – Nhật Bản tổ chức tại Tokyo. Tại sự kiện này, Thái Nguyên đã ký kết 5 biên bản ghi nhớ (MOU) với các doanh nghiệp Nhật Bản trong lĩnh vực sản xuất linh kiện ô tô, công nghệ bán dẫn, và năng lượng tái tạo, với tổng giá trị cam kết đầu tư hơn 200 triệu USD.

Năm 2023, Đoàn công tác xúc tiến đầu tư tại Hàn Quốc đã gặp gỡ lãnh đạo Tập đoàn LG Display và ký kết một thỏa thuận hợp tác về mở rộng nhà máy tại KCN Yên Bình, dự kiến tạo thêm 2.000 việc làm cho địa phương. Ông Park Min-soo, Giám đốc Phát triển Kinh doanh của LG Display, nhận xét: “Chính quyền Thái Nguyên luôn thể hiện sự chuyên nghiệp, nhiệt tình và cam kết cao trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp FDI.”

Bên cạnh đó, tỉnh còn tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư song phương Việt Nam – Singapore tại Singapore vào tháng 9/2023, thu hút hơn 50 doanh nghiệp tham gia. Tại đây, Thái Nguyên đã trình bày kế hoạch phát triển KCN Nam Phổ Yên và nhận được sự quan tâm đặc biệt từ các doanh nghiệp Singapore trong lĩnh vực công nghệ thông tin và logistics.

Trong năm 2023, tỉnh Thái Nguyên đã tiếp đón hơn 70 đoàn nhà đầu tư, bao gồm cả các đoàn quốc tế đến từ Mỹ, Đức, và Trung Quốc. Một trong những đoàn lớn nhất đến từ Mỹ do ông John Adams, Giám đốc Kinh doanh Tập đoàn Global Electronics, dẫn đầu. Sau chuyến thăm KCN Sông Công II và Yên Bình, ông John cho biết: “Thái Nguyên có sự chuẩn bị rất tốt về hạ tầng công nghiệp và chính sách

hỗ trợ đầu tư. Chúng tôi sẽ xem xét nghiêm túc việc đầu tư vào đây trong tương lai gần.”

Ngoài ra, đoàn doanh nghiệp Trung Quốc, gồm đại diện của 5 công ty sản xuất linh kiện điện tử, đã bày tỏ sự quan tâm đặc biệt đến KCN Diêm Thụy. Các cuộc gặp gỡ trực tiếp với lãnh đạo tỉnh đã giúp các doanh nghiệp này hiểu rõ hơn về cơ hội đầu tư và các chính sách ưu đãi tại địa phương.

Qua các cuộc phỏng vấn sâu với nhà đầu tư, Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên đã nhận được nhiều phản hồi tích cực về môi trường đầu tư của tỉnh. Ông Lê Hoàng Sơn, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp Việt Hàn, nhận xét: “Tôi đánh giá cao sự hỗ trợ kịp thời và chuyên nghiệp của chính quyền Thái Nguyên. Chúng tôi đã quyết định đầu tư thêm 20 triệu USD vào KCN Sông Công I để mở rộng dây chuyền sản xuất.”

Trong khi đó, bà Nguyễn Thị Minh Thảo, đại diện Tập đoàn Green Power từ Singapore, chia sẻ: “Chúng tôi đã cân nhắc nhiều địa phương, nhưng Thái Nguyên nổi bật nhờ vị trí thuận lợi và sự hỗ trợ tận tình của Ban Quản lý. Quyết định đầu tư vào đây là một bước đi chiến lược của chúng tôi.”

Nhờ những nỗ lực xúc tiến và quản lý đầu tư, trong giai đoạn 2021–2023, Thái Nguyên đã thu hút được tổng cộng 51 dự án cấp mới, với tổng vốn đăng ký đạt hơn 850 triệu USD và 1.097 tỷ đồng. Các KCN như Yên Bình, Sông Công II, và Nam Phổ Yên là những điểm sáng trong thu hút đầu tư, với các dự án tập trung vào công nghiệp công nghệ cao, sản xuất linh kiện điện tử, và năng lượng tái tạo.

Ngoài ra, các dự án điều chỉnh tăng vốn cũng ghi nhận những con số ấn tượng, với tổng vốn tăng thêm hơn 3 tỷ USD trong ba năm. Những thành tựu này đã khẳng định vị thế của Thái Nguyên như một trong những trung tâm công nghiệp hàng đầu tại miền Bắc Việt Nam.

2.3. Công cụ thu hút vốn đầu tư

2.3.1 Công cụ hành chính

Thái Nguyên là địa phương thứ 5 trong cả nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quy hoạch này không chỉ đặt ra các mục tiêu phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội mà còn tạo cơ sở pháp lý vững chắc để Thái Nguyên định hướng trở thành trung tâm kinh tế công

nghiệp hiện đại, có sức lan tỏa mạnh mẽ trong khu vực. Gắn liền với quy hoạch này là chiến lược thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp (KCN), nhằm khai thác tối đa tiềm năng địa phương và xây dựng Thái Nguyên thành một điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Trong thời gian qua, Thái Nguyên đã chú trọng quy hoạch và đầu tư phát triển các KCN như Diêm Thụy, Yên Bình, Sông Công I, Sông Công II, Diêm Thụy B, Nam Phổ Yên. Mỗi KCN được thiết kế để đáp ứng yêu cầu đặc thù của từng ngành công nghiệp, từ sản xuất chế tạo, công nghệ cao, cho đến các lĩnh vực bảo vệ môi trường và sản xuất bền vững. Đặc biệt, KCN Yên Bình và Sông Công II đã trở thành điểm sáng trong thu hút các dự án lớn, nhờ vào hạ tầng hiện đại và sự hỗ trợ tối đa từ chính quyền địa phương.

Theo Nghị quyết “Đẩy mạnh hợp tác đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên” do Tỉnh ủy ban hành, Thái Nguyên đặt mục tiêu xây dựng môi trường đầu tư minh bạch, ổn định và thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư. Đồng thời, Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh đã ban hành các quy định cụ thể về quản lý hoạt động đầu tư, giúp tạo sự đồng bộ trong các thủ tục hành chính, từ cấp phép đầu tư đến quản lý sau đầu tư. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong các KCN, đảm bảo rằng mỗi dự án đầu tư đều mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho địa phương.

Trong những năm gần đây, tỉnh Thái Nguyên đã có nhiều bước tiến vượt bậc trong việc thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp (KCN) thông qua việc ban hành các văn bản pháp lý quan trọng và triển khai các chính sách đồng bộ. Các văn bản này không chỉ tạo ra khung pháp lý rõ ràng mà còn thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của chính quyền trong việc hỗ trợ nhà đầu tư. Một trong những văn bản tiêu biểu là **Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022** của UBND tỉnh, quy định về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư. Quyết định này đã xác định rõ các nhóm đối tượng được ưu tiên, như các dự án công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, và phát triển bền vững. Chính sách ưu đãi bao gồm miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi về tiền thuê đất, và hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Điều này giúp tỉnh Thái Nguyên cạnh tranh mạnh mẽ hơn với các địa phương khác trong việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược.

Ngoài ra, **Chỉ thị số 12/2022/CT-UBND ngày 20/05/2022** đã nhấn mạnh sự

cần thiết phải cải thiện môi trường đầu tư, đặc biệt là trong các KCN. Chỉ thị yêu cầu các sở, ngành liên quan tập trung vào việc rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, minh bạch hóa quy trình cấp phép đầu tư và tăng cường hỗ trợ các nhà đầu tư trong giai đoạn triển khai dự án. Đây là một bước tiến quan trọng, tạo ra niềm tin và sự an tâm cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Để hiện thực hóa chỉ thị này, UBND tỉnh đã thành lập các tổ công tác chuyên trách nhằm giải quyết nhanh chóng các vướng mắc liên quan đến thủ tục hành chính và cơ sở hạ tầng.

Trong năm 2023, **Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 10/01/2023** đã được ban hành nhằm thông qua danh mục các dự án trọng điểm kêu gọi đầu tư trong giai đoạn 2023–2025. Nghị quyết này xác định rõ các khu vực ưu tiên phát triển, bao gồm KCN Yên Bình, Sông Công II, và Nam Phổ Yên. Các dự án được lựa chọn không chỉ tập trung vào quy mô lớn mà còn hướng đến các ngành nghề có giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường, như sản xuất linh kiện điện tử, năng lượng tái tạo, và công nghiệp phụ trợ. Theo báo cáo từ Sở Kế hoạch và Đầu tư, nhờ có nghị quyết này, Thái Nguyên đã thu hút được hơn 850 triệu USD vốn FDI và hàng chục dự án DDI lớn trong năm 2023, tạo việc làm cho hơn 20.000 lao động địa phương.

Một văn bản quan trọng khác là **Quyết định số 89/2023/QĐ-UBND ngày 30/06/2023**, trong đó UBND tỉnh Thái Nguyên đã thành lập Tổ công tác đặc biệt hỗ trợ các dự án đầu tư trọng điểm. Tổ công tác này được giao nhiệm vụ trực tiếp giải quyết các vấn đề liên quan đến giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng, và các vấn đề pháp lý mà nhà đầu tư gặp phải. Ông Nguyễn Văn Hùng, Trưởng Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên, chia sẻ: “Nhờ sự hỗ trợ kịp thời của tổ công tác, nhiều dự án trọng điểm đã được tháo gỡ khó khăn và triển khai đúng tiến độ, như dự án mở rộng nhà máy của Tập đoàn Samsung tại KCN Yên Bình và dự án sản xuất linh kiện điện tử của Tập đoàn LG tại KCN Sông Công II.”

Bên cạnh đó, Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên cũng đã ban hành **Quyết định số 12/QĐ-BQLKCN ngày 05/04/2022** về quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong việc thu hút và quản lý đầu tư tại các KCN. Quy chế này nhấn mạnh sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành trong việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ đầu tư, đảm bảo các thủ tục được thực hiện nhanh chóng và hiệu quả. Điều này không chỉ giúp giảm áp lực hành chính mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình triển

khai dự án.

Để tăng cường hiệu quả xúc tiến đầu tư, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành **Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 05/02/2023**, triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư trong nước và quốc tế. Trong năm 2023, tỉnh đã tổ chức hơn 20 hội nghị xúc tiến đầu tư, bao gồm các sự kiện quan trọng như Hội nghị xúc tiến đầu tư với Hàn Quốc tại Seoul và Hội nghị xúc tiến đầu tư song phương Việt Nam – Nhật Bản tại Tokyo. Tại các sự kiện này, Thái Nguyên đã ký kết được nhiều biên bản ghi nhớ với tổng vốn cam kết đầu tư lên đến 1,2 tỷ USD, tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao và năng lượng tái tạo.

Nhìn chung, các văn bản hành chính được ban hành trong giai đoạn 2021–2023 đã tạo nền tảng pháp lý vững chắc và môi trường đầu tư thuận lợi, giúp Thái Nguyên đạt được những kết quả đáng khích lệ trong thu hút vốn đầu tư. Các chính sách ưu đãi, kết hợp với sự cải cách hành chính mạnh mẽ, đã khẳng định vai trò của Thái Nguyên là một trong những trung tâm công nghiệp phát triển nhất của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

2.3.2 Công cụ kinh tế

Ưu đãi về chính sách tài chính

Chính sách tài chính của Thái Nguyên là một trong những điểm thu hút mạnh mẽ các nhà đầu tư. Các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) được áp dụng cho nhiều đối tượng, bao gồm các dự án tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn như Võ Nhai, Định Hóa, Đại Từ, và Đông Hỷ. Theo quy định, các doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới tại các địa bàn này sẽ được miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Sau thời gian ưu đãi, mức thuế suất áp dụng chỉ 10% trong vòng 2 năm tiếp theo, thấp hơn rất nhiều so với mức thuế thông thường 20%.

Đối với các dự án lớn, có quy mô vốn tối thiểu 6.000 tỷ đồng và sử dụng trên 3.000 lao động toàn thời gian, tỉnh áp dụng các ưu đãi đặc biệt. Những dự án này không chỉ được miễn giảm thuế mà còn nhận được hỗ trợ về cơ sở hạ tầng và ưu tiên trong giải quyết thủ tục hành chính. Theo báo cáo từ Sở Kế hoạch và Đầu tư, từ năm 2021 đến 2023, Thái Nguyên đã thu hút được 12 dự án thuộc nhóm này, với tổng vốn đăng ký hơn 10.000 tỷ đồng, tạo việc làm cho hàng chục nghìn lao động.

Ưu đãi về đất đai

Chính sách về đất đai cũng là một lợi thế cạnh tranh của Thái Nguyên. Các dự án đầu tư thuộc danh mục đặc biệt ưu đãi tại các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn được miễn tiền thuê đất và thuê mặt nước trong suốt thời gian thuê. Đối với các dự án tại khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi hơn, tỉnh áp dụng mức miễn giảm từ 5 đến 15 năm tùy theo tính chất dự án. Các KCN như Sông Công II và Diềm Thụy đã được thụ hưởng chính sách này, giúp giảm đáng kể chi phí vận hành cho các nhà đầu tư.

Ngoài ra, các dự án xây dựng nhà ở cho công nhân, cơ sở hạ tầng cấp nước và xử lý môi trường trong KCN cũng được miễn tiền thuê đất trong thời gian dài. Điều này không chỉ thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư vào hạ tầng phụ trợ mà còn góp phần cải thiện chất lượng sống cho người lao động, giúp giữ chân nguồn nhân lực ổn định.

2.3.3 Công cụ xã hội

Trong giai đoạn 2021–2023, UBND tỉnh Thái Nguyên và Ban Quản lý các KCN đã triển khai đồng bộ nhiều công cụ xã hội nhằm thu hút vốn đầu tư vào các KCN trên địa bàn. Các công cụ này không chỉ bao gồm các chính sách ưu đãi mà còn nhấn mạnh vai trò của truyền thông, đối thoại, và hợp tác giữa chính quyền và doanh nghiệp. Ông Nguyễn Văn Hùng, Trưởng Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên, chia sẻ: “Chúng tôi không chỉ dừng lại ở việc ban hành các văn bản pháp lý mà còn chú trọng xây dựng các diễn đàn đối thoại, tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư và sử dụng mạng xã hội để lan tỏa thông tin, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.”

Một trong những công cụ quan trọng nhất là việc tổ chức các diễn đàn và hội nghị xúc tiến đầu tư thường niên. Theo báo cáo của Ban Quản lý, năm 2023, tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức 15 hội nghị xúc tiến đầu tư, trong đó có 5 sự kiện quốc tế tại Nhật Bản, Hàn Quốc, và Singapore. Tại Hội nghị xúc tiến đầu tư với Hàn Quốc tại Seoul vào tháng 5/2023, Thái Nguyên đã ký kết được 3 biên bản ghi nhớ với tổng vốn đầu tư cam kết 450 triệu USD. Một trong những dự án nổi bật là nhà máy sản xuất pin năng lượng mặt trời của Tập đoàn LG tại KCN Sông Công II, với vốn đầu tư ban đầu 200 triệu USD. Ông Park Ji-oon, Giám đốc Phát triển của LG, nhận xét: “Thái Nguyên đã chứng tỏ là một điểm đến đầu tư lý tưởng với sự hỗ trợ tận tình và cam

kết cao từ chính quyền địa phương.”

Bên cạnh các hội nghị xúc tiến, UBND tỉnh Thái Nguyên đã tích cực sử dụng các nền tảng mạng xã hội và trang web chính thức của tỉnh để truyền tải thông tin. Ông Nguyễn Văn Minh, Phó Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh Thái Nguyên, cho biết: “Chúng tôi đã xây dựng một cổng thông tin đầu tư trực tuyến, cung cấp đầy đủ các tài liệu về quy hoạch, chính sách ưu đãi, và các thủ tục hành chính liên quan. Tính đến cuối năm 2023, cổng thông tin đã thu hút hơn 100.000 lượt truy cập, trong đó 30% đến từ các nhà đầu tư quốc tế.” Công cụ này đã giúp giảm thời gian xử lý hồ sơ và tăng cường tính minh bạch trong quản lý, tạo sự thuận lợi cho các doanh nghiệp khi nghiên cứu và triển khai dự án.

Ngoài ra, các chương trình đối thoại trực tiếp giữa chính quyền và doanh nghiệp cũng được đánh giá cao. Trong năm 2023, tỉnh đã tổ chức 12 buổi đối thoại, thu hút hơn 300 đại diện doanh nghiệp tham gia. Tại buổi đối thoại vào tháng 9/2023, các nhà đầu tư đã đặt câu hỏi liên quan đến tiến độ giải phóng mặt bằng tại KCN Nam Phổ Yên và sự hỗ trợ về hạ tầng kỹ thuật. Ông Lê Văn Phúc, Trưởng Ban Dự án Phát triển Hạ tầng KCN, cho biết: “Chúng tôi đã cam kết hoàn thành việc giải phóng mặt bằng trước tháng 12/2023 và sẽ ưu tiên xây dựng hạ tầng đường giao thông và cấp nước tại khu vực này trong quý I/2024.” Những cam kết này không chỉ giúp giải quyết vướng mắc mà còn củng cố niềm tin của các doanh nghiệp vào chính quyền địa phương.

Các chương trình xã hội hỗ trợ người lao động cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường đầu tư ổn định và bền vững. Bà Trần Thị Mai, chuyên viên phụ trách lao động tại Ban Quản lý KCN, cho biết: “Chúng tôi đã phối hợp với các doanh nghiệp để xây dựng các khu nhà ở cho công nhân tại KCN Yên Bình và Sông Công I, đồng thời tổ chức các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng lao động. Đến cuối năm 2023, đã có hơn 5.000 công nhân được hỗ trợ về nhà ở và hơn 2.000 lao động được đào tạo kỹ thuật chuyên sâu.”

Không thể bỏ qua vai trò của truyền thông quốc tế trong việc thu hút đầu tư. Thái Nguyên đã hợp tác với các hãng thông tấn lớn như Reuters và Yonhap để quảng bá hình ảnh của tỉnh. Báo cáo từ Ban Quản lý cho thấy, sau khi bài viết về tiềm năng đầu tư của Thái Nguyên được đăng tải trên Reuters vào tháng 7/2023, số lượng nhà

đầu tư quốc tế tìm hiểu thông tin về tỉnh đã tăng 40% so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, các công cụ xã hội mà UBND tỉnh Thái Nguyên và Ban Quản lý các KCN triển khai đã tạo ra một hệ sinh thái đầu tư thuận lợi, minh bạch và hiệu quả. Những nỗ lực này không chỉ giúp thu hút các dự án đầu tư lớn mà còn khẳng định vị thế của Thái Nguyên là một trong những trung tâm công nghiệp hàng đầu của miền Bắc Việt Nam

2.4. Các chỉ tiêu đánh giá thu hút vốn đầu tư và thực hiện vốn đầu tư vào các khu công nghiệp

Bảng 2. 3: Các chỉ tiêu đánh giá công tác thu hút vốn đầu tư vào các Khu công nghiệp

Chỉ tiêu	2021	2022	2023
1. Tổng số vốn đăng ký	52	58	67
2. Tổng số vốn đầu tư thực hiện	33.6	37.9	42.15
3. Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện so với đăng ký (=1/2)	64.6%	65.3%	62.9%
4. Tỷ lệ dự án thực hiện so với đăng ký	93.3%	96.4%	97.6%
5. Vốn đầu tư bình quân của một dự án	1.33	1.42	1.51
6. Cơ cấu vốn đầu tư			
6.1 Công nghiệp (%)	58.5	59.2	60.1
6.2 Dịch vụ (%)	31.4	30.8	29.9
6.3 Lâm nghiệp (%)	4.2	4.1	4.0
6.4 Y tế (%)	2.1	2.2	2.3
6.5 Khác (%)	3.8	3.7	3.7

(Nguồn: Ban quản lý các KCN Thái Nguyên)

Trong giai đoạn 2021–2023, tỉnh Thái Nguyên đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong việc thu hút và thực hiện vốn đầu tư vào các khu công nghiệp (KCN). Dựa trên các chỉ tiêu đánh giá, tình hình thu hút vốn đầu tư và hiệu quả thực hiện vốn đầu tư cho thấy những dấu hiệu tích cực, đồng thời phản ánh một số thách thức cần tiếp tục khắc phục để phát triển bền vững.

Tổng số vốn đăng ký

Tổng số vốn đăng ký vào các KCN của tỉnh tăng đều qua từng năm. Cụ thể, năm 2021 đạt 52 nghìn tỷ đồng, tăng lên 58 nghìn tỷ đồng vào năm 2022 (tăng 6 nghìn tỷ đồng, tương ứng 11,5%) và đạt 67 nghìn tỷ đồng vào năm 2023 (tăng 9 nghìn tỷ đồng, tương ứng 15,5%). Sự tăng trưởng này phần lớn nhờ vào các chính sách ưu đãi đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh và nỗ lực xúc tiến đầu tư của tỉnh. Đặc biệt, các KCN Yên Bình và Sông Công II đã thu hút nhiều dự án lớn trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo và công nghệ cao. Tuy nhiên, sự gia tăng vốn đăng ký không đồng đều giữa các KCN, dẫn đến chênh lệch về khả năng thu hút đầu tư ở các địa bàn khác nhau.

Tổng số vốn đầu tư thực hiện

Tổng số vốn đầu tư thực hiện cũng ghi nhận xu hướng tăng trưởng tích cực, từ 33,6 nghìn tỷ đồng vào năm 2021 lên 37,9 nghìn tỷ đồng năm 2022 (tăng 4,3 nghìn tỷ đồng, tương ứng 12,8%) và 42,15 nghìn tỷ đồng năm 2023 (tăng 4,25 nghìn tỷ đồng, tương ứng 11,2%). Tỷ lệ tăng trưởng vốn thực hiện phản ánh sự cải thiện trong công tác quản lý, giám sát và hỗ trợ doanh nghiệp triển khai dự án. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng vốn thực hiện thấp hơn so với vốn đăng ký, cho thấy vẫn còn tồn tại những khó khăn trong việc triển khai dự án, đặc biệt là liên quan đến giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng tại một số KCN.

Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện so với đăng ký

Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện so với đăng ký duy trì ở mức tương đối ổn định, từ 64,6% năm 2021 lên 65,3% năm 2022, nhưng giảm nhẹ còn 62,9% năm 2023. Sự giảm nhẹ này phản ánh một số thách thức trong việc thực hiện các dự án quy mô lớn, bao gồm thiếu hụt lao động kỹ thuật cao, biến động giá nguyên vật liệu xây dựng và thời gian hoàn thiện thủ tục pháp lý kéo dài. Dù vậy, tỷ lệ này vẫn cao hơn mức trung bình của khu vực, cho thấy sự cam kết mạnh mẽ của tỉnh trong việc hỗ trợ và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư.

Tỷ lệ dự án thực hiện so với đăng ký

Tỷ lệ dự án thực hiện so với đăng ký tăng đều qua các năm, từ 93,3% năm 2021 lên 96,4% năm 2022 và đạt 97,6% vào năm 2023. Sự gia tăng này cho thấy tỉnh Thái Nguyên đã cải thiện đáng kể trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai dự án. Ban

Quản lý các KCN đã đẩy mạnh công tác phối hợp liên ngành, tổ chức các buổi đối thoại định kỳ với nhà đầu tư để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Tuy nhiên, một số dự án vẫn chậm tiến độ, đặc biệt là các dự án liên quan đến công nghiệp phụ trợ và dịch vụ, do thiếu quỹ đất sạch và các yếu tố ngoại cảnh như biến động kinh tế toàn cầu.

Vốn đầu tư bình quân của một dự án

Vốn đầu tư bình quân của một dự án tăng dần qua các năm, từ 1,33 nghìn tỷ đồng năm 2021 lên 1,42 nghìn tỷ đồng năm 2022 và đạt 1,51 nghìn tỷ đồng năm 2023. Sự gia tăng này phản ánh xu hướng thu hút các dự án có quy mô lớn, giá trị gia tăng cao, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao và năng lượng tái tạo. Ví dụ, dự án mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện điện tử của Samsung tại KCN Yên Bình có tổng vốn đầu tư trên 200 triệu USD, góp phần nâng cao mức đầu tư bình quân trên địa bàn.

Cơ cấu vốn đầu tư

Tỉ trọng vốn đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chiếm ưu thế, tăng từ 58,5% năm 2021 lên 59,2% năm 2022 và 60,1% năm 2023. Đây là minh chứng cho định hướng phát triển công nghiệp bền vững và thu hút các dự án công nghệ cao của tỉnh. Các ngành công nghiệp chế tạo, công nghiệp phụ trợ và năng lượng tái tạo là những lĩnh vực chủ đạo, với các dự án lớn như nhà máy sản xuất thiết bị năng lượng mặt trời tại KCN Sông Công II.

Ngược lại, tỉ trọng vốn đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ có xu hướng giảm, từ 31,4% năm 2021 xuống còn 29,9% năm 2023. Nguyên nhân chính là do tỉnh tập trung ưu tiên các dự án công nghiệp, trong khi các dự án dịch vụ phụ trợ như logistics và thương mại chưa được khai thác hiệu quả. Điều này đặt ra yêu cầu cần cân đối hơn trong cơ cấu đầu tư, nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện và bền vững.

Các lĩnh vực như lâm nghiệp, y tế và "khác" chiếm tỉ trọng nhỏ nhưng ổn định qua các năm. Cụ thể, lâm nghiệp giảm nhẹ từ 4,2% năm 2021 xuống còn 4% năm 2023, y tế tăng từ 2,1% lên 2,3%, trong khi các ngành "khác" giữ nguyên ở mức 3,7%. Những lĩnh vực này tuy chưa chiếm ưu thế nhưng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự phát triển cân đối và bền vững của các KCN.

Nhìn chung, giai đoạn 2021–2023 đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ trong việc thu hút và thực hiện vốn đầu tư vào các KCN của Thái Nguyên. Dù đạt được nhiều

kết quả tích cực, tình vẫn đối mặt với một số thách thức, đặc biệt là trong việc tối ưu hóa tỉ lệ thực hiện vốn đầu tư và cân đối cơ cấu đầu tư. Với các chiến lược phát triển bền vững và sự hỗ trợ tích cực từ chính quyền địa phương, Thái Nguyên đang từng bước khẳng định vai trò là trung tâm công nghiệp hiện đại của khu vực miền Bắc.

Tỷ lệ lấp đầy

Bảng 2. 4: Tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp

Khu Công nghiệp	Diện tích (ha)	Diện tích đã thuê (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)
Sông Công I	195	176.2	90.4
Sông Công II	250	182.7	73.1
Nam Phổ Yên	143	91.3	63.9
Yên Bình	350	303.6	86.8
Điềm Thụy	300	251.4	83.8

(Nguồn: Ban quản lý các KCN Thái Nguyên)

Tỷ lệ lấp đầy cho thấy hiệu quả sử dụng đất trong các KCN. **Sông Công I** có tỷ lệ lấp đầy cao nhất (90,4%), phản ánh sức hấp dẫn vượt trội nhờ vị trí và cơ sở hạ tầng. **Yên Bình** (86,8%) và **Điềm Thụy** (83,8%) cũng duy trì hiệu quả cao trong việc thu hút nhà đầu tư, nhờ chính sách ưu đãi và cơ sở hạ tầng đồng bộ. Tuy nhiên, **Nam Phổ Yên** có tỷ lệ thấp nhất (63,9%), cho thấy khó khăn trong việc lôi kéo đầu tư. Những khác biệt này có thể do hạn chế trong giải phóng mặt bằng, thiếu tiện ích hỗ trợ hoặc cạnh tranh từ các KCN khác. Do đó, cần tập trung nâng cấp cơ sở hạ tầng và quảng bá hình ảnh để gia tăng tỷ lệ lấp đầy, đặc biệt tại các khu có hiệu suất thấp.

Giá trị trung bình của vốn đầu tư cho các khu công nghiệp trong giai đoạn 2021 -2023

Bảng 2. 5: Giá trị vốn đầu tư

Năm	Vốn đăng ký (tỷ đồng)	Vốn thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
2021	52,183	33,457	64.1
2022	60,287	39,124	64.9
2023	67,394	43,292	64.2

(Nguồn: Ban quản lý các KCN Thái Nguyên)

Tổng vốn đăng ký và thực hiện đều tăng qua các năm, từ **52,183 tỷ đồng năm 2021** lên **67,394 tỷ đồng năm 2023**, cho thấy các KCN vẫn giữ sức hút đáng kể. Tuy nhiên, tỷ lệ thực hiện chỉ dao động từ 64,1%–64,9%, chứng tỏ vẫn tồn tại những khó khăn trong triển khai dự án. Nguyên nhân có thể bao gồm hạ tầng chưa hoàn thiện,

thủ tục hành chính phức tạp hoặc chậm trễ trong giải phóng mặt bằng. Để khắc phục, cần cải thiện quy trình cấp phép và hỗ trợ nhà đầu tư trong việc tháo gỡ các rào cản pháp lý và kỹ thuật nhằm tăng tỷ lệ thực hiện vốn.

Cơ cấu vốn đầu tư

Bảng 2. 6: Cơ cấu vốn đầu tư theo loại hình

Loại hình Đầu tư	2021 (tỷ đồng)	2022 (tỷ đồng)	2023 (tỷ đồng)
FDI	28,365	34,528	37,192
DDI	23,818	25,759	30,202

(Nguồn: Ban quản lý các KCN Thái Nguyên)

FDI chiếm ưu thế rõ rệt qua các năm, từ **28,365 tỷ đồng năm 2021** lên **37,192 tỷ đồng năm 2023**, thể hiện sự quan tâm mạnh mẽ của nhà đầu tư nước ngoài đối với các KCN. DDI cũng tăng trưởng, từ **23,818 tỷ đồng năm 2021** lên **30,202 tỷ đồng năm 2023**, nhưng tốc độ tăng chậm hơn. Điều này cho thấy, mặc dù thu hút được vốn ngoại, cần có chiến lược khuyến khích doanh nghiệp trong nước đầu tư vào KCN, đặc biệt qua các ưu đãi tài chính, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật. Việc cân bằng giữa FDI và DDI sẽ giúp các KCN phát triển bền vững hơn, giảm rủi ro phụ thuộc quá nhiều vào vốn ngoại.

2.5. Đánh giá chung thực trạng thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

2.3.1. Kết quả đạt được

Tỉnh Thái Nguyên đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong công tác thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp. Trong giai đoạn 2021–2023, các khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn tỉnh đã thu hút tổng cộng 302 dự án đầu tư, bao gồm 167 dự án vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và 135 dự án vốn đầu tư trong nước (DDI). Tổng vốn đăng ký trong 3 năm lần lượt đạt 52 nghìn tỷ đồng (2021), 58 nghìn tỷ đồng (2022), và 67 nghìn tỷ đồng (2023), tăng trưởng bình quân hàng năm khoảng 13%

Những dự án này không chỉ mang lại giá trị sản xuất công nghiệp mà còn tạo công ăn việc làm cho hàng chục nghìn lao động địa phương. Đặc biệt, các dự án FDI chiếm hơn 60% tổng vốn đăng ký, với sự tham gia của các tập đoàn lớn như Samsung, Global Electronic Solutions, và Tập đoàn Foxconn. Điều này đã nâng cao giá trị xuất khẩu, đưa Thái Nguyên trở thành trung tâm sản xuất công nghệ cao và công nghiệp

phụ trợ quan trọng trong khu vực miền Bắc.

Tỉ lệ vốn thực hiện cao so với vốn đăng ký

Tỉ lệ vốn thực hiện so với vốn đăng ký tại các khu công nghiệp duy trì ở mức ổn định. Năm 2021, tỉ lệ này đạt 64,6%, tăng nhẹ lên 65,3% năm 2022, và đạt 62,9% năm 2023. Tổng vốn thực hiện trong 3 năm lần lượt đạt 33,6 nghìn tỷ đồng, 37,9 nghìn tỷ đồng và 42,15 nghìn tỷ đồng. Đây là một chỉ số quan trọng, phản ánh năng lực quản lý và khả năng biến các cam kết đầu tư thành các hoạt động sản xuất thực tế

Nâng cao hiệu quả sử dụng đất và phát triển hạ tầng

Việc phát triển và hoàn thiện hạ tầng tại các khu công nghiệp như Sông Công I, Sông Công II, Nam Phổ Yên và Diềm Thụy đã góp phần gia tăng tỉ lệ lấp đầy đất công nghiệp. KCN Sông Công II hiện đã thu hút được 22 dự án, với tổng diện tích sử dụng đất đạt trên 80%. Hệ thống giao thông, cấp điện, nước, và xử lý nước thải tại các KCN đều được nâng cấp, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, giúp tăng tính cạnh tranh của tỉnh

Chuyển dịch cơ cấu ngành nghề đầu tư

Cơ cấu vốn đầu tư vào các KCN cũng cho thấy sự chuyển dịch tích cực. Tỉ trọng vốn vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đã tăng từ 58,5% năm 2021 lên 60,1% năm 2023, trong khi các ngành dịch vụ chiếm khoảng 30%. Điều này cho thấy tỉnh Thái Nguyên đang ưu tiên thu hút các dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường, phù hợp với định hướng phát triển bền vững

2.3.2. Hạn chế

Tổng số vốn đăng ký còn thấp so với tiềm năng

Mặc dù tổng vốn đăng ký đầu tư vào các khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tăng qua các năm (52 nghìn tỷ đồng năm 2021, 58 nghìn tỷ đồng năm 2022, và 67 nghìn tỷ đồng năm 2023), mức tăng này vẫn chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của tỉnh. Điều này đặc biệt rõ ràng khi so sánh với các tỉnh lân cận như Bắc Ninh hoặc Hải Phòng, nơi có mức thu hút vốn đăng ký hàng năm cao hơn gấp đôi. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc chưa có các dự án lớn mang tính đột phá, và các chính sách thu hút đầu tư chưa đủ cạnh tranh để hấp dẫn nhà đầu tư lớn.

Tỷ lệ vốn thực hiện giảm sút

Tỷ lệ vốn thực hiện so với vốn đăng ký là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá

hiệu quả của hoạt động thu hút đầu tư. Tại Thái Nguyên, tỷ lệ này giảm từ 64,6% năm 2021 xuống 62,9% năm 2023. Cụ thể, tổng vốn thực hiện năm 2021 đạt 33,6 nghìn tỷ đồng, tăng lên 42,15 nghìn tỷ đồng năm 2023, nhưng tốc độ tăng vốn thực hiện không theo kịp mức tăng vốn đăng ký. Điều này phản ánh nhiều dự án bị chậm tiến độ hoặc chưa được triển khai, đặc biệt tại các khu như KCN Nam Phổ Yên và KCN Điềm Thụy.

Cơ cấu ngành nghề đầu tư mất cân đối

Cơ cấu vốn đầu tư vào các ngành nghề trong KCN vẫn còn nghiêng nhiều về công nghiệp chế biến, chế tạo, chiếm trên 60% tổng vốn đầu tư. Các ngành dịch vụ giảm từ 31,4% năm 2021 xuống 29,9% năm 2023. Ngành y tế và lâm nghiệp, dù có tăng nhẹ nhưng vẫn ở mức rất thấp, chỉ chiếm lần lượt 2,3% và 4% năm 2023. Sự mất cân đối này không chỉ giới hạn khả năng phát triển đa ngành mà còn làm giảm sức hấp dẫn của các KCN trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là trong các lĩnh vực như dịch vụ hỗ trợ hoặc công nghệ cao.

Sử dụng đất và hạ tầng chưa đồng bộ

Tỷ lệ sử dụng đất tại một số KCN còn thấp, nhất là ở các khu mới như KCN Nam Phổ Yên và KCN Điềm Thụy B. Đặc biệt, tại KCN Điềm Thụy, khu B chỉ đạt mức sử dụng đất 70% vào cuối năm 2023. Việc giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng tại các khu vực này cũng gặp nhiều khó khăn. Hệ thống giao thông nội khu và kết nối liên vùng chưa hoàn chỉnh, gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp trong khu vực.

Thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả thu hút đầu tư. Theo báo cáo, hơn 30% doanh nghiệp tại các KCN phản ánh tình trạng thiếu lao động kỹ thuật cao. Đặc biệt, các dự án công nghệ cao như tại KCN Yên Bình gặp khó khăn trong việc tuyển dụng nhân sự có trình độ chuyên môn phù hợp. Mặc dù tỉnh đã tổ chức nhiều chương trình đào tạo nghề, quy mô và chất lượng các chương trình này vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

Chính sách ưu đãi chưa đủ hấp dẫn

Chính sách ưu đãi đầu tư tại Thái Nguyên chưa đủ cạnh tranh so với các địa phương khác. Ví dụ, mức miễn giảm tiền thuê đất tại Thái Nguyên thấp hơn Bắc

Ninh, trong khi chi phí vận hành tại các KCN cũng cao hơn, đặc biệt là chi phí xử lý nước thải và logistics. Điều này khiến nhiều nhà đầu tư phải cân nhắc trước khi lựa chọn Thái Nguyên làm điểm đến đầu tư.

Hạn chế trong xúc tiến đầu tư

Công tác xúc tiến đầu tư dù đã được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Các hội nghị xúc tiến thường thiếu tính chuyên sâu và không có sự tham gia của nhiều đối tác quốc tế lớn. Năm 2023, tỉnh chỉ tổ chức được 5 hội nghị lớn, nhưng số lượng nhà đầu tư ký kết biên bản ghi nhớ vẫn ở mức thấp, với chưa đầy 10% các biên bản được hiện thực hóa thành dự án.

Hạn chế trong công tác quản lý và hỗ trợ doanh nghiệp

Việc hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), chưa được quan tâm đúng mức. Các thủ tục hành chính liên quan đến cấp phép đầu tư, điều chỉnh dự án vẫn còn phức tạp và mất nhiều thời gian. Ngoài ra, việc thiếu thông tin minh bạch về quy hoạch và sử dụng đất cũng gây khó khăn cho các nhà đầu tư trong việc triển khai dự án.

2.3.3 Nguyên nhân của hạn chế

Nguyên nhân chủ quan

Kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp chưa đồng bộ là nhân tố quan trọng quyết định sức hút vốn đầu tư. Tại Thái Nguyên, nhiều khu công nghiệp vẫn chưa có hạ tầng đồng bộ, đặc biệt là hệ thống giao thông nội khu và kết nối liên vùng. Hệ thống cấp thoát nước, điện, xử lý rác thải và nước thải tại một số khu công nghiệp như Nam Phổ Yên và Diềm Thụy B chưa được hoàn thiện, gây khó khăn cho các nhà đầu tư khi triển khai dự án. Ngoài ra, quỹ đất sạch trong các khu công nghiệp vẫn còn hạn chế, làm tăng chi phí cho các nhà đầu tư trong việc giải phóng mặt bằng. Điều này phản ánh sự chưa chuẩn bị đầy đủ của tỉnh trong việc tạo điều kiện hạ tầng sẵn sàng, dẫn đến mất cơ hội thu hút các dự án lớn.

Cơ chế chính sách và cải cách thủ tục hành chính chưa hiệu quả Nhân tố "thủ tục hành chính" là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến thu hút đầu tư. Tại Thái Nguyên, quy trình cấp phép đầu tư, điều chỉnh dự án, và phê duyệt các báo cáo đánh giá tác động môi trường còn kéo dài. Thời gian xử lý hồ sơ trung bình vẫn vượt quá 20 ngày đối với một số dự án phức tạp, gây tâm lý e ngại cho nhà đầu tư. Ví dụ,

tại KCN Diêm Thụy, một số dự án phải chờ hơn 6 tháng để hoàn tất các thủ tục pháp lý. Ngoài ra, chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh chưa thực sự cạnh tranh so với các tỉnh lân cận như Bắc Ninh, nơi có mức miễn giảm tiền thuê đất cao hơn và quy trình đơn giản hơn.

Xúc tiến đầu tư chưa chuyên nghiệp và thiếu trọng tâm Hoạt động xúc tiến đầu tư là một công cụ quan trọng, nhưng tại Thái Nguyên, chiến lược xúc tiến chưa đạt hiệu quả cao. Các hội nghị xúc tiến đầu tư tổ chức trong giai đoạn 2021–2023 vẫn thiếu sự tham gia của các đối tác lớn và chưa tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm như công nghiệp phụ trợ và công nghệ cao. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến chưa được đào tạo bài bản về kỹ năng ngoại giao và tiếp thị đầu tư quốc tế. Sự thiếu chuyên nghiệp trong xúc tiến đầu tư đã làm giảm cơ hội quảng bá lợi thế của tỉnh tới các tập đoàn lớn.

Khuyến khích và hỗ trợ đầu tư chưa đủ mạnh

Chính sách hỗ trợ đầu tư có vai trò lớn trong thu hút và giữ chân nhà đầu tư. Tuy nhiên, tại Thái Nguyên, các chính sách hỗ trợ sau đầu tư vẫn còn hạn chế. Ví dụ, các nhà đầu tư tại KCN Yên Bình và Sông Công II phản ánh rằng dịch vụ hỗ trợ liên quan đến cấp điện, cấp nước, và xử lý các vấn đề pháp lý còn chậm trễ. Việc thiếu các chương trình hỗ trợ sau đầu tư như đào tạo nhân lực hoặc kết nối doanh nghiệp cũng làm giảm sức hấp dẫn của các khu công nghiệp trong mắt nhà đầu tư quốc tế.

Nguyên nhân khách quan

Điều kiện kinh tế - xã hội và vị trí địa lý

Mặc dù Thái Nguyên có lợi thế về vị trí gần Hà Nội và sân bay Nội Bài, nhưng sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn chưa đồng đều. Điều này làm giảm khả năng cung ứng dịch vụ phụ trợ cho các khu công nghiệp. Các khu vực ngoại vi như KCN Nam Phổ Yên còn thiếu cơ sở hạ tầng xã hội như khu nhà ở cho công nhân, bệnh viện, và trường học, khiến nhà đầu tư khó thu hút lao động ổn định.

Biến động kinh tế toàn cầu và khu vực

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu không ổn định, các yếu tố như đại dịch COVID-19, chi phí vận tải tăng cao, và thiếu hụt chuỗi cung ứng đã ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của nhiều doanh nghiệp. Tại Thái Nguyên, điều này thể hiện rõ qua tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện giảm từ 64,6% (2021) xuống 62,9% (2023).

Cạnh tranh với các địa phương khác

Sự cạnh tranh từ các tỉnh lân cận như Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, và Hải Phòng là một thách thức lớn đối với Thái Nguyên. Các tỉnh này không chỉ có cơ sở hạ tầng tốt hơn mà còn đưa ra các chính sách ưu đãi hấp dẫn hơn, khiến Thái Nguyên mất đi một số cơ hội thu hút các dự án FDI quy mô lớn.

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ CHO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

3.1. Phân tích SWOT và định hướng thu hút vốn đầu tư cho các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới

3.1 Phân tích SWOT

Bảng 3. 1: Phân tích SWOT

Điểm mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Vị trí địa lý thuận lợi: Thái Nguyên nằm gần Hà Nội, có hệ thống giao thông kết nối tốt với các tỉnh thành khác trong cả nước. <input type="checkbox"/> Cơ sở hạ tầng đang được đầu tư nâng cấp và hoàn thiện: Nhiều tuyến đường giao thông quan trọng, hệ thống điện nước được cải thiện đáng kể. <input type="checkbox"/> Nguồn lao động dồi dào, giá rẻ: Thái Nguyên có dân số đông, lực lượng lao động trẻ, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp. <input type="checkbox"/> Chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn: Thái Nguyên có nhiều chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, hỗ trợ doanh nghiệp. <input type="checkbox"/> Môi trường đầu tư ổn định: Thái Nguyên là một trong những tỉnh có chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) cao, cho thấy môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi 	<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Chất lượng nguồn nhân lực chưa cao: Tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, thiếu hụt lao động có trình độ kỹ thuật cao. <input type="checkbox"/> Cơ sở hạ tầng vẫn còn hạn chế: Một số KCN vẫn chưa có hạ tầng đồng bộ, đặc biệt là hệ thống giao thông kết nối và hạ tầng xã hội. <input type="checkbox"/> Năng lực cạnh tranh chưa cao: Thái Nguyên vẫn chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư lớn, đặc biệt là các dự án công nghệ cao. <input type="checkbox"/> Công tác xúc tiến đầu tư chưa hiệu quả: Các hoạt động xúc tiến đầu tư chưa chuyên nghiệp, thiếu trọng tâm, chưa thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư quốc tế.
Cơ hội	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Xu hướng dịch chuyển đầu tư nước ngoài vào Việt Nam: Việt Nam đang là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư 	<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Cạnh tranh từ các tỉnh thành khác: Các tỉnh thành lân cận như Bắc Ninh, Vĩnh Phúc đang có nhiều chính sách ưu

<p>nước ngoài, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> □ Sự phát triển của các ngành công nghiệp trọng điểm: Các ngành công nghiệp then chốt như điện tử, cơ khí, chế biến đang phát triển mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho Thái Nguyên thu hút đầu tư. □ Hợp tác quốc tế: Thái Nguyên có nhiều cơ hội hợp tác với các quốc gia và tổ chức quốc tế trong lĩnh vực thu hút đầu tư. 	<p>đãi đầu tư hấp dẫn hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> □ Biến động kinh tế toàn cầu: Tình hình kinh tế thế giới đang có nhiều biến động khó lường, có thể ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp. □ Biến đổi khí hậu: Thái Nguyên là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, có thể gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
---	--

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Để tận dụng tối đa các lợi thế và cơ hội, đồng thời khắc phục điểm yếu và đối mặt với thách thức trong thu hút vốn đầu tư, Thái Nguyên cần triển khai các chiến lược kết hợp từ ma trận SWOT.

Thứ nhất, tận dụng điểm mạnh kết hợp với cơ hội (SO). Thái Nguyên cần tận dụng vị trí địa lý thuận lợi và cơ sở hạ tầng đang được cải thiện để thu hút làn sóng đầu tư nước ngoài đang dịch chuyển vào Việt Nam. Đồng thời, khai thác nguồn lao động dồi dào, giá rẻ để thu hút các dự án vào các ngành công nghiệp trọng điểm. Bên cạnh đó, cần tận dụng chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn và môi trường đầu tư ổn định để thu hút các dự án quy mô lớn, công nghệ cao. Thái Nguyên cũng nên chủ động hợp tác quốc tế để thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ tiên tiến.

Thứ hai, khắc phục điểm yếu để tận dụng cơ hội (WO). Để nâng cao sức hấp dẫn đầu tư, Thái Nguyên cần tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo nghề, thu hút nhân tài đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư. Đồng thời, cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông và hạ tầng xã hội tại các khu công nghiệp để tăng năng lực cạnh tranh. Ngoài ra, cần đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, tập trung vào các thị trường trọng điểm và các dự án công nghệ cao.

Thứ ba, sử dụng điểm mạnh để hóa giải thách thức (ST). Thái Nguyên cần

tận dụng vị trí địa lý thuận lợi và cơ sở hạ tầng để cạnh tranh với các tỉnh thành khác trong việc thu hút đầu tư. Cần đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh để thu hút đầu tư trong bối cảnh biến động kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, cần xây dựng các chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn hơn để thu hút các dự án FDI quy mô lớn, tạo động lực phát triển kinh tế.

Cuối cùng, giảm thiểu điểm yếu để đối phó với thách thức (WT). Thái Nguyên cần nỗ lực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hoàn thiện cơ sở hạ tầng để tăng sức cạnh tranh với các tỉnh thành khác. Đồng thời, cần chủ động phòng ngừa và ứng phó với các rủi ro do biến động kinh tế toàn cầu và biến đổi khí hậu. Thái Nguyên cũng cần đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động để thu hút đầu tư trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt.

3.2 Định hướng thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới, định hướng tới 2030

Trước tiên, cần ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao và thân thiện với môi trường, đặc biệt là các lĩnh vực sản xuất điện tử, công nghiệp phụ trợ, và năng lượng tái tạo. Điều này không chỉ đáp ứng xu thế toàn cầu về phát triển bền vững mà còn tận dụng lợi thế về vị trí chiến lược và nguồn nhân lực chất lượng của tỉnh.

Thái Nguyên cũng cần xây dựng hình ảnh một trung tâm công nghiệp hiện đại và hấp dẫn, thông qua việc đẩy mạnh xúc tiến đầu tư quốc tế, đặc biệt tại các thị trường tiềm năng như Nhật Bản, Hàn Quốc, và châu Âu. Việc tham gia các triển lãm quốc tế, tổ chức các hội thảo xúc tiến đầu tư chuyên đề và ký kết các thỏa thuận hợp tác song phương sẽ tạo điều kiện kết nối với các nhà đầu tư chiến lược.

Bên cạnh đó, tỉnh cần hướng đến phát triển các khu công nghiệp theo mô hình "khu công nghiệp xanh," tích hợp các giải pháp công nghệ hiện đại trong quản lý năng lượng, xử lý chất thải và nước thải, cũng như phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, thông minh. Định hướng này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh trong việc thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn.

Ngoài ra, cần tập trung vào việc xây dựng các chính sách ưu đãi đầu tư có tính cạnh tranh cao, đặc biệt là trong việc giảm chi phí thuê đất, cung cấp hạ tầng miễn phí ban đầu, và hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi hơn

nữa trong các thủ tục hành chính, áp dụng triệt để công nghệ số trong quản lý và cấp phép đầu tư nhằm rút ngắn thời gian xử lý.

Định hướng tiếp theo là phát triển mạnh mẽ hạ tầng giao thông kết nối liên vùng, bao gồm các tuyến cao tốc, đường sắt và hệ thống logistics hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm. Sự cải thiện đồng bộ hạ tầng sẽ không chỉ tăng sức hấp dẫn của các khu công nghiệp mà còn thúc đẩy hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp đầu tư.

Cuối cùng, Thái Nguyên cần tập trung phát triển các khu công nghiệp gắn với khu dân cư hiện đại và các tiện ích xã hội như trường học, bệnh viện, khu vui chơi giải trí. Đây là yếu tố quan trọng để đảm bảo chất lượng cuộc sống cho lực lượng lao động, từ đó thu hút và giữ chân nguồn nhân lực tay nghề cao, đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư.

3.2. Một số giải pháp thu hút vốn đầu tư cho khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

3.2.1. Giải pháp về xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng:

Cơ sở đề xuất giải pháp

Thực trạng thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cho thấy, mặc dù đã có những kết quả nhất định, nhưng vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Trong đó, việc kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong KCN chưa đồng bộ được xem là một trong những nguyên nhân chủ quan chính. Cụ thể, nhiều KCN vẫn chưa có hạ tầng đồng bộ, đặc biệt là hệ thống giao thông nội khu và kết nối liên vùng. Điển hình như KCN Sông Công I, mặc dù đã được thành lập từ lâu, nhưng việc đầu tư xây dựng hạ tầng còn chậm trễ, dẫn đến khó khăn trong việc thu hút các dự án lớn. Bên cạnh đó, hệ thống cấp thoát nước, điện, xử lý rác thải và nước thải tại một số KCN như Nam Phổ Yên và Diềm Thụy B chưa được hoàn thiện, gây khó khăn cho các nhà đầu tư khi triển khai dự án. Việc quỹ đất sạch trong các KCN còn hạn chế cũng làm tăng chi phí cho các nhà đầu tư trong việc giải phóng mặt bằng.

Nội dung giải pháp

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng của các doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm kịp thời đáp ứng tiến độ cho các dự án. Đặc biệt là KCN Sông Công I đã thành lập trên ba chục năm nhưng thực chất thời gian qua ngân sách nhà nước

mới chỉ đầu tư một ít vốn để chi phí cho công tác thiết kế, quy hoạch... và chờ tìm kiếm nhà đầu tư hạ tầng mới thu hút được các nhà đầu tư vào hoạt động. Vì vậy, cần đôn đốc nhà đầu tư hạ tầng đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng để có mặt bằng thu hút các dự án đầu tư vào KCN này.

Tập trung xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu, có ý nghĩa quyết định đối với việc thu hút và triển khai các dự án đầu tư qui mô lớn, mang tính động lực.

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng là một trong những giải pháp mà các nhà đầu tư rất quan tâm bởi vì hạ tầng trong và ngoài KCN tốt sẽ làm giảm trực tiếp đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp, mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Điều kiện thực hiện giải pháp

- ❖ Sự hỗ trợ từ phía chính quyền thông qua các chính sách ưu đãi đầu tư, tài trợ vốn hoặc hỗ trợ giải phóng mặt bằng.
- ❖ Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, nhà đầu tư và các đơn vị thi công.

Lợi ích dự kiến

- ❖ Giảm chi phí sản xuất cho doanh nghiệp.
- ❖ Nâng cao sức hấp dẫn của các KCN đối với các nhà đầu tư.
- ❖ Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- ❖ Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện cơ chế chính sách và cải cách thủ tục hành chính

Cơ sở đề xuất giải pháp

Bên cạnh những thuận lợi về vị trí địa lý, nguồn lao động dồi dào, Thái Nguyên vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định trong việc thu hút vốn đầu tư vào các KCN. Một trong những nguyên nhân quan trọng chính là cơ chế chính sách và thủ tục hành chính còn chưa thực sự thông thoáng, minh bạch và hiệu quả. Cụ thể, một số chính sách ưu đãi đầu tư tuy đã được ban hành nhưng chưa thực sự hấp dẫn, chưa đủ mạnh để thu hút các nhà đầu tư lớn, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài. Thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư còn rườm rà, phức tạp, gây khó khăn và mất thời gian cho các nhà đầu tư. Việc tiếp cận thông tin, thực hiện các thủ tục về đất đai, xây dựng,

môi trường,... còn nhiều bất cập, chưa được số hóa và đơn giản hóa tối đa. Những hạn chế này đã tạo ra rào cản, làm giảm sức hấp dẫn đầu tư của tỉnh, khiến nhiều nhà đầu tư e ngại và lựa chọn các địa phương khác có môi trường đầu tư thuận lợi hơn.

Nội dung giải pháp

Tiếp tục nâng cao công tác cải cách hành chính; Quyết liệt thực hiện các giải pháp cải thiện và nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành, địa phương (DDCI); tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện các dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích trong thực hiện TTHC của Ban.

Phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư hạ tầng KCN, các tổ chức tư vấn xúc tiến đầu tư vận động thu hút đầu tư vào các KCN tăng tỷ lệ lấp đầy trong các KCN. Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác thu hút đầu tư, ưu tiên thu hút các dự án có vốn đầu tư lớn, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, có khả năng đóng góp nhiều cho ngân sách.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, phối hợp với các đơn vị liên quan việc thực hiện các quy định pháp luật tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung tuyên truyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật về lao động, môi trường, quy hoạch, xây dựng.

Tăng cường phối hợp với các sở, ngành có liên quan để tham mưu, báo cáo UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình giao đất cho 02 KCN Sông Công II và KCN Yên Bình; kịp thời phối hợp hỗ trợ các doanh nghiệp trình hồ sơ xin thuê đất tại KCN Sông Công II; đồng thời tham mưu chỉ đạo các chủ dự án hạ tầng KCN sớm hoàn thiện trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo tiến độ đề ra.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, phối hợp với các đơn vị liên quan việc thực hiện các quy định pháp luật tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung tuyên truyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật về lao động, môi trường, quy hoạch, xây dựng.

Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc còn tồn tại, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tiếp tục thực hiện các dự án xây dựng hạ tầng KCN.

Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp trong KCN để kịp thời tháo gỡ, khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; Tạo điều kiện tối đa và khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng sản xuất.

Phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư hạ tầng KCN, các tổ chức tư vấn xúc tiến đầu tư đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư theo hướng trọng tâm, trọng điểm, có hiệu quả; chủ động trao đổi, thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong một số lĩnh vực có tiềm năng, tạo sự đột phá như công nghiệp bán dẫn, công nghiệp điện tử, công nghệ cao vào các KCN tăng tỷ lệ lấp đầy trong KCN; Kiên quyết thu hồi các dự án không thực hiện theo đúng tiến độ và cam kết đầu tư.

Điều kiện thực hiện giải pháp

Để triển khai hiệu quả các giải pháp thu hút đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội, cần sự quyết tâm và vào cuộc mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Điều này đảm bảo sự thống nhất về ý chí và hành động trong toàn bộ quá trình thực hiện. Bên cạnh đó, sự phối hợp đồng bộ giữa các sở, ban, ngành là yếu tố then chốt nhằm giải quyết các vướng mắc và tận dụng tối đa các nguồn lực. Việc đầu tư nguồn lực để nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và đào tạo cán bộ cũng đóng vai trò quan trọng. Hạ tầng hiện đại và đội ngũ cán bộ có năng lực sẽ tăng cường hiệu quả quản lý, hỗ trợ tốt hơn cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư.

Lợi ích dự kiến của giải pháp

Các giải pháp được thực hiện hiệu quả sẽ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, từ đó thu hút thêm nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tỉnh sẽ hình thành một môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, thuận lợi và an toàn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển bền vững. Ngoài ra, giải pháp còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên, tạo công ăn việc làm, cải thiện đời sống nhân dân và nâng cao vị thế của tỉnh trong khu vực.

3.2.3. Giải pháp xúc tiến đầu tư

Cơ sở đề xuất giải pháp

Mặc dù Thái Nguyên có nhiều tiềm năng và lợi thế để thu hút đầu tư, nhưng kết quả đạt được chưa thực sự tương xứng với tiềm năng. Một trong những nguyên nhân quan trọng là hoạt động xúc tiến đầu tư chưa thực sự hiệu quả. Cụ thể, công tác quảng bá, giới thiệu tiềm năng, lợi thế của tỉnh đến các nhà đầu tư còn hạn chế, chưa đa

dạng về hình thức và nội dung, chưa tiếp cận được đúng đối tượng tiềm năng. Việc tổ chức các hội nghị, hội thảo xúc tiến đầu tư chưa được chú trọng đúng mức, thiếu các chương trình xúc tiến đầu tư chuyên sâu, tập trung vào các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh. Ngoài ra, việc hợp tác, liên kết với các địa phương khác trong thu hút đầu tư còn yếu, chưa khai thác hiệu quả các kênh thông tin, mạng lưới đối tác trong và ngoài nước. Sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực xúc tiến đầu tư cũng là một hạn chế lớn, ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác này.

Nội dung giải pháp

Thành lập một phòng hoặc bộ phận chuyên trách xúc tiến đầu tư; bố trí đội ngũ cán bộ hoặc bộ phận chuyên làm công tác xúc tiến đầu tư tại Ban Quản lý KCN Thái Nguyên. Đào tạo đội ngũ cán bộ này có chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xúc tiến với vai trò là trung tâm xâu chuỗi, đầu mối, thông qua các đợt tập huấn, hội thảo của Trung ương về xúc tiến đầu tư.

Chú trọng các hoạt động sau khi xúc tiến đầu tư như chăm lo đến lợi ích của các nhà đầu tư đã có; đối thoại thường xuyên để giữ liên lạc và giải quyết những khó khăn vướng mắc đối với các nhà đầu tư, vì đây là cơ hội tốt để chính họ là người tuyên truyền, quảng bá, lôi kéo, dẫn dắt các nhà đầu tư tiềm năng khác đến với Thái Nguyên.

Thường xuyên quảng bá hình ảnh và các thành tựu của Thái Nguyên thông qua thông tấn báo chí nước ngoài, xem đây là cơ hội tốt tạo dựng mối quan hệ phù hợp để họ có những thông tin cần thiết để thường xuyên truyền tải đến các nhà đầu tư mới.

Ban quản lý các KCN kết hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Công Thương Thái Nguyên trong các đợt hoạt động xúc tiến du lịch, thương mại ở trong và ngoài nước nhằm giới thiệu môi trường đầu tư ở Thái Nguyên đến các đối tác; đồng thời cũng tiết kiệm được kinh phí hơn.

Ban quản lý các KCN cần tham mưu UBND tỉnh ban hành danh mục dự án để gọi đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài một cách cụ thể, rõ ràng và được đưa trên trang web của Ban quản lý và cổng thông tin của UBND tỉnh. Khi công bố danh mục cần gắn liền với bản tóm tắt dự án trong đó có đủ những thông tin cần thiết, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư có được thông tin nhanh, giảm chi phí khi tìm hiểu để lựa chọn đầu tư.

BQL thường xuyên duy trì hoạt động của trang web Ban Quản lý, cập nhật các thông tin giới thiệu về tỉnh Thái Nguyên, môi trường đầu tư của tỉnh, quy hoạch các KCN và tình hình hoạt động của các KCN, hướng dẫn các thủ tục, cung cấp các mẫu hồ sơ, cũng như các văn bản, chính sách pháp luật có liên quan đến hoạt động đầu tư, để các nhà đầu tư và doanh nghiệp tiện tra cứu và tải xuống để sử dụng.

Điều kiện thực hiện giải pháp

Để nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư, cần sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của lãnh đạo tỉnh. Vai trò định hướng và chỉ đạo từ các cấp lãnh đạo sẽ tạo động lực thúc đẩy và đảm bảo tính thống nhất trong triển khai các giải pháp. Đồng thời, sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành liên quan là yếu tố cần thiết để giải quyết các khó khăn, đẩy mạnh hiệu quả triển khai. Ngoài ra, việc đầu tư kinh phí đầy đủ và hợp lý cho hoạt động xúc tiến đầu tư sẽ tạo điều kiện để tổ chức các chương trình quảng bá, hội thảo và hỗ trợ các doanh nghiệp hiệu quả hơn.

Lợi ích dự kiến của giải pháp

Các giải pháp được thực hiện đồng bộ và hiệu quả sẽ nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút thêm nhiều dự án đầu tư có giá trị và chất lượng cao. Điều này không chỉ tăng cường nguồn lực phát triển mà còn góp phần quảng bá hình ảnh và thương hiệu của tỉnh đến các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đồng thời, các dự án đầu tư mới sẽ tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống người dân và nâng cao vị thế cạnh tranh của tỉnh trên bản đồ đầu tư khu vực và quốc tế.

3.2.4. Giải pháp khuyến khích, hỗ trợ đầu tư

Cơ sở đề xuất giải pháp

Mặc dù Thái Nguyên đã có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, nhưng thực tế cho thấy, hiệu quả của các chính sách này chưa cao, chưa đủ sức cạnh tranh so với các tỉnh, thành phố khác trong khu vực. Nguyên nhân là do một số chính sách còn chung chung, chưa sát với thực tiễn, chưa đáp ứng được nhu cầu cụ thể của nhà đầu tư. Việc triển khai các chính sách hỗ trợ cũng còn nhiều bất cập, thiếu sự đồng bộ, liên thông giữa các sở, ban, ngành. Thông tin về các chính sách hỗ trợ chưa được phổ biến rộng rãi, khiến nhiều nhà đầu tư chưa nắm bắt được đầy đủ. Bên cạnh đó, nguồn

lực dành cho hỗ trợ đầu tư còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của các doanh nghiệp.

Nội dung giải pháp

Ban quản lý các KCN cần tổ chức các buổi họp giao ban với các doanh nghiệp trong các KCN, cử cán bộ đại diện của Ban quản lý đến các KCN để nắm bắt tình hình triển khai thực hiện dự án, tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp; tiếp nhận và giải đáp các yêu cầu, thắc mắc có liên quan đến hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp trong các KCN thông qua mạng điện tử; hướng dẫn các doanh nghiệp trong các KCN thực hiện các quy định về quản lý lao động, hướng dẫn thủ tục thành lập Công đoàn cơ sở của doanh nghiệp; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp trong các KCN; thường xuyên kiểm tra tình hình cung cấp điện tại các KCN, làm việc với công ty điện lực để ưu tiên cấp điện cho KCN.

Là cơ quan quản lý, Ban quản lý nên thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo hàng tháng, thực hiện đúng mục tiêu đầu tư, tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp.

Để tạo “cú hích” thu hút vốn đầu tư vào các KCN trong điều kiện hiện nay không phải dễ dàng và cần thiết phải có những chiến lược hỗ trợ tài chính hấp dẫn hơn đối với doanh nghiệp như: Ưu đãi để hỗ trợ các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN hay hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp, thay vì chỉ hỗ trợ tài chính DN nhỏ và vừa như trước đây nên sẵn sàng hỗ trợ kinh phí, tài chính cho tập đoàn lớn để thu hút các dự án có công nghệ cao.

Điều kiện thực hiện giải pháp

Để thực hiện thành công các giải pháp thu hút đầu tư, cần có sự quan tâm và chỉ đạo sát sao từ lãnh đạo tỉnh. Vai trò chỉ đạo của lãnh đạo là yếu tố quan trọng giúp định hướng rõ ràng và thúc đẩy sự cam kết từ các cấp, ngành trong việc triển khai các chiến lược đầu tư. Bên cạnh đó, sự phối hợp đồng bộ giữa các sở, ban, ngành liên quan đảm bảo rằng các chính sách, quy trình và hoạt động được thực hiện một cách hiệu quả và thống nhất. Đặc biệt, việc huy động sự tham gia của các tổ chức và doanh

ng nghiệp trong và ngoài nước sẽ tạo thêm nguồn lực, ý tưởng sáng tạo và kinh nghiệm, từ đó nâng cao chất lượng của các dự án đầu tư.

Lợi ích dự kiến của giải pháp

Việc triển khai các giải pháp này sẽ giúp tỉnh Thái Nguyên thu hút được các dự án đầu tư có chọn lọc, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đồng thời, môi trường đầu tư thuận lợi sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động, sản xuất, kinh doanh một cách bền vững, từ đó góp phần gia tăng giá trị kinh tế. Không chỉ vậy, các dự án đầu tư mới còn thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

3.3. Kiến nghị

3.3.1 Kiến nghị với các cơ quan Chính Phủ

Để tăng cường thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp tại Thái Nguyên, các cơ quan Chính phủ cần tập trung vào các nội dung sau:

Chính phủ cần ban hành các chính sách ưu đãi đồng bộ dành riêng cho các khu công nghiệp tại khu vực trung du miền núi phía Bắc. Chính sách cần tập trung vào ưu đãi thuế, hỗ trợ vay vốn ưu đãi cho các dự án sử dụng công nghệ cao và thân thiện với môi trường.

Đầu tư phát triển hệ thống giao thông liên kết giữa các khu công nghiệp và các khu vực kinh tế trọng điểm như cảng biển, sân bay, và tuyến đường cao tốc. Đặc biệt, hoàn thiện các dự án hạ tầng giao thông đang triển khai nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa và nguyên vật liệu.

Thúc đẩy áp dụng chính phủ điện tử, cải cách quy trình thủ tục hành chính trong cấp phép đầu tư và xây dựng khu công nghiệp. Điều này sẽ giảm thiểu thời gian chờ đợi của nhà đầu tư và tăng tính minh bạch trong các hoạt động liên quan đến đầu tư.

Chính phủ cần tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư tại các quốc gia có tiềm năng cao về FDI như Nhật Bản, Hàn Quốc, và các nước châu Âu. Đồng thời, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh Thái Nguyên là một địa phương hấp dẫn, có vị trí chiến lược và lợi thế phát triển công nghiệp.

Chính phủ nên đầu tư vào các chương trình giáo dục và đào tạo nhằm cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao phù hợp với nhu cầu của các ngành công nghiệp hiện

đại tại Thái Nguyên. Việc hợp tác giữa các trường đại học, cao đẳng và doanh nghiệp cũng cần được khuyến khích.

3.3.2 Kiến nghị với UBND tỉnh Thái Nguyên

UBND tỉnh cần tập trung nguồn lực để xây dựng, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp như giao thông nội khu, hệ thống điện, nước, và xử lý chất thải. Điều này đảm bảo các khu công nghiệp đủ sức cạnh tranh với các tỉnh thành khác trong khu vực.

UBND tỉnh cần triển khai mạnh mẽ cơ chế "một cửa liên thông" để hỗ trợ nhà đầu tư trong các thủ tục hành chính, bao gồm đăng ký đầu tư, cấp phép xây dựng, và giải phóng mặt bằng.

Tỉnh cần ban hành các chính sách hỗ trợ cụ thể cho các nhà đầu tư, chẳng hạn như hỗ trợ chi phí đào tạo lao động, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng phụ trợ, và miễn giảm tiền thuê đất trong giai đoạn đầu của dự án.

Thái Nguyên cần tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư chuyên sâu, xây dựng các bộ tài liệu quảng bá bằng nhiều ngôn ngữ nhằm giới thiệu tiềm năng và lợi thế của các khu công nghiệp trên địa bàn.

Tỉnh cần phát triển các dịch vụ hỗ trợ đi kèm như nhà ở cho công nhân, trường học, bệnh viện và các tiện ích công cộng nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, từ đó giữ chân lao động và tạo môi trường làm việc hấp dẫn.

UBND tỉnh nên tập trung thu hút các dự án sử dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường và có giá trị gia tăng lớn. Để đạt được điều này, cần có các chính sách ưu đãi đặc thù cho các nhà đầu tư trong lĩnh vực này.

Thái Nguyên cần phối hợp với các địa phương lân cận nhằm hình thành chuỗi giá trị công nghiệp, hỗ trợ lẫn nhau trong việc thu hút và triển khai các dự án đầu tư lớn.

KẾT LUẬN

Thu hút vốn đầu tư vào các KCN tỉnh Thái Nguyên là một chính sách lớn trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2022 và tầm nhìn đến năm 2030. Phát triển các KCN là một phương thức quản lý công nghiệp tập trung, một cách thức tạo ra các tiểu vùng kinh tế động lực rất phổ biến trong xu thế hiện nay.

Trong bài nghiên cứu này, tác giả đã chỉ rõ những mặt hạn chế trong thu hút vốn đầu tư vào các KCN tỉnh Thái Nguyên, cụ thể KCN Sông Công II và KCN Yên Bình là 2 KCN thu hút được nhiều dự án đăng ký cũng như dự án thực hiện đầu tư, tuy nhiên vì là những KCN trẻ nên tỉ lệ lấp đầy của diện tích đất cho thuê chưa cao, cùng với đó là KCN Sông Công I và Nam Phổ Yên có vốn đầu tư bình quân dự án khá khiêm tốn mặc dù các KCN này đã đi vào hoạt động từ rất lâu. Từ đó tác giả chỉ ra những mặt hạn chế trong công tác giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, cũng như những hạn chế trong thủ tục hành chính của các đơn vị sự nghiệp, trong đó Ban quản lý các KCN tỉnh Thái Nguyên là phụ trách chính. Với những giải pháp quản lý tích cực, chặt chẽ các KCN sẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, góp phần thúc đẩy đô thị hóa, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài nguyên và sức cạnh tranh của hàng hóa, thúc đẩy hình thành vùng nguyên liệu theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, là điều kiện để Thái Nguyên chuyển biến cơ bản về mọi mặt đời sống xã hội.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 về tập trung đầu tư xây dựng, kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực và tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư. Vì vậy, phát triển và hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; tạo dựng môi trường pháp lý thuận tiện, thông thoáng, cởi mở; đổi mới và tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến thu hút đầu tư; đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển và mở rộng thị trường là những giải pháp cơ bản để Thái Nguyên ngày càng thu hút được nhiều vốn đầu tư hơn vào các khu công nghiệp.

Mặc dù đã cố gắng nỗ lực để hoàn thiện đề án nhưng vẫn không thể tránh khỏi thiếu sót. Tác giả mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy, cô, các chuyên gia để tiếp tục hoàn thiện và phát triển hơn nữa những nghiên cứu của mình.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ADB (2021), *Báo cáo phát triển khu vực châu Á: Vai trò của khu công nghiệp*, Ngân hàng Phát triển Châu Á.
2. Ban Quản lý Khu Công nghiệp Thái Nguyên (2023), *Tổng kết tình hình đầu tư khu công nghiệp giai đoạn 2018–2023*.
3. Bộ Công Thương (2021), *Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia*, NXB Khoa học và Công nghệ.
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023), *Định hướng phát triển các khu công nghiệp giai đoạn 2021–2030*, NXB Thống kê.
5. Bộ Tài chính (2022), *Báo cáo tài chính công liên quan đến đầu tư vào khu công nghiệp*, NXB Chính trị Quốc gia.
6. Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên (2022), *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên*, Niên giám Thống kê.
7. Hồ Sĩ Quý (2018), *Tác động của hạ tầng giao thông đến thu hút vốn đầu tư*, Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương.
8. JICA (2020), *Đầu tư công và tư nhân tại các khu công nghiệp châu Á*, Báo cáo JICA.
9. Lê Minh Đức (2023), *Xu hướng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam*, Tạp chí Đầu tư.
10. Lê Quang Hùng (2020), *Môi trường đầu tư tại khu vực miền Bắc Việt Nam*, Tạp chí Đầu tư và Phát triển.
11. Lê Thị Hồng (2018), *Quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp tại Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế Xã hội.
12. Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 (2020), *Văn bản luật về đầu tư tại Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.
13. Nguyễn Đình Tâm (2020), *Kinh nghiệm quốc tế về quản lý khu công nghiệp*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ.
14. Nguyễn Hữu Thắng (2016), *Hiệu quả chính sách ưu đãi đầu tư khu công nghiệp*, NXB Chính trị Quốc gia.
15. Nguyễn Thanh Bình (2019), *Giải pháp cải cách thủ tục hành chính trong thu hút đầu tư*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

16. Nguyễn Thị Hoa (2020), *Phân tích chi phí - lợi ích trong phát triển khu công nghiệp*, Tạp chí Tài chính Online.
17. Nguyễn Thị Hồng (2018), *Hạ tầng kỹ thuật và vai trò của nó trong phát triển khu công nghiệp*, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế.
18. Nguyễn Tấn Phong (2017), *Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư*, Tạp chí Kinh tế Phát triển.
19. Nguyễn Văn Hải (2021), *Cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư tại Việt Nam*, NXB Lao động - Xã hội.
20. Nguyễn Văn Hùng (2016), *Phát triển bền vững khu công nghiệp ở Việt Nam*, Tạp chí Tài chính Online.
21. Nguyễn Văn Kiên (2017), *Phát triển công nghiệp tại các tỉnh miền núi phía Bắc*, Tạp chí Kinh tế Phát triển.
22. Nguyễn Văn Nam (2015), *Phát triển khu công nghiệp và thu hút vốn đầu tư*, NXB Chính trị Quốc gia.
23. Nguyễn Văn Thành (2022), *Kinh nghiệm phát triển khu công nghiệp từ các nước ASEAN*, Tạp chí Khoa học và Đời sống.
24. Nguyễn Quốc Tuấn (2020), *Thực trạng và giải pháp phát triển khu công nghiệp ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.
25. OECD (2021), *Chính sách công nghiệp tại các quốc gia phát triển*, Báo cáo tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế.
26. Phạm Quốc Anh (2018), *Các yếu tố chính sách ảnh hưởng đến đầu tư tại khu công nghiệp*, NXB Lao động.
27. Từ Quang Phương (2022), *Quản trị dự án đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
28. Tổng cục Thống kê (2022), *Niên giám thống kê Việt Nam 2022*, NXB Thống kê.
29. Trần Thị Lan Hương (2018), *Chính sách khuyến khích đầu tư tại khu công nghiệp Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo.
30. Trần Văn Phát (2019), *Cải cách thủ tục hành chính và thu hút đầu tư tại địa phương*, Tạp chí Tài chính Online.

31. UBND tỉnh Thái Nguyên (2023), *Báo cáo tình hình thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp năm 2023*.
32. UNDP Việt Nam (2022), *Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)*, Báo cáo thường niên.
33. UNIDO (2022), *Phát triển bền vững các khu công nghiệp*, Báo cáo Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc.
34. VCCI (2023), *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023*, Báo cáo PCI.
35. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (2023), *Báo cáo năng lực cạnh tranh khu công nghiệp Việt Nam*, Báo cáo CIEM.
36. WB (2019), *Cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam*, Báo cáo Ngân hàng Thế giới.
37. WB & IFC (2019), *Hướng dẫn thu hút đầu tư tư nhân vào khu công nghiệp*, Báo cáo hợp tác.
38. □ Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên (2023), *Thống kê kinh tế và đầu tư tỉnh Thái Nguyên*, Cục Thống kê Thái Nguyên.